

**From Dictatorship to Democracy**

**Từ Độc tài đến Dân chủ**

**Gene Sharp**



**Nguyễn Huy Vũ dịch**



# **FROM DICTATORSHIP TO DEMOCRACY**

*A Conceptual Framework for Liberation*

## **TỪ ĐỘC TÀI ĐẾN DÂN CHỦ**

Một khuôn khổ khái niệm cho giải phóng

GENE SHARP

Nguyễn Huy Vũ dịch

## **Trang thông tin**

Phong trào Duy Tân là một tổ chức có sứ mệnh kiến tạo một nước Việt Nam dân chủ, tự do, và cường thịnh.

Mọi thông tin về Phong trào Duy Tân được cập nhật trên website:  
[www.phongtraoduytan.com](http://www.phongtraoduytan.com)

Hỗ trợ và liên lạc xin theo địa chỉ email:

[phongtraoduytanvietnam@gmail.com](mailto:phongtraoduytanvietnam@gmail.com) hoặc [lienlac@phongtraoduytan.com](mailto:lienlac@phongtraoduytan.com)

Theo dõi trên mạng xã hội:

Facebook: [www.facebook.com/phongtraoduytan](http://www.facebook.com/phongtraoduytan)

X: [www.x.com/@phongtraoduytan](http://www.x.com/@phongtraoduytan)

Youtube: [www.youtube.com/@phongtraoduytan](http://www.youtube.com/@phongtraoduytan)

**Bản dịch chỉ dành cho mục đích học thuật.**

## Mục Lục

- [Trang bìa](#)
- [Trang tiêu đề](#)
- [Trang thông tin](#)
- [Lời nói đầu](#)
- [Chương 1: Đối diện với các chế độ độc tài một cách thực tế](#)
- [Chương 2: Những nguy cơ của đàm phán](#)
- [Chương 3: Quyền lực đến từ đâu?](#)
- [Chương 4: Các chế độ độc tài có những điểm yếu](#)
- [Chương 5: Vận dụng quyền lực](#)
- [Chương 6: Sự cần thiết của hoạch định chiến lược](#)
- [Chương 7: Hoạch định chiến lược](#)
- [Chương 8: Áp dụng đấu tranh bất hợp tác chính trị](#)
- [Chương 9: Làm tan rã chế độ độc tài](#)
- [Chương 10: Nền tảng cho một nền dân chủ bền vững](#)

## Lời nói đầu

Trong nhiều năm qua, một trong những mối quan tâm lớn của tôi là: làm thế nào con người có thể ngăn chặn và lật đổ các chế độ độc tài. Mối quan tâm này phần nào bắt nguồn từ niềm tin rằng con người không nên bị thống trị hay hủy hoại bởi những chế độ như vậy. Niềm tin ấy càng được củng cố qua việc đọc về tầm quan trọng của tự do con người, về bản chất của các chế độ độc tài (từ Aristotle đến các nhà phân tích chủ nghĩa toàn trị), cũng như qua lịch sử của các chế độ độc tài (đặc biệt là hệ thống Đức Quốc xã và Stalin).

Trong suốt những năm đó, tôi có dịp gặp gỡ và tìm hiểu những con người đã sống và chịu đựng dưới ách thống trị của Đức Quốc xã, trong đó có những người sống sót từ các trại tập trung. Tại Na Uy, tôi gặp những người đã kháng cự chế độ phát xít và sống sót, đồng thời nghe kể về những người đã ngã xuống. Tôi cũng trò chuyện với những người Do Thái từng thoát khỏi sự truy bắt của Đức Quốc xã, cũng như với những người đã giúp cứu họ.

Những hiểu biết về sự khủng bố dưới các chế độ cộng sản ở nhiều quốc gia phần lớn đến với tôi qua sách vở hơn là tiếp xúc trực tiếp. Điều khiến tôi day dứt đặc biệt là: những chế độ độc tài này lại được áp đặt nhân danh việc giải phóng con người khỏi áp bức và bóc lột.

Trong những thập niên gần đây, thông qua việc gặp gỡ những người đến từ các quốc gia dưới chế độ độc tài — như Panama, Ba Lan, Chile, Tây Tạng và Myanmar — thực tế của các chế độ này trở nên sống động và rõ ràng hơn đối với tôi. Từ những người Tây Tạng từng kháng cự sự xâm lược của Trung Quốc cộng sản, những người Nga đã ngăn chặn cuộc đảo chính cứng rắn tháng 8 năm 1991, cho đến những người Thái Lan đã bắt bạo động ngăn chặn sự quay trở lại của chế độ quân sự, tôi có được những góc nhìn — thường là đầy trần trụi — về bản chất thâm hiểm của các chế độ độc tài.

Cảm xúc xót xa và phẫn nộ trước những tàn bạo, cùng với sự khâm phục đối với lòng dũng cảm bình thường của những con người phi thường, đôi khi càng được khắc sâu qua những chuyến đi đến các nơi mà hiểm nguy vẫn cận kề, nhưng sự bất tuân của những con người can đảm vẫn tiếp diễn. Đó là Panama dưới thời Noriega; Vilnius (Litva) dưới sự đàn áp kéo dài của Liên Xô; Quảng trường Thiên An Môn ở Bắc Kinh — cả trong những ngày hội của khát vọng tự do lẫn vào đêm định mệnh khi những xe bọc thép đầu tiên tiến vào; và căn cứ trong rừng của lực lượng đối lập dân chủ tại Manerplaw, vùng “Miền Điện tự do”.

Đôi khi tôi đến thăm những nơi ghi dấu sự ngã xuống — như tháp truyền hình và nghĩa trang ở Vilnius, công viên công cộng tại Riga nơi người dân từng bị bắn hạ, trung tâm thành phố Ferrara ở miền bắc Ý nơi phát xít xếp hàng xử bắn những người kháng cự, hay một nghĩa trang đơn sơ ở Manerplaw, nơi chôn cất những con người đã ra đi khi tuổi đời còn quá trẻ. Một nhận thức đau lòng dần hiện rõ: mọi chế độ độc tài đều để lại phía sau nó dấu vết của cái chết và sự tàn phá.

Từ những trải trở và trải nghiệm ấy, trong tôi hình thành một niềm hy vọng đầy quyết tâm: rằng có thể ngăn chặn được bạo quyền, rằng có thể tiến hành những cuộc đấu tranh chống độc tài một cách thành công mà không cần đến những cuộc tàn sát lẫn nhau quy mô lớn, và rằng các chế độ độc tài có thể bị xóa bỏ, đồng thời ngăn chặn những chế độ mới trỗi dậy từ đống tro tàn.

Tôi đã cố gắng suy nghĩ một cách thận trọng về những phương thức hiệu quả nhất để làm tan rã các chế độ độc tài, với cái giá phải trả về đau khổ và sinh mạng là thấp nhất có thể. Để làm điều đó, tôi dựa trên nhiều năm nghiên cứu về các chế độ độc tài, các phong trào kháng cự, các cuộc cách mạng, tư tưởng chính trị, hệ thống nhà nước, và đặc biệt là đấu tranh bất bạo động trong thực tiễn.

Ấn phẩm này là kết quả của quá trình đó. Tôi hiểu rằng nó còn xa mới hoàn thiện. Tuy vậy, tôi hy vọng nó có thể cung cấp một số định hướng hữu ích, giúp việc suy nghĩ và hoạch định trở nên rõ ràng hơn, qua đó góp phần hình thành

những phong trào giải phóng mạnh mẽ và hiệu quả hơn so với khi không có những định hướng này.

Do tính chất của đề tài, và cũng là một lựa chọn có chủ ý, tiểu luận này tập trung vào vấn đề mang tính tổng quát: làm thế nào để lật đổ một chế độ độc tài và ngăn chặn sự xuất hiện của một chế độ mới. Tôi không có đủ năng lực để đưa ra một phân tích và giải pháp chi tiết cho từng quốc gia cụ thể. Tuy vậy, tôi hy vọng cách tiếp cận khái quát này sẽ hữu ích cho những con người ở — đáng tiếc là — rất nhiều quốc gia mà hiện nay đang phải đối diện với thực tế của chế độ độc tài. Họ sẽ cần tự mình xem xét mức độ phù hợp của phân tích này với hoàn cảnh của mình, cũng như cân nhắc xem những khuyến nghị cốt lõi ở đây có thể được áp dụng đến đâu, hoặc cần được điều chỉnh ra sao, trong cuộc đấu tranh giành tự do của họ.

Trong toàn bộ phân tích này, tôi không hề giả định rằng việc thách thức các chế độ độc tài là một công việc dễ dàng hay không phải trả giá. Mọi hình thức đấu tranh đều có những phức tạp và tổn thất riêng. Việc đối đầu với độc tài, dĩ nhiên, sẽ kéo theo thương vong. Tuy vậy, tôi hy vọng rằng những phân tích này sẽ thúc đẩy các nhà lãnh đạo phong trào suy nghĩ về những chiến lược có thể gia tăng sức mạnh thực chất của họ, đồng thời giảm thiểu mức độ tổn thất tương đối trong quá trình đấu tranh.

Cũng không nên hiểu rằng khi một chế độ độc tài sụp đổ thì mọi vấn đề khác sẽ tự động biến mất. Sự sụp đổ của một chế độ không mang lại một xã hội lý tưởng. Trái lại, nó chỉ mở ra con đường cho những nỗ lực lâu dài và đầy gian nan nhằm xây dựng các quan hệ xã hội, kinh tế và chính trị công bằng hơn, cũng như xóa bỏ những hình thức bất công và áp bức khác. Tôi hy vọng rằng bản phân tích ngắn gọn này về cách một chế độ độc tài có thể bị làm tan rã sẽ hữu ích ở bất cứ nơi đâu con người đang sống dưới sự thống trị và khao khát tự do.

Gene Sharp

6 tháng 10 năm 1993

Albert Einstein Institution  
Boston, Massachusetts

## **Chương 1: Đối diện với các chế độ độc tài một cách thực tế**

Trong những năm gần đây, nhiều chế độ độc tài — dù xuất phát từ bên trong hay bị áp đặt từ bên ngoài — đã sụp đổ hoặc lung lay mạnh mẽ khi đối mặt với người dân đoàn kết và kiên quyết phản kháng. Những chế độ này thường được coi là vững chắc và bất khả xâm phạm. Thế nhưng, thực tế cho thấy chúng không thể chống chịu nổi sức mạnh tổng hợp từ sự chống đối đồng lòng trên mọi mặt chính trị, kinh tế và xã hội của nhân dân.

Kể từ năm 1980, hàng loạt chế độ độc tài đã sụp đổ trước sức mạnh phản kháng chủ yếu mang tính bất bạo động của nhân dân tại các quốc gia như Estonia, Latvia, Lithuania, Ba Lan, Đông Đức, Tiệp Khắc (và Slovenia), Madagascar, Mali, Bolivia, cùng Philippines. Không dừng lại ở đó, kháng cự bất bạo động còn góp phần quan trọng thúc đẩy quá trình dân chủ hóa ở Nepal, Zambia, Hàn Quốc, Chile, Argentina, Haiti, Brazil, Uruguay, Malawi, Thái Lan, Bulgaria, Hungary, Nigeria, và nhiều khu vực thuộc Liên Xô cũ – nổi bật nhất là vai trò then chốt trong việc đánh bại cuộc đảo chính cứng rắn tháng 8 năm 1991.

Ngoài ra, trong những năm gần đây, các cuộc phản kháng chính trị quy mô lớn<sup>[1]</sup> đã diễn ra tại Trung Quốc, Miến Điện (Myanmar) và Tây Tạng. Mặc dù những cuộc đấu tranh này chưa lật đổ được các chế độ độc tài đang cầm quyền hay chấm dứt tình trạng chiếm đóng, chúng đã phơi bày rõ ràng bản chất tàn bạo của những chính quyền đàn áp áy trước cộng đồng quốc tế. Đồng thời, chúng mang lại cho người dân những kinh nghiệm quý báu trong hình thức đấu tranh này – một bài học quan trọng về sức mạnh của sự kháng cự kiên cường và bất bạo động.

Việc các chế độ độc tài sụp đổ ở những quốc gia đã nêu không hề xóa sạch mọi vấn đề còn tồn tại trong xã hội của họ. Nghèo đói dai dẳng, tội phạm gia tăng, bộ máy hành chính ỉ ạch, cùng sự tàn phá môi trường nghiêm trọng – tất cả thường vẫn là di sản nặng nề mà những chế độ tàn bạo để lại. Dẫu vậy, sự sụp đổ ấy đã giảm bớt đáng kể nỗi thống khổ cho hàng triệu người từng bị đàn áp và chà đạp.

Quan trọng hơn cả, nó mở ra một con đường hy vọng: con đường để các xã hội này tái thiết trên nền tảng dân chủ chính trị sâu rộng hơn, tự do cá nhân được tôn trọng, và công bằng xã hội được theo đuổi một cách chân thành.

### **Một vấn đề vẫn còn tồn tại**

Thực tế trong vài thập kỷ qua, thế giới đã chứng kiến xu hướng rõ rệt hướng tới dân chủ hóa và tự do nhiều hơn. Theo tổ chức Freedom House – đơn vị thực hiện khảo sát quốc tế hàng năm về tình trạng quyền chính trị và tự do dân sự – số lượng quốc gia được xếp hạng “Tự do” (Free) đã tăng đáng kể trong những năm gần đây<sup>[2]</sup>:

1983: Tự do (54), Một phần tự do (47), Phi tự do (64)

1993: Tự do (75), Một phần tự do (73), Phi tự do (38)

2003: Tự do (89), Một phần tự do (55), Phi tự do (48)

2009: Tự do (89), Một phần tự do (62), Phi tự do (42)

Tuy nhiên, xu hướng tích cực này vẫn bị kìm hãm bởi thực tế rằng hàng trăm triệu người trên thế giới vẫn đang sống dưới ách thống trị độc tài. Theo số liệu năm 2008, khoảng 34% dân số thế giới (tức hơn 2,2 tỷ người trong tổng số 6,68 tỷ dân) đang sinh sống tại các quốc gia được xếp hạng “Không Tự do” (Not Free) – những nơi quyền chính trị và tự do dân sự bị hạn chế cực kỳ nghiêm trọng<sup>[3]</sup>. 42 quốc gia thuộc nhóm này bị cai trị bởi nhiều hình thức khác nhau:

- Các chế độ quân sự độc tài (như Miến Điện – Myanmar lúc bấy giờ),
- Các quân chủ chuyên chế truyền thống (như Ả Rập Xê Út và Bhutan),
- Các đảng chính trị thống trị tuyệt đối (như Trung Quốc và Triều Tiên),
- Sự chiếm đóng từ bên ngoài (như Tây Tạng và Tây Sahara),
- Hoặc đang trong giai đoạn chuyển tiếp bất ổn.

Ngày nay, nhiều quốc gia đang trải qua những biến chuyển nhanh chóng về kinh tế, chính trị và xã hội. Dù số lượng các quốc gia được xem là “tự do” đã gia tăng trong những năm gần đây, vẫn tồn tại nguy cơ lớn rằng, trước những thay đổi sâu sắc và dồn dập ấy, nhiều nước sẽ đi theo chiều ngược lại và rơi vào những hình thức độc tài mới. Các nhóm quân sự, những cá nhân đầy tham vọng, các chính trị gia được bầu cử, cũng như các đảng phái mang tính ý thức hệ sẽ liên tục tìm cách áp đặt ý chí của mình. Các cuộc đảo chính sẽ vẫn là hiện tượng phổ biến. Những quyền con người và quyền chính trị cơ bản sẽ tiếp tục bị tước đoạt đối với một bộ phận lớn dân chúng.

Đáng tiếc là quá khứ vẫn chưa rời bỏ chúng ta. Vấn đề độc tài có gốc rễ rất sâu. Ở nhiều quốc gia, người dân đã phải chịu đựng hàng thập kỷ, thậm chí hàng thế kỷ áp bức, dù đến từ bên trong hay bên ngoài. Không ít nơi, sự phục tùng vô điều kiện đối với quyền lực và người cầm quyền đã được gieo vào xã hội từ lâu. Trong những trường hợp cực đoan, các thiết chế xã hội, chính trị, kinh tế, thậm chí cả tôn giáo — vốn nằm ngoài sự kiểm soát của nhà nước — đã bị cố ý làm suy yếu, đặt dưới quyền chi phối, hoặc thay thế hoàn toàn bằng những tổ chức mang tính kỷ luật cứng nhắc, phục vụ cho việc kiểm soát xã hội của nhà nước hoặc đảng cầm quyền. Kết quả là xã hội bị phân rã thành những cá nhân rời rạc, khiến người dân không thể phối hợp với nhau để giành tự do, không còn tin cậy lẫn nhau, và thậm chí khó có thể tự mình chủ động hành động.

Kết cục gần như có thể đoán trước: người dân trở nên yếu thế, thiếu tự tin và không còn khả năng kháng cự. Họ thường quá sợ hãi để bày tỏ sự căm phẫn đối với chế độ độc tài hay khát vọng tự do, ngay cả với gia đình và bạn bè. Nỗi sợ ấy cũng khiến họ không dám nghĩ nghiêm túc đến việc phản kháng công khai. Mà nếu có nghĩ đến, họ cũng tự hỏi: liệu có ích gì? Vì thế, họ đành cam chịu những đau khổ vô nghĩa, đối diện với một tương lai không còn hy vọng.

Trong các chế độ độc tài ngày nay, tình hình có thể còn tồi tệ hơn trước đây. Trước kia, đôi khi vẫn có những người cố gắng phản kháng. Những cuộc biểu tình và xuống đường quy mô lớn tuy ngắn ngủi vẫn từng diễn ra. Có lúc tinh thần quần chúng bùng lên trong chốc lát. Ở những thời điểm khác, các cá nhân hoặc

nhóm nhỏ đã thực hiện những hành động dũng cảm nhưng thiếu hiệu quả, nhằm khẳng định một nguyên tắc hoặc đơn giản là thể hiện sự bất tuân. Dù động cơ có cao đẹp đến đâu, những hành động phản kháng trong quá khứ như vậy thường không đủ để vượt qua nỗi sợ hãi và thói quen phục tùng của người dân — vốn là điều kiện cần để có thể lật đổ một chế độ độc tài. Đáng buồn thay, những hành động ấy nhiều khi chỉ dẫn đến thêm đau khổ và hy sinh, chứ không mang lại chiến thắng, thậm chí cũng không đem lại hy vọng.

### **Tự do bằng bạo lực?**

Trong hoàn cảnh ấy, họ phải làm gì? Những con đường tưởng như hiển nhiên lại tỏ ra bế tắc. Các rào cản hiến pháp, pháp luật, phán quyết của tòa án hay sức ép dư luận thường bị các chế độ độc tài phớt lờ. Không khó hiểu khi, trước những hành vi tàn bạo như tra tấn, bắt cóc, thủ tiêu và giết chóc, nhiều người đi đến kết luận rằng chỉ có bạo lực mới có thể chấm dứt độc tài. Từ sự phẫn nộ, họ tổ chức đấu tranh, sử dụng bất cứ phương tiện bạo lực hay quân sự nào có thể huy động, dù biết rõ tương quan lực lượng bất lợi. Họ đã chiến đấu với lòng dũng cảm đáng khâm phục, phải trả giá bằng đau thương và sinh mạng. Đôi khi, những nỗ lực ấy đạt được những kết quả đáng kể. Nhưng rất hiếm khi mang lại tự do thực sự. Trái lại, các cuộc nổi dậy bạo lực thường kích hoạt những đợt đàn áp còn khốc liệt hơn, khiến người dân rơi vào tình thế bất lực sâu sắc hơn trước.

Dù đánh giá thế nào về lựa chọn bạo lực, có một điều không thể phủ nhận: khi đặt niềm tin vào bạo lực, người ta đã bước vào đúng dạng đối đầu mà kẻ áp bức gần như luôn nắm ưu thế. Các chế độ độc tài được tổ chức và trang bị để triển khai bạo lực với sức mạnh áp đảo. Dù những người đấu tranh cho dân chủ có thể cầm cự trong một thời gian, thì rốt cuộc những thực tế khắc nghiệt của tương quan quân sự vẫn sẽ bộc lộ. Các nhà độc tài hầu như luôn vượt trội về vũ khí, đạn dược, phương tiện và quy mô lực lượng. Vì vậy, dù dũng cảm đến đâu, những người đấu tranh cho dân chủ gần như không thể đối đầu ngang sức.

Khi nhận ra rằng khởi nghĩa quân sự theo kiểu truyền thống là không khả thi, một số người bất đồng chuyển sang ủng hộ chiến tranh du kích. Tuy nhiên, hình thức

này hiếm khi — nếu không muốn nói là hầu như không bao giờ — mang lại lợi ích thực sự cho người dân bị áp bức hoặc mở đường cho dân chủ. Chiến tranh du kích không phải là một lối thoát rõ ràng, nhất là khi nó thường kéo theo tổn thất nặng nề đối với người dân của mình. Dù có sự hậu thuẫn từ lý thuyết, phân tích chiến lược, hay thậm chí từ quốc tế, phương thức này không bảo đảm thành công. Các cuộc chiến du kích thường kéo dài dai dẳng, và trong nhiều trường hợp, dân thường bị chính quyền cưỡng bức di dời, dẫn đến những đau khổ sâu sắc và sự xáo trộn nghiêm trọng của đời sống xã hội.

Ngay cả khi giành được thắng lợi, các cuộc đấu tranh du kích thường để lại những hệ quả tiêu cực lâu dài về mặt cấu trúc. Trước hết, chính quyền bị tấn công thường trở nên độc đoán hơn dưới tác động của các biện pháp đàn áp và đối phó. Ngay cả khi lực lượng du kích cuối cùng giành thắng lợi, chế độ mới hình thành nhiều khi còn tập trung quyền lực hơn cả chế độ trước đó. Điều này xuất phát từ sự phình to và tập trung hóa của bộ máy quân sự, đồng thời làm suy yếu hoặc phá vỡ các nhóm và thiết chế độc lập trong xã hội — những nền tảng thiết yếu cho việc xây dựng và duy trì một nền dân chủ. Vì vậy, những người chống lại chế độ độc tài cần tìm kiếm một con đường khác.

### **Đảo chính, bầu cử, hay “vị cứu tinh” từ bên ngoài?**

Một cuộc đảo chính quân sự nhằm lật đổ chế độ độc tài có thể thoát nhìn là cách nhanh nhất và dễ dàng nhất để loại bỏ một chính quyền đặc biệt tồi tệ. Tuy nhiên, phương thức này tồn tại những vấn đề rất nghiêm trọng. Quan trọng nhất là nó không làm thay đổi sự phân bổ quyền lực vốn đã méo mó giữa người dân và tầng lớp tinh hoa đang kiểm soát chính phủ cùng lực lượng quân sự. Việc loại bỏ một số cá nhân hay phe nhóm cầm quyền thường chỉ mở đường cho một nhóm khác lên thay thế. Về lý thuyết, nhóm mới này có thể ôn hòa hơn và phần nào cởi mở với cải cách dân chủ. Nhưng trên thực tế, khả năng ngược lại cũng hoàn toàn có thể xảy ra.

Sau khi củng cố được vị thế, phe cầm quyền mới có thể trở nên tàn nhẫn và tham vọng hơn cả phe cũ. Khi đó, chính nhóm từng được đặt kỳ vọng này lại có

thể tùy ý hành động theo ý mình, mà không cần quan tâm đến dân chủ hay quyền con người. Vì vậy, đây không phải là một lời giải chấp nhận được cho vấn đề độc tài.

Trong các chế độ độc tài, bầu cử không phải là công cụ tạo ra thay đổi chính trị thực chất. Một số chế độ, như các nước Đông Âu từng chịu ảnh hưởng của Liên Xô, vẫn tiến hành bầu cử để tạo ra vẻ ngoài dân chủ. Nhưng thực chất, đó chỉ là những cuộc trưng cầu hình thức, được kiểm soát chặt chẽ, nhằm hợp thức hóa những ứng cử viên đã được lựa chọn sẵn. Khi chịu sức ép, các nhà độc tài đôi khi chấp nhận tổ chức những cuộc bầu cử mới. Tuy nhiên, họ thường dàn xếp kết quả để đưa những “ứng viên dân sự bù nhìn” vào nắm quyền. Ngay cả khi ứng cử viên đối lập được phép tham gia và thực sự giành chiến thắng — như ở Miến Điện năm 1990 hay Nigeria năm 1993 — thì kết quả vẫn có thể bị phớt lờ, còn những người chiến thắng phải đối mặt với đe dọa, bắt giữ, thậm chí là thủ tiêu. Các chế độ độc tài không tồn tại để cho phép những cuộc bầu cử có thể tước bỏ quyền lực của chính họ.

Nhiều người đang sống dưới ách một chế độ độc tài tàn bạo — hoặc đã phải lưu vong để thoát khỏi sự kiểm soát trực tiếp của nó — không tin rằng người bị áp bức có thể tự giải phóng mình. Họ cho rằng dân tộc mình chỉ có thể được cứu nhờ hành động từ bên ngoài. Vì vậy, họ đặt niềm tin vào các lực lượng ngoại lai, tin rằng chỉ có sự can thiệp quốc tế mới đủ sức lật đổ chế độ độc tài.

Quan điểm cho rằng những người bị áp bức không thể hành động hiệu quả đôi khi là đúng — ít nhất trong một giai đoạn nhất định. Như đã đề cập, nhiều người không sẵn sàng và tạm thời chưa đủ khả năng đấu tranh, bởi họ thiếu niềm tin vào khả năng đối mặt với một chế độ độc tài tàn bạo, đồng thời không thấy được con đường để tự giải phóng chính mình. Vì vậy, việc họ đặt hy vọng vào các lực lượng bên ngoài là điều dễ hiểu. Những lực lượng ấy có thể là dư luận quốc tế, Liên Hợp Quốc, một quốc gia cụ thể, hoặc các biện pháp trừng phạt kinh tế và chính trị từ bên ngoài.

Kịch bản như vậy có thể mang lại cảm giác an tâm và dễ chịu, nhưng việc trông chờ vào một “vị cứu tinh” từ bên ngoài tiềm ẩn những rủi ro nghiêm trọng. Sự tin tưởng ấy rất có thể đặt nhầm chỗ. Trên thực tế, thường không có lực lượng bên ngoài nào đến cứu giúp, và nếu một quốc gia nước ngoài thực sự can thiệp, thì cũng không nên vội tin tưởng vào họ.

Một số thực tế khác nghiệt về việc trông chờ vào sự can thiệp từ bên ngoài cần được nhấn mạnh:

- Nhiều quốc gia sẵn sàng dung túng, thậm chí hỗ trợ các chế độ độc tài để phục vụ lợi ích kinh tế hoặc chính trị của riêng họ.
- Các quốc gia bên ngoài cũng có thể bỏ rơi một dân tộc bị áp bức, thay vì giữ cam kết hỗ trợ, nếu điều đó giúp họ đạt được mục tiêu khác.
- Một số nước chỉ hành động chống lại chế độ độc tài nhằm giành quyền kiểm soát kinh tế, chính trị hoặc quân sự đối với quốc gia đó.
- Ngay cả khi can thiệp với mục đích tích cực, điều đó thường chỉ xảy ra khi phong trào kháng cự trong nước đã đủ mạnh để làm lung lay chế độ, qua đó thu hút sự chú ý của quốc tế đến bản chất tàn bạo của nó.

Các chế độ độc tài tồn tại trước hết do cách phân bổ quyền lực ngay trong chính quốc gia đó. Xã hội và người dân quá yếu để có thể gây sức ép đáng kể lên chế độ, trong khi của cải và quyền lực lại tập trung vào tay một thiểu số nhỏ. Dù các yếu tố quốc tế có thể tạm thời củng cố hoặc phần nào làm suy yếu các chế độ này, thì sự tồn tại của chúng về cơ bản vẫn phụ thuộc vào những điều kiện bên trong.

Tuy nhiên, áp lực từ quốc tế có thể trở nên rất hữu ích khi nó hỗ trợ cho một phong trào kháng cự mạnh mẽ trong nước. Khi đó, các biện pháp như tẩy chay kinh tế, cấm vận, cắt đứt quan hệ ngoại giao, khai trừ khỏi các tổ chức quốc tế, hay lên án từ các cơ quan của Liên Hợp Quốc... có thể góp phần đáng kể.

Nhưng nếu thiếu một phong trào kháng cự đủ mạnh từ bên trong, thì những hành động như vậy từ bên ngoài khó có khả năng xảy ra.

### **Đối diện với sự thật khó khăn**

Kết luận này không dễ chấp nhận. Nếu muốn lật đổ một chế độ độc tài một cách hiệu quả nhất và với cái giá thấp nhất, cần thực hiện ngay bốn nhiệm vụ sau:

- Củng cố chính người dân bị áp bức — về quyết tâm, sự tự tin và năng lực kháng cự;
- Tăng cường các nhóm và thiết chế xã hội độc lập của người dân;
- Xây dựng một lực lượng kháng cự mạnh mẽ từ bên trong;
- Phát triển một chiến lược tổng thể sáng suốt cho công cuộc giải phóng và triển khai nó một cách khéo léo.

Cuộc đấu tranh giải phóng đòi hỏi tinh thần tự lực và sự vun đắp sức mạnh từ chính bên trong lực lượng đấu tranh. Như Charles Stewart Parnell đã kêu gọi trong phong trào đình công tiền thuê đất ở Ireland những năm 1879–1880:

“Đừng trông cậy vào chính phủ... Hãy đặt niềm tin vào ý chí của chính mình... Hãy tự giúp mình bằng cách đứng cùng nhau... Hãy nâng đỡ những người còn yếu trong hàng ngũ... Hãy liên kết, tổ chức lại... và các bạn sẽ chiến thắng...”

Khi các bạn khiến cho vấn đề này trở nên chín muồi để được giải quyết, thì lúc đó — và chỉ khi đó — nó mới được giải quyết.”<sup>[4]</sup>

Trước một lực lượng tự lực, vững mạnh từ bên trong, được dẫn dắt bởi chiến lược sáng suốt, cùng với hành động kỷ luật và dũng cảm, và sức mạnh thực chất, thì chế độ độc tài cuối cùng sẽ phải sụp đổ. Tuy nhiên, điều kiện tối thiểu vẫn là phải đáp ứng đầy đủ bốn yêu cầu nêu trên.

Như đã phân tích ở trên, việc thoát khỏi chế độ độc tài rút cuộc phụ thuộc vào khả năng tự giải phóng của chính người dân. Những trường hợp thành công của đấu tranh chính trị bằng bất tuân — hay đấu tranh bất bạo động vì mục tiêu chính trị — cho thấy con đường này hoàn toàn khả thi, dù cho đến nay nó vẫn chưa được phát triển đầy đủ. Các chương tiếp theo sẽ phân tích sâu hơn lựa chọn này. Tuy vậy, cần xem xét đàm phán như một phương thức để tháo gỡ các chế độ độc tài.

Đây chính là hình thức đấu tranh bất bạo động – bao gồm biểu tình, không hợp tác và can thiệp – được thực hiện một cách quyết liệt, chủ động và thách thức nhằm đạt được mục tiêu chính trị rõ ràng. Thuật ngữ ra đời để tránh nhầm lẫn khi người ta thường đồng nhất đấu tranh bất bạo động với chủ nghĩa hòa bình thụ động, hay “bất bạo động” chỉ mang tính đạo đức hoặc tôn giáo. Từ “defiance” nhấn mạnh sự thách thức có chủ đích, bằng hành động bất tuân triệt để, không hề chấp nhận khuất phục hay thỏa hiệp. Phản kháng chính trị vừa chỉ bối cảnh hành động (chính trị) vừa xác định rõ mục tiêu (giành lại quyền lực chính trị). Nó chủ yếu mô tả cách người dân giành quyền kiểm soát các cơ quan nhà nước từ tay chế độ độc tài, thông qua việc tấn công liên tục vào các nguồn gốc quyền lực của chúng, đồng thời áp dụng chiến lược lập kế hoạch và thực thi bài bản, có hệ thống. Trong tài liệu này, các khái niệm phản kháng chính trị, kháng cự bất bạo động và đấu tranh bất bạo động được dùng thay thế lẫn nhau. Tuy nhiên, hai thuật ngữ sau thường mang phạm vi mục tiêu rộng lớn hơn, không chỉ giới hạn ở chính trị mà còn bao gồm xã hội, kinh tế, tâm lý và nhiều khía cạnh khác.

## Chương 2: Những nguy cơ của đàm phán

Khi phải đối mặt với những khó khăn nghiêm trọng trong việc chống lại một chế độ độc tài (như đã phân tích ở Chương Một), một số người có thể trở lại trạng thái cam chịu thụ động. Những người khác, không thấy triển vọng đạt được dân chủ, có thể đi đến kết luận rằng họ phải chấp nhận thỏa hiệp với một chế độ độc tài tưởng như vĩnh viễn, với hy vọng rằng thông qua “hòa giải”, “nhượng bộ” và “đàm phán”, họ có thể giữ lại được một vài yếu tố tích cực và chấm dứt sự tàn bạo. Thoạt nhìn, trong bối cảnh thiếu vắng những lựa chọn thực tế, cách suy nghĩ này có sức hấp dẫn nhất định.

Đấu tranh nghiêm túc chống lại một chế độ độc tài tàn bạo không phải là con đường dễ dàng. Vậy tại sao vẫn phải chọn con đường ấy? Chẳng lẽ nào mọi người lại không thể trở nên lý trí và cùng ngồi lại nói chuyện với nhau để dần dần chấm dứt chế độ độc tài hay sao? Liệu những người đấu tranh cho dân chủ có thể kêu gọi lương tri và tính nhân bản của các nhà độc tài, thuyết phục họ từng bước nói lỏng sự kiểm soát, và cuối cùng tự nguyện chuyển giao quyền lực cho một nền dân chủ?

Đôi khi có người lập luận rằng sự thật không hoàn toàn thuộc về một phía. Có thể những người đấu tranh cho dân chủ đã hiểu chưa đúng về các nhà độc tài — rằng họ thực ra hành động với ý định tốt trong những hoàn cảnh khó khăn? Hoặc có người tin rằng các nhà độc tài sẵn sàng rút lui, nếu được khuyến khích và tạo điều kiện thích hợp. Theo cách nhìn này, có thể tìm ra một giải pháp “đôi bên cùng có lợi”, nơi mỗi bên đều đạt được điều gì đó. Khi đó, những rủi ro và đau khổ của cuộc đấu tranh kéo dài có thể trở nên không cần thiết, nếu phe dân chủ chấp nhận giải quyết xung đột bằng con đường hòa bình thông qua đàm phán — thậm chí với sự hỗ trợ của các bên trung gian hay một chính phủ khác. Vậy chẳng phải con đường ấy dễ chấp nhận hơn so với một cuộc đấu tranh gian nan — ngay cả khi cuộc đấu tranh đó được tiến hành bằng phương thức bất bạo động thay vì chiến tranh vũ trang?

## **Ưu điểm và giới hạn của đàm phán**

Đàm phán là một công cụ rất hữu ích trong việc giải quyết một số loại vấn đề trong xung đột, và không nên bị xem nhẹ hay bác bỏ khi nó phù hợp.

Trong những tình huống không liên quan đến các vấn đề cốt lõi mang tính nền tảng, và vì vậy thỏa hiệp là khả dĩ, thì đàm phán có thể trở thành một công cụ hiệu quả để giải quyết xung đột. Một ví dụ rõ ràng là các cuộc đình công đòi tăng lương: kết quả đàm phán thường là một mức tăng nằm giữa các đề xuất ban đầu của hai bên. Tuy nhiên, những tranh chấp lao động như vậy khác về bản chất so với các xung đột mà ở đó vấn đề đặt ra là sự tồn tại của một chế độ độc tài tàn bạo hay việc giành lấy tự do chính trị.

Khi những vấn đề đặt ra mang tính cốt lõi, liên quan đến nguyên tắc tôn giáo, quyền tự do của con người, hay định hướng phát triển lâu dài của toàn xã hội, thì đàm phán không thể đem lại một giải pháp thỏa đáng cho cả hai bên. Với những vấn đề nền tảng như vậy, không thể có sự thỏa hiệp. Điều cần thiết là một sự thay đổi trong tương quan quyền lực theo hướng có lợi cho lực lượng dân chủ, nhằm bảo vệ những giá trị cốt lõi đó. Và sự chuyển dịch này chỉ có thể đạt được thông qua đấu tranh, chứ không phải bằng đàm phán. Điều này không có nghĩa là đàm phán hoàn toàn vô ích. Vấn đề ở đây là: đàm phán không phải là con đường thực tế để loại bỏ một chế độ độc tài mạnh, nếu không có một lực lượng đối lập dân chủ đủ mạnh.

Trên thực tế, đàm phán đôi khi không phải là một lựa chọn khả thi. Những nhà độc tài đã củng cố vững chắc quyền lực và cảm thấy an toàn trong vị thế của mình có thể từ chối hoàn toàn việc đối thoại với phe dân chủ. Ngay cả khi đàm phán được khởi xướng, vẫn có nguy cơ các đại diện phía dân chủ “biến mất” và không bao giờ còn được nghe tin tức trở lại.

## **Đầu hàng thông qua đàm phán?**

Những cá nhân và nhóm chống lại chế độ độc tài nhưng ủng hộ đàm phán thường xuất phát từ những động cơ chân thành. Đặc biệt khi một cuộc đấu tranh — nhất là đấu tranh vũ trang — đã kéo dài nhiều năm mà vẫn chưa đạt được thắng lợi, thì việc mọi người, bất kể khuynh hướng chính trị nào, đều khao khát hòa bình là điều dễ hiểu.

Đàm phán càng trở nên hấp dẫn khi phía độc tài nắm ưu thế quân sự rõ rệt, trong khi mức độ tàn phá và thương vong đối với chính người dân đã trở nên không thể chịu đựng thêm. Khi đó, sẽ xuất hiện một cám dỗ rất lớn: tìm kiếm bất kỳ con đường nào khác có thể nhằm giữ lại một phần mục tiêu của phe dân chủ, đồng thời chấm dứt vòng xoáy bạo lực và phản bạo lực.

Lời đề nghị “hòa bình” thông qua đàm phán từ phía một chế độ độc tài, dĩ nhiên, thường không thành thật. Trên thực tế, bạo lực hoàn toàn có thể chấm dứt ngay lập tức, nếu chính các nhà độc tài ngừng tiến hành chiến tranh chống lại người dân của mình. Họ hoàn toàn có thể, không cần bất kỳ mặc cả nào, tự mình khôi phục sự tôn trọng đối với phẩm giá và quyền con người, trả tự do cho tù nhân chính trị, chấm dứt tra tấn, ngừng các hoạt động quân sự, rút khỏi bộ máy cầm quyền, và công khai xin lỗi người dân.

Khi chế độ độc tài còn vững mạnh nhưng phải đối mặt với một phong trào kháng cự dai dẳng, họ có thể tìm cách lôi kéo phe đối lập vào đàm phán để buộc phải đầu hàng, dưới danh nghĩa “lập lại hòa bình”. Lời kêu gọi đàm phán khi đó có thể nghe rất hấp dẫn, nhưng những nguy cơ nghiêm trọng có thể ẩn giấu ngay trong chính bàn đàm phán.

Ngược lại, khi lực lượng đối lập đủ mạnh và thực sự đe dọa chế độ, các nhà độc tài có thể chủ động tìm đến đàm phán nhằm giữ lại càng nhiều quyền lực hoặc lợi ích của mình càng tốt. Trong cả hai trường hợp, những người đấu tranh cho dân chủ không nên vô tình giúp các nhà độc tài đạt được mục tiêu của họ.

Những người đấu tranh cho dân chủ cần hết sức cảnh giác với những “cái bẫy” mà các nhà độc tài có thể cố ý giăng ra trong tiến trình đàm phán. Khi những vấn

đề cốt lõi như các quyền tự do chính trị đang bị đặt lên bàn, lời kêu gọi đàm phán có thể chỉ là một cách để dẫn dụ phe dân chủ đi đến đầu hàng trong hòa bình, trong khi bạo lực của chế độ vẫn tiếp diễn không hề suy giảm. Trong những dạng xung đột như vậy, vai trò thích hợp của đàm phán — nếu có — thường chỉ xuất hiện ở giai đoạn cuối của một cuộc đấu tranh mang tính quyết định, khi quyền lực của chế độ độc tài đã bị bào mòn đến mức không còn khả năng duy trì, và họ chỉ còn tìm cách đảm bảo một lối rút lui an toàn cho cá nhân, chẳng hạn ra nước ngoài.

### **Quyền lực và công lý trong đàm phán**

Nếu nhận định trên nghe có vẻ quá khắt khe đối với đàm phán, thì có lẽ cần giảm bớt sự lảng mạn hóa thường gắn liền với nó. Điều cần thiết là phải suy nghĩ một cách tỉnh táo và rõ ràng về cách thức đàm phán thực sự vận hành.

“Đàm phán” không có nghĩa là hai bên ngồi lại với nhau trên một nền tảng bình đẳng để cùng thảo luận và giải quyết những khác biệt đã dẫn đến xung đột. Có hai điểm cần ghi nhớ: Thứ nhất, trong đàm phán, không phải mức độ chính đáng của quan điểm hay mục tiêu của mỗi bên quyết định nội dung của thỏa thuận. Thứ hai, nội dung của một thỏa thuận đàm phán phần lớn được quyết định bởi tương quan sức mạnh của mỗi bên.

Có những câu hỏi khó cần được suy xét thấu đáo: Nếu đàm phán thất bại, mỗi bên có thể làm gì sau đó để đạt được mục tiêu của mình? Và ngay cả khi đã đạt được thỏa thuận, điều gì sẽ xảy ra nếu một bên phá vỡ cam kết, rồi tận dụng các nguồn lực sẵn có để áp đặt mục tiêu của mình bất chấp thỏa thuận đã ký?

Một thỏa thuận trong đàm phán không hình thành từ việc phân định đúng – sai của các vấn đề tranh chấp. Dù những điều đó có thể được bàn luận nhiều, kết quả thực sự của đàm phán lại phụ thuộc chủ yếu vào tương quan sức mạnh — cả tuyệt đối lẫn tương đối — giữa các bên.

Phe dân chủ có thể làm gì để đảm bảo những yêu cầu tối thiểu của mình không bị gạt bỏ? Các nhà độc tài có thể làm gì để duy trì quyền kiểm soát và vô hiệu hóa đối phương? Nói cách khác, nếu một thỏa thuận được đạt tới, thì rất có thể đó là kết quả của việc mỗi bên đánh giá tương quan lực lượng, rồi tính toán xem một cuộc đối đầu trực diện sẽ kết thúc như thế nào.

Cũng cần phải xem xét mỗi bên sẵn sàng từ bỏ điều gì để đạt được thỏa thuận. Trong những cuộc đàm phán thành công, thường có sự thỏa hiệp — tức là mỗi bên nhượng bộ một phần. Mỗi bên đạt được một phần mục tiêu của mình, đồng thời từ bỏ một phần yêu cầu ban đầu của mình.

Trong trường hợp các chế độ độc tài cực đoan, lực lượng ủng hộ dân chủ sẽ phải nhượng bộ những gì cho phía độc tài? Họ phải chấp nhận đến mức nào những mục tiêu của chế độ đó? Liệu phe dân chủ có nên trao cho các nhà độc tài — dù là một đảng phái chính trị hay một nhóm quân sự — một vai trò thường trực được hiến định trong bộ máy quyền lực tương lai? Vậy thì dân chủ còn ý nghĩa gì?

Ngay cả khi mọi việc trong đàm phán diễn ra suôn sẻ, vẫn cần đặt ra câu hỏi: kết quả sẽ là một nền “hòa bình” như thế nào? Cuộc sống khi đó sẽ tốt hơn hay tệ hơn so với trường hợp những người đấu tranh cho dân chủ bắt đầu hoặc tiếp tục con đường đấu tranh?

### **Những “nhà độc tài dễ thỏa hiệp”**

Các nhà độc tài có thể bị thúc đẩy bởi nhiều động cơ và mục tiêu khác nhau: quyền lực, địa vị, của cải, hay tham vọng tái định hình xã hội, v.v. Tuy nhiên, cần nhớ rằng không mục tiêu nào trong số đó có thể được duy trì nếu họ từ bỏ vị thế kiểm soát của mình. Vì vậy, trong quá trình đàm phán, các nhà độc tài sẽ luôn tìm cách bảo toàn những lợi ích và mục tiêu cốt lõi của họ.

Dù các nhà độc tài có đưa ra những lời hứa hẹn gì trong bất kỳ thỏa thuận đàm phán nào, cũng không nên quên rằng họ có thể hứa bất cứ điều gì để buộc đối

phương dân chủ phải khuất phục, rồi sau đó công khai phá vỡ chính những cam kết ấy.

Nếu lực lượng dân chủ đồng ý ngừng kháng cự để đổi lấy sự nới lỏng đàn áp, họ rất có thể sẽ thất vọng sâu sắc. Trên thực tế, việc dừng kháng cự hiếm khi dẫn đến giảm bớt đàn áp.

Khi sức ép từ đối lập trong nước và quốc tế suy giảm hoặc biến mất, các nhà độc tài thậm chí có thể tăng cường đàn áp và bạo lực còn khốc liệt hơn trước. Sự suy yếu hoặc tan rã của phong trào kháng cự quần chúng đồng nghĩa với việc mất đi lực đối trọng vốn đã phân nào kiểm chế quyền lực và sự tàn bạo của chế độ. Khi đó, những kẻ chuyên quyền có thể tự do ra tay với bất kỳ ai họ muốn. Như Krishnalal Shridharani từng viết: \_“Kẻ bạo chúa chỉ có thể gây ra những gì mà chúng ta không đủ sức chống lại.”<sup>[5]</sup>

Trong những xung đột mà các vấn đề cốt lõi mang tính nền tảng đang bị đặt ra, đấu tranh — chứ không phải đàm phán — mới là yếu tố then chốt để tạo ra thay đổi. Trong hầu hết các trường hợp, phong trào kháng cự cần được duy trì và phát triển liên tục để buộc chế độ độc tài phải rời bỏ quyền lực. Thành công hiếm khi đến từ một thỏa thuận đàm phán, mà chủ yếu phụ thuộc vào việc vận dụng một cách sáng suốt những phương thức kháng cự phù hợp và hiệu quả nhất. Lập luận của chúng tôi — sẽ được trình bày chi tiết hơn ở các phần sau — là: bất tuân chính trị, hay đấu tranh bất bạo động, chính là phương tiện mạnh mẽ nhất mà những người đấu tranh cho tự do có thể sử dụng.

### **Một nền “hòa bình” như thế nào?**

Nếu các nhà độc tài và lực lượng dân chủ thực sự bàn đến hòa bình, thì cần có tư duy hết sức tỉnh táo và rõ ràng, bởi những nguy cơ tiềm ẩn là rất lớn. Không phải ai sử dụng từ “hòa bình” cũng mong muốn một nền hòa bình gắn liền với tự do và công lý.

Sự khuất phục trước áp bức tàn bạo và cam chịu trước những nhà độc tài nhẫn tâm — những kẻ đã gây ra tội ác đối với hàng trăm nghìn người — không phải là hòa bình thực sự. Hitler từng nhiều lần kêu gọi “hòa bình”, nhưng điều ông ta muốn thực chất chỉ là sự phục tùng đối với ý chí của mình. “Hòa bình” của các nhà độc tài thường không hơn gì sự yên lặng của nhà tù — hoặc của nấm mồ.

Ngoài ra còn có những nguy cơ khác. Những người tham gia đàm phán với thiện chí đôi khi nhầm lẫn giữa mục tiêu của đàm phán và bản thân quá trình đàm phán.

Hơn nữa, các đại diện phía dân chủ — hoặc các chuyên gia đàm phán quốc tế được mời hỗ trợ — có thể vô tình, chỉ trong một bước, trao cho các nhà độc tài tính chính danh cả trong nước lẫn quốc tế mà trước đó họ không có, do đã chiếm đoạt quyền lực, vi phạm nhân quyền và thực hiện những hành vi tàn bạo.

Một khi có được sự chính danh mà họ rất cần, các nhà độc tài có thể kéo dài sự cai trị của mình. Vì vậy, những người theo đuổi hòa bình không nên vô tình cung cấp cho họ điều đó.

### **Những lý do để hy vọng**

Như đã đề cập trước đó, các lãnh đạo đối lập đôi khi cảm thấy bị buộc phải theo đuổi đàm phán vì cho rằng cuộc đấu tranh dân chủ không còn hy vọng. Tuy nhiên, cảm giác bất lực ấy không phải là bất biến — nó có thể thay đổi.

Các chế độ độc tài không phải là vĩnh viễn. Người dân sống dưới chế độ độc tài không nhất thiết phải mãi yếu thế, và các nhà độc tài không thể nắm quyền vô hạn. Aristotle từ lâu đã nhận xét: \_“Chế độ đầu sỏ và chế độ chuyên chế là những hình thức tồn tại ngắn ngủi nhất... Nói chung, các chế độ bạo chúa không tồn tại lâu dài.”<sup>[6]</sup>

Các chế độ độc tài hiện đại cũng không phải là bất khả xâm phạm. Chúng có những điểm yếu nội tại, và những điểm yếu đó có thể bị khoét sâu, khiến quyền

lực của chúng dần tan rã. (Chương Bốn sẽ phân tích chi tiết hơn những điểm yếu này.)

Lịch sử gần đây cho thấy các chế độ độc tài thực chất rất dễ bị tổn thương, và hoàn toàn có thể sụp đổ trong một khoảng thời gian tương đối ngắn. Tại Ba Lan, phải mất khoảng mười năm (1980–1990) để chấm dứt chế độ cộng sản, nhưng ở Đông Đức và Tiệp Khắc năm 1989, điều đó chỉ diễn ra trong vòng vài tuần.

Tại El Salvador và Guatemala năm 1944, các cuộc đấu tranh chống lại những chế độ quân sự tàn bạo và cố thủ lâu dài cũng chỉ kéo dài khoảng hai tuần. Ở Iran, chế độ của Shah — dù có sức mạnh quân sự lớn — đã bị làm suy yếu chỉ trong vài tháng. Tại Philippines năm 1986, chế độ độc tài của Marcos sụp đổ trước sức mạnh quần chúng trong vài tuần; khi nhận thấy lực lượng đối lập ngày càng lớn mạnh, chính phủ Hoa Kỳ cũng nhanh chóng từ bỏ Marcos.

Cuộc đảo chính cứng rắn ở Liên Xô tháng 8 năm 1991 đã bị đánh bại chỉ trong vài ngày nhờ đấu tranh bất tuân chính trị. Sau đó, nhiều quốc gia từng bị kiểm soát trong liên bang này đã giành lại độc lập chỉ trong vài ngày, vài tuần hoặc vài tháng.

Quan niệm cũ cho rằng bạo lực luôn đem lại kết quả nhanh chóng, còn đấu tranh bất bạo động luôn đòi hỏi thời gian rất dài, rõ ràng là không đúng. Dù việc thay đổi những điều kiện nền tảng của xã hội có thể cần nhiều thời gian, nhưng cuộc đấu tranh thực sự chống lại chế độ độc tài đôi khi lại diễn ra khá nhanh thông qua phương thức bất bạo động.

Đàm phán không phải là lựa chọn duy nhất bên cạnh hai cực đối lập: một bên là cuộc chiến tiêu diệt kéo dài, bên kia là sự đầu hàng. Những ví dụ vừa nêu, cũng như các trường hợp ở Chương Một, cho thấy vẫn tồn tại một con đường khác cho những ai mong muốn cả hòa bình lẫn tự do: bất tuân chính trị.

### **Chương 3: Quyền lực đến từ đâu?**

Việc xây dựng một xã hội vừa có tự do vừa có hòa bình rõ ràng không phải là một nhiệm vụ đơn giản. Nó đòi hỏi kỹ năng chiến lược, tổ chức và hoạch định ở mức cao. Nhưng trên hết, nó đòi hỏi quyền lực.

Những người đấu tranh cho dân chủ không thể hy vọng lật đổ một chế độ độc tài và thiết lập tự do chính trị nếu không có khả năng huy động và sử dụng hiệu quả chính sức mạnh của mình.

Vậy điều đó có thể thực hiện như thế nào? Loại quyền lực nào mà lực lượng đối lập dân chủ có thể huy động đủ để đánh bại một chế độ độc tài cùng với mạng lưới quân sự và cảnh sát rộng lớn của nó?

Câu trả lời nằm ở một cách hiểu về quyền lực chính trị — một cách hiểu thường bị bỏ qua. Thực ra, việc nắm bắt nhận thức này không hề quá khó. Một số chân lý cơ bản lại rất giản dị.

#### **Ngụ ngôn “Ông chủ khí”**

Một câu chuyện ngụ ngôn Trung Hoa thế kỷ XIV của Lưu Cơ, chẳng hạn, đã minh họa rất rõ cách hiểu về quyền lực chính trị thường bị bỏ qua này.<sup>[7]</sup>

Ở nước Sở thời phong kiến, có một ông lão sống bằng cách nuôi khí để phục vụ mình. Người dân gọi ông ta là “ju gong” (tức “ông chủ khí”).

Mỗi buổi sáng, ông lão tập hợp đàn khí trong sân, rồi ra lệnh cho con lớn nhất dẫn cả bầy lên núi hái trái cây từ bụi và cây.

Theo quy định, mỗi con khí phải nộp một phần mười số trái cây thu được cho ông lão. Con nào không làm vậy sẽ bị đánh đập tàn nhẫn. Tất cả lũ khí đều chịu đựng khổ sở, nhưng không dám kêu ca.

Một ngày nọ, một con khỉ nhỏ hỏi những con khác: “Có phải ông lão đã trồng tất cả những cây và bụi cho ra trái này không?” Những con khác đáp: “Không, chúng mọc tự nhiên.”

Con khỉ nhỏ lại hỏi: “Vậy chẳng phải chúng ta có thể tự lấy trái mà không cần xin phép ông lão sao?” Những con khác trả lời: “Đúng vậy, tất cả chúng ta đều có thể.”

Con khỉ nhỏ tiếp tục: “Thế thì tại sao chúng ta phải phụ thuộc vào ông lão? Tại sao tất cả chúng ta phải phục vụ ông ta?”

Chưa kịp nói hết câu, cả bầy khỉ chợt bừng tỉnh — họ nhận ra điều vốn hiển nhiên mà bấy lâu nay họ chưa từng nghĩ tới.

Ngay trong đêm đó, khi thấy ông lão đã ngủ say, bầy khỉ phá tung mọi rào chắn của khu chuồng nơi chúng bị giam giữ, rồi phá hủy toàn bộ khu chuồng ấy. Chúng cũng lấy hết số trái cây mà ông lão đã tích trữ, mang theo tất cả vào rừng, và không bao giờ quay trở lại. Ông lão cuối cùng chết vì đói.

*Yu-li-zi* viết: “Một số kẻ trên đời cai trị dân chúng bằng mưu mẹo, chứ không dựa trên nguyên tắc chính đáng. Họ chẳng phải cũng giống như ông chủ khỉ hay sao? Họ không nhận ra sự mê muội của chính mình. Nhưng một khi người dân bừng tỉnh, thì những mảnh khước ấy sẽ không còn tác dụng nữa.”

### **Những nguồn sức mạnh cần thiết của quyền lực chính trị**

Nguyên lý ở đây rất đơn giản: các nhà độc tài cần đến sự hợp tác của chính những người mà họ cai trị. Nếu không có sự hợp tác đó, họ không thể nắm giữ và duy trì quyền lực.

Những nguồn sức mạnh của quyền lực chính trị bao gồm:

- Uy quyền (authority) — tức là niềm tin của người dân rằng chế độ là chính đáng, và họ có nghĩa vụ đạo đức phải tuân phục;
- Nguồn lực con người (human resources) — tức là số lượng và tầm quan trọng của các cá nhân, nhóm người đang tuân theo, hợp tác hoặc hỗ trợ cho những người cầm quyền.
- Kỹ năng và tri thức (skills and knowledge) — những năng lực cần thiết để chế độ vận hành các hoạt động cụ thể, do các cá nhân và nhóm người hợp tác cung cấp;
- Các yếu tố vô hình (intangible factors) — những yếu tố tâm lý và ý thức hệ khiến người dân chấp nhận phục tùng và hỗ trợ nhà cầm quyền;
- Nguồn lực vật chất (material resources) — mức độ mà nhà cầm quyền kiểm soát hoặc tiếp cận tài sản, tài nguyên thiên nhiên, tài chính, hệ thống kinh tế, cũng như các phương tiện thông tin và giao thông;
- Các biện pháp trừng phạt (sanctions) — những hình thức trừng phạt, dù là đe dọa hay thực thi, nhằm vào những người không tuân phục hoặc không hợp tác, để duy trì sự phục tùng và hợp tác cần thiết cho sự tồn tại và vận hành của chế độ.

Tuy nhiên, tất cả những nguồn lực này đều phụ thuộc vào mức độ chấp nhận của xã hội đối với chế độ, vào sự phục tùng và tuân lệnh của người dân, cũng như vào sự hợp tác của vô số cá nhân và các thiết chế trong xã hội. Những yếu tố đó không hề tự nhiên mà có, cũng không tự nhiên được bảo đảm.

Khi có sự hợp tác, tuân phục và ủng hộ rộng rãi, các nguồn lực của quyền lực sẽ được tăng cường, và theo đó nó giúp củng cố và mở rộng năng lực quyền lực của bất kỳ chính quyền nào.

Ngược lại, khi người dân và các thiết chế xã hội rút lại sự hợp tác đối với những kẻ áp bức và các nhà độc tài, thì các nguồn lực quyền lực mà mọi chính quyền đều dựa vào sẽ bị suy giảm, thậm chí bị cắt đứt.

Khi những nguồn lực ấy không còn được duy trì, quyền lực của nhà cầm quyền sẽ dần suy yếu và cuối cùng tan rã.

Đương nhiên, các nhà độc tài luôn nhạy cảm trước những hành động và tư tưởng có thể làm suy giảm khả năng hành xử tùy ý của họ. Vì vậy, họ thường đe dọa và trừng phạt những người không tuân phục, đình công hoặc từ chối hợp tác. Tuy nhiên, đó không phải là toàn bộ câu chuyện. Sự đàn áp — thậm chí cả những hành vi bạo lực tàn khốc — không phải lúc nào cũng buộc người dân quay lại phục tùng và hợp tác ở mức độ cần thiết để chế độ tiếp tục vận hành.

Nếu, bất chấp sự đàn áp, các nguồn lực của quyền lực vẫn bị hạn chế hoặc cắt đứt trong một thời gian đủ dài, thì trước hết sẽ xuất hiện sự bất định và rối loạn trong nội bộ chế độ.

Tiếp đó là sự suy yếu ngày càng rõ rệt của quyền lực độc tài. Theo thời gian, việc liên tục rút lại các nguồn lực này có thể dẫn đến tình trạng tê liệt và bất lực, và trong những trường hợp nghiêm trọng, sự tan rã hoàn toàn của chế độ. Nói cách khác, quyền lực của các nhà độc tài sẽ dần suy kiệt — nhanh hay chậm — vì bị “bỏ đói” về mặt chính trị.

Mức độ tự do hay chuyên chế của bất kỳ chính quyền nào, suy cho cùng, phần lớn phản ánh mức độ quyết tâm của người dân trong việc giành lấy tự do, cũng như ý chí và khả năng của họ trong việc chống lại những nỗ lực áp bức và nô dịch hóa họ.

Trái với quan niệm phổ biến, ngay cả các chế độ độc tài toàn trị cũng phụ thuộc vào chính người dân và xã hội mà họ cai trị. Như nhà khoa học chính trị Karl W. Deutsch đã nhận xét vào năm 1953: “Quyền lực toàn trị chỉ mạnh khi không cần phải sử dụng quá thường xuyên. Nếu nó buộc phải được sử dụng liên tục đối với

toàn bộ dân chúng, thì khó có thể duy trì lâu dài. Vì các chế độ toàn trị cần nhiều quyền lực hơn để kiểm soát thần dân so với các hình thức chính quyền khác, nên chúng càng cần những thói quen tuân phục rộng rãi và đáng tin cậy trong dân chúng; hơn thế nữa, khi cần, chúng còn phải dựa vào sự ủng hộ tích cực của ít nhất một bộ phận đáng kể trong xã hội.”<sup>[8]</sup>

Nhà lý luận pháp lý người Anh thế kỷ XIX, John Austin, đã mô tả tình thế của một chế độ độc tài khi phải đối mặt với một dân chúng bất mãn. Ông lập luận rằng nếu phần lớn dân chúng quyết tâm lật đổ chính quyền, và sẵn sàng chịu đựng đàn áp để làm điều đó, thì sức mạnh của nhà nước — kể cả với sự hậu thuẫn của những người ủng hộ và cả sự hỗ trợ từ bên ngoài — cũng không thể duy trì được một chế độ bị căm ghét. Theo Austin, một dân chúng kiên quyết như vậy không thể bị ép buộc trở lại trạng thái phục tùng lâu dài.<sup>[9]</sup>

Trước đó từ rất sớm, Niccolò Machiavelli cũng đã nhận xét rằng vị quân vương “... khi khiến toàn thể dân chúng trở thành kẻ thù của mình thì không bao giờ có thể an toàn; và càng tàn bạo, chế độ của ông ta càng trở nên yếu ớt.”<sup>[10]</sup>

Việc vận dụng những nhận định này trong thực tiễn chính trị đã được thể hiện rõ qua sự kháng cự anh dũng của người Na Uy trước sự chiếm đóng của Đức Quốc xã, cũng như — như đã nêu ở Chương Một — qua sự đấu tranh dũng cảm của người Ba Lan, Đức, Séc, Slovakia và nhiều dân tộc khác chống lại sự thống trị cộng sản, góp phần dẫn đến sự sụp đổ của các chế độ này ở châu Âu. Dĩ nhiên, đây không phải là hiện tượng mới. Những trường hợp đấu tranh bất bạo động có thể được truy ngược ít nhất đến năm 494 TCN, khi tầng lớp bình dân La Mã rút lại sự hợp tác với giới quý tộc thống trị.<sup>[11]</sup> Trong suốt lịch sử, đấu tranh bất bạo động đã được sử dụng vào nhiều thời điểm bởi các dân tộc khắp châu Á, châu Phi, châu Mỹ, châu Đại Dương và các đảo Thái Bình Dương, cũng như ở châu Âu.

Vì vậy, có ba yếu tố cốt lõi đóng vai trò quyết định mức độ quyền lực của một chính quyền bị kiểm chế hay trở nên vô hạn, đó là:

(1) Mức độ quyết tâm của người dân trong việc đặt ra và bảo vệ các giới hạn đối với quyền lực nhà nước;

(2) Sức mạnh của các tổ chức và thiết chế độc lập trong xã hội trong việc cùng phối hợp với nhau để rút lại những nguồn lực mà chính quyền đang dựa vào;

(3) Khả năng của dân chúng trong việc từ chối tiếp tay cho hệ thống cai trị.

### **Các trung tâm quyền lực dân chủ**

Một đặc trưng của xã hội dân chủ là tồn tại vô số nhóm và thiết chế phi nhà nước hoạt động độc lập với chính quyền. Chẳng hạn như: gia đình, tổ chức tôn giáo, hội đoàn văn hóa, câu lạc bộ thể thao, các thiết chế kinh tế, công đoàn, hội sinh viên, đảng phái chính trị, làng xã, hội khu phố, câu lạc bộ làm vườn, tổ chức nhân quyền, nhóm âm nhạc, hội văn học, v.v. Những tổ chức này không chỉ quan trọng trong việc theo đuổi mục tiêu riêng của mình, mà còn đóng vai trò thiết yếu trong việc đáp ứng các nhu cầu của xã hội.

Hơn nữa, những tổ chức này còn mang ý nghĩa chính trị sâu sắc. Chúng tạo ra nền tảng tập thể và thể chế để người dân có thể gây ảnh hưởng lên hướng phát triển của xã hội, đồng thời chống lại các nhóm khác hoặc chính quyền khi những lực lượng đó xâm phạm một cách bất công đến lợi ích, hoạt động hay mục tiêu của họ. Ngược lại, những cá nhân đơn lẻ — không gắn kết trong các tổ chức như vậy — thường khó có thể tạo ra tác động đáng kể lên xã hội, chứ chưa nói đến việc ảnh hưởng đến chính quyền, và càng không thể đối đầu với một chế độ độc tài.

Vì vậy, nếu quyền tự chủ và tự do của các tổ chức này bị tước đoạt bởi chế độ độc tài, thì dân chúng sẽ rơi vào trạng thái gần như bất lực. Hơn nữa, nếu các thiết chế này bị đặt dưới sự kiểm soát độc đoán của chính quyền trung ương, hoặc bị thay thế bằng những tổ chức mới do nhà nước dựng lên và kiểm soát, thì chúng sẽ trở thành công cụ để thống trị không chỉ từng cá nhân thành viên, mà cả các lĩnh vực rộng lớn của đời sống xã hội.

Tuy nhiên, nếu quyền tự chủ và tự do của các thiết chế xã hội dân sự độc lập (ngoài sự kiểm soát của nhà nước) được duy trì hoặc khôi phục, thì chúng sẽ trở thành những trụ cột then chốt cho việc triển khai đấu tranh bất tuân chính trị. Điểm chung của các trường hợp đã nêu — nơi các chế độ độc tài bị suy yếu hoặc sụp đổ — chính là sự tham gia rộng khắp và kiên cường của quần chúng và các thiết chế xã hội trong việc thực hành đấu tranh bất tuân chính trị.

Như đã trình bày, các trung tâm quyền lực này tạo nên nền tảng thể chế để người dân có thể gây áp lực hoặc chống lại sự kiểm soát của chế độ độc tài. Về lâu dài, chúng sẽ trở thành cơ sở cấu trúc không thể thiếu của một xã hội tự do. Vì vậy, việc duy trì tính độc lập và nuôi dưỡng sự phát triển của các thiết chế này thường là điều kiện tiên quyết cho sự thành công của cuộc đấu tranh giải phóng.

Nếu chế độ độc tài đã phần lớn thành công trong việc phá hủy hoặc kiểm soát các thiết chế độc lập của xã hội, thì lực lượng đấu tranh cần xây dựng các nhóm và tổ chức xã hội độc lập mới, hoặc giành lại quyền kiểm soát theo hướng dân chủ đối với những tổ chức còn tồn tại hay đang bị kiểm soát một phần. Trong cuộc Cách mạng Hungary 1956–1957, đã xuất hiện một mạng lưới rộng khắp các hội đồng dân chủ trực tiếp, thậm chí còn liên kết với nhau để hình thành trong một thời gian ngắn một hệ thống liên bang về thiết chế và quản trị. Tại Ba Lan vào cuối thập niên 1980, công nhân duy trì các công đoàn Đoàn Kết hoạt động bí mật, và trong một số trường hợp còn giành quyền kiểm soát các công đoàn chính thức vốn do Đảng Cộng sản chi phối. Những phát triển mang tính thể chế như vậy có thể tạo ra những hệ quả chính trị sâu rộng và mang tính quyết định.

Dĩ nhiên, điều đó không có nghĩa là việc làm suy yếu hay lật đổ các chế độ độc tài là dễ dàng, cũng không có nghĩa là mọi nỗ lực đều sẽ thành công. Cuộc đấu tranh chắc chắn không tránh khỏi tổn thất, bởi những lực lượng vẫn phục vụ chế độ sẽ phản kháng, tìm mọi cách buộc dân chúng quay trở lại trạng thái hợp tác và phục tùng.

*Tuy nhiên, nhận thức về quyền lực như trên cho thấy rằng việc làm tan rã một chế độ độc tài bằng những hành động có chủ đích là hoàn toàn khả thi. Bản thân*

các chế độ độc tài mang những đặc điểm riêng khiến chúng đặc biệt dễ bị tổn thương trước các chiến lược đấu tranh bất tuân chính trị được triển khai một cách khéo léo. Chúng ta hãy xem xét những đặc điểm đó một cách cụ thể hơn.

## **Chương 4: Các chế độ độc tài có những điểm yếu**

Các chế độ độc tài thường tạo ra cảm giác bất khả xâm phạm. Các cơ quan tình báo, cảnh sát, quân đội, nhà tù, trại tập trung và các đội hành quyết đều nằm trong tay của một nhóm nhỏ đầy quyền lực. Tài chính quốc gia, tài nguyên thiên nhiên và năng lực sản xuất thường bị các nhà độc tài tùy tiện khai thác, nhằm phục vụ ý chí của họ.

Trong khi đó, lực lượng đối lập dân chủ thường bị nhìn nhận là rất yếu ớt, kém hiệu quả và gần như bất lực. Nhận thức về một bên “bất khả chiến bại” đối đầu với một bên “bất lực” khiến việc hình thành một sự chống đối hiệu quả trở nên khó xảy ra.

Tuy nhiên, đó chưa phải là toàn bộ câu chuyện.

### **Nhận diện “gót chân Achilles”**

Một huyền thoại từ Hy Lạp cổ đại minh họa rất rõ điểm yếu của những gì tưởng chừng bất khả xâm phạm. Đối với chiến binh Achilles, không có đòn đánh nào có thể làm ông bị thương, không thanh gươm nào có thể xuyên qua làn da của ông. Khi còn là một đứa trẻ, mẹ ông được cho là đã nhúng ông xuống dòng sông Styx huyền thoại, khiến cơ thể ông trở nên miễn nhiễm với mọi nguy hiểm. Tuy nhiên, vẫn có một vấn đề. Do đứa bé được giữ bằng gót chân để không bị cuốn trôi, nên nước thần đã không chạm đến phần nhỏ đó trên cơ thể. Khi Achilles trưởng thành, ông dường như bất khả xâm phạm trước vũ khí của kẻ thù. Nhưng trong trận chiến thành Troy, một chiến binh — được chỉ dẫn về điểm yếu này — đã bắn mũi tên trúng vào gót chân không được bảo vệ của Achilles, nơi duy nhất ông có thể bị tổn thương. Đòn đánh đó đã chí mạng. Cho đến ngày nay, cụm từ “gót chân Achilles” vẫn được dùng để chỉ điểm yếu chí tử của một con người, một kế hoạch hoặc một thể chế — nơi mà nếu bị đánh trúng thì không có cách nào tự vệ.

Nguyên lý này cũng áp dụng cho các chế độ độc tài tàn bạo. Chúng cũng có thể bị đánh bại — và sẽ bị đánh bại nhanh hơn, với cái giá thấp hơn, nếu những điểm yếu của chúng được nhận diện rõ ràng và đòn tấn công được tập trung chính xác vào đó.

### **Những điểm yếu của các chế độ độc tài**

Trong số những điểm yếu của các chế độ độc tài có thể kể đến:

1- Sự hợp tác của vô số cá nhân, nhóm và thiết chế — vốn cần thiết để hệ thống vận hành — có thể bị hạn chế hoặc bị rút lại.

2- Những yêu cầu và hệ quả từ các chính sách trước đây của chế độ sẽ phần nào hạn chế khả năng hiện tại của nó trong việc thay đổi hoặc thực thi những chính sách trái ngược.

3- Hệ thống có xu hướng trở nên máy móc và cứng nhắc trong vận hành, khiến nó kém linh hoạt trong việc thích ứng nhanh với những tình huống mới.

4- Nhân sự và nguồn lực đã được phân bổ cho các nhiệm vụ hiện tại sẽ khó có thể nhanh chóng chuyển sang đáp ứng những nhu cầu mới.

5- Những cấp dưới, vì lo sợ làm phật ý cấp trên, có thể không cung cấp thông tin đầy đủ hoặc chính xác — điều cần thiết để nhà độc tài đưa ra quyết định.

6- Hệ tư tưởng của chế độ có thể dần suy yếu, và các huyền thoại cùng biểu tượng của hệ thống trở nên lung lay, mất ổn định.

7- Khi một hệ tư tưởng mạnh chi phối cách nhìn về thực tại, việc bám chặt vào nó có thể khiến chế độ không nhận ra hoặc phớt lờ những điều kiện và nhu cầu thực tế.

8- Hiệu quả và năng lực của bộ máy quan liêu có thể suy giảm, hoặc việc kiểm soát và quy định quá mức có thể khiến chính sách và hoạt động của hệ thống trở nên kém hiệu quả.

9- Những xung đột nội bộ giữa các thiết chế, cũng như sự cạnh tranh và thù địch cá nhân, có thể làm suy yếu, thậm chí làm gián đoạn hoạt động của chế độ độc tài.

10- Giới trí thức và sinh viên có thể trở nên bất mãn và bất ổn trước các điều kiện sống, những hạn chế, tính giáo điều và sự đàn áp.

11- Công chúng nói chung, theo thời gian, có thể trở nên thờ ơ, hoài nghi, thậm chí thù địch đối với chế độ.

12- Những khác biệt về vùng miền, giai cấp, văn hóa hoặc dân tộc có thể trở nên gay gắt và sâu sắc hơn.

13- Hệ thống thứ bậc quyền lực trong chế độ độc tài luôn tiềm ẩn bất ổn, ở mức độ nào đó — và đôi khi là rất lớn. Các cá nhân không cố định mãi ở một vị trí; họ có thể thăng tiến, bị giáng chức, hoặc bị loại bỏ hoàn toàn và thay thế bởi người khác.

14- Một số bộ phận trong lực lượng cảnh sát hoặc quân đội có thể hành động vì mục tiêu riêng, thậm chí đi ngược lại ý chí của nhà cầm quyền, kể cả bằng cách tiến hành đảo chính.

15- Nếu chế độ độc tài còn mới, nó cần thời gian để củng cố và ổn định quyền lực.

16- Khi quá nhiều quyết định được đưa ra bởi một số ít người trong chế độ độc tài, thì những sai lầm trong đánh giá, chính sách và hành động là điều khó tránh khỏi.

17- Nếu chế độ tìm cách né tránh những rủi ro này bằng cách phân quyền trong kiểm soát và ra quyết định, thì chính sự phân quyền đó lại có thể làm suy giảm thêm khả năng kiểm soát đối với các đòn bẩy quyền lực trung tâm.

### **Tấn công vào các điểm yếu của chế độ độc tài**

Với sự hiểu biết về những điểm yếu nội tại như vậy, lực lượng đối lập dân chủ có thể chủ động khoét sâu những “gót chân Achilles” này, nhằm làm thay đổi căn bản hệ thống hoặc từng bước làm nó tan rã.

Từ đó, có thể rút ra một kết luận rõ ràng: dù bề ngoài có vẻ mạnh mẽ, mọi chế độ độc tài đều tồn tại những điểm yếu — từ sự kém hiệu quả trong vận hành, những cạnh tranh và xung đột cá nhân, đến các bất cập trong thể chế và mâu thuẫn giữa các tổ chức, bộ phận. Theo thời gian, những điểm yếu này có xu hướng khiến chế độ kém hiệu quả hơn và dễ bị tổn thương hơn trước những thay đổi của hoàn cảnh cũng như trước các hành động kháng cự có chủ đích. Không phải mọi điều chế độ đặt ra đều được thực hiện trọn vẹn. Chẳng hạn, ngay cả những mệnh lệnh trực tiếp của Hitler đôi khi cũng không được thi hành, bởi những người cấp dưới đã từ chối thực hiện. Trong những thời điểm nhất định, một chế độ độc tài thậm chí có thể sụp đổ rất nhanh, như chúng ta đã thấy trong nhiều trường hợp.

Điều này không có nghĩa là các chế độ độc tài có thể bị lật đổ mà không có rủi ro hay tổn thất. Bất kỳ con đường đấu tranh nào nhằm giành tự do cũng đều đi kèm với nguy cơ, đau khổ tiềm tàng, và cần thời gian để phát huy hiệu quả. Và dĩ nhiên, không có phương thức nào có thể bảo đảm thành công nhanh chóng trong mọi hoàn cảnh. Tuy nhiên, những hình thức đấu tranh nhắm trực tiếp vào các điểm yếu có thể nhận diện của chế độ độc tài sẽ có khả năng thành công cao hơn so với việc đối đầu với nó ở những nơi mà nó rõ ràng mạnh nhất. Vấn đề đặt ra là: cuộc đấu tranh đó cần được tiến hành như thế nào?

## Chương 5: Vận dụng quyền lực

Trong Chương Một, chúng ta đã thấy rằng kháng cự bằng quân sự chống lại các chế độ độc tài không đánh vào điểm yếu của chúng, mà lại nhắm vào nơi chúng mạnh nhất. Khi lựa chọn đối đầu trên các phương diện như lực lượng quân sự, nguồn cung đạn dược, công nghệ vũ khí, v.v., các phong trào kháng cự thường tự đặt mình vào một vị thế bất lợi rõ rệt. Các chế độ độc tài hầu như luôn có khả năng huy động nguồn lực vượt trội trong những lĩnh vực này. Những rủi ro khi trông cậy vào các thế lực bên ngoài để được “giải cứu” cũng đã được chỉ ra. Trong Chương Hai, chúng ta đã phân tích những vấn đề khi dựa vào đàm phán như một phương tiện để loại bỏ các chế độ độc tài.

Vậy thì còn những phương tiện nào có thể mang lại lợi thế rõ rệt cho lực lượng kháng cự dân chủ, đồng thời khoét sâu những điểm yếu đã được nhận diện của các chế độ độc tài? Phương thức hành động nào có thể tận dụng được lý thuyết về quyền lực chính trị đã trình bày trong Chương Ba? Câu trả lời được lựa chọn là: đấu tranh bất tuân chính trị.

Đấu tranh bất tuân chính trị có những đặc điểm nổi bật sau:

- Không chấp nhận để kết cục bị chi phối bởi phương thức đấu tranh do chế độ độc tài áp đặt.
- Khó bị chế độ kiểm soát hoặc vô hiệu hóa một cách hiệu quả.
- Có khả năng khoét sâu vào các điểm yếu cốt lõi của chế độ, đồng thời làm gián đoạn hoặc cắt đứt các nguồn quyền lực của nó.
- Trong thực tiễn, có thể lan tỏa rộng khắp, nhưng cũng có thể tập trung cao độ vào những mục tiêu cụ thể khi cần thiết.
- Có xu hướng khiến giới cầm quyền mắc sai lầm trong nhận định và hành động.

- Có khả năng huy động hiệu quả toàn thể người dân, cùng với các nhóm và thiết chế trong xã hội, tham gia vào cuộc đấu tranh nhằm chấm dứt sự thống trị tàn bạo của thiểu số.
- Góp phần phân tán và lan tỏa quyền lực trong toàn xã hội, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành và duy trì một xã hội dân chủ.

### **Cơ chế vận hành của đấu tranh bất bạo động**

Cũng giống như năng lực quân sự, đấu tranh bất tuân chính trị có thể được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau — từ việc gây ảnh hưởng để buộc đối phương thay đổi hành vi, đến việc tạo điều kiện cho một giải pháp hòa bình, hoặc thậm chí làm tan rã chế độ của đối phương. Tuy nhiên, đấu tranh bất tuân chính trị vận hành theo cách hoàn toàn khác với bạo lực. Mặc dù cả hai đều là phương tiện để tiến hành đấu tranh, nhưng chúng sử dụng những công cụ khác nhau và dẫn đến những hệ quả khác nhau. Cách thức và kết quả của xung đột bạo lực thì đã quá rõ: vũ khí vật lý được sử dụng để đe dọa, gây thương tích, giết chóc và hủy diệt.

Đấu tranh bất bạo động là một phương thức phức tạp và đa dạng hơn nhiều so với đấu tranh bạo lực. Thay vì dựa vào vũ khí vật lý, nó vận hành bằng những “công cụ” tâm lý, xã hội, kinh tế và chính trị, được triển khai bởi chính người dân và các thiết chế trong xã hội. Những hình thức này được biết đến dưới nhiều tên gọi: biểu tình, đình công, bất hợp tác, tẩy chay, bất tuân, hay “quyền lực nhân dân”. Như đã nêu, mọi chính quyền chỉ có thể tồn tại khi liên tục nhận được các nguồn quyền lực từ sự hợp tác, phục tùng và tuân lệnh của người dân cùng các thiết chế xã hội. Đấu tranh bất tuân chính trị — khác với bạo lực — đặc biệt hiệu quả trong việc làm gián đoạn và cắt đứt chính những nguồn quyền lực đó.

### **Vũ khí bất bạo động và kỷ luật**

Sai lầm thường gặp của nhiều chiến dịch đấu tranh bất tuân chính trị mang tính tự phát trong quá khứ là chỉ dựa vào một hoặc hai phương thức, như đình công

hoặc biểu tình quy mô lớn. Trong khi đó, trên thực tế tồn tại một hệ thống đa dạng các phương thức đấu tranh, cho phép các nhà chiến lược linh hoạt điều phối — khi cần thì tập trung lực lượng, khi cần thì phân tán — tùy theo yêu cầu của từng giai đoạn.

Khoảng hai trăm phương thức cụ thể của đấu tranh bất bạo động đã được xác định, và trên thực tế còn có thể nhiều hơn nữa. Những phương thức này được phân thành ba nhóm lớn: biểu đạt phản kháng và thuyết phục, bất hợp tác, và can thiệp. Các phương thức biểu đạt phản kháng và thuyết phục chủ yếu mang tính biểu tượng, bao gồm diễu hành, tuần hành và canh thức (54 phương thức). Bất hợp tác được chia thành ba tiểu nhóm:

(a) bất hợp tác xã hội (16 phương thức),

(b) bất hợp tác kinh tế — bao gồm tẩy chay (26 phương thức) và đình công (23 phương thức),

(c) bất hợp tác chính trị (38 phương thức).

Nhóm cuối cùng là can thiệp bất bạo động, thông qua các biện pháp tâm lý, vật lý, xã hội, kinh tế hoặc chính trị — chẳng hạn như tuyệt thực, chiếm giữ bất bạo động, và xây dựng chính quyền song song (41 phương thức). Danh sách gồm 198 phương thức như vậy được trình bày trong phụ lục của ấn phẩm này.

Việc vận dụng một số lượng đáng kể các phương thức này — được lựa chọn kỹ lưỡng, triển khai kiên trì và trên quy mô rộng, trong khuôn khổ một chiến lược sáng suốt và các chiến thuật phù hợp, bởi những người dân được tổ chức và chuẩn bị — có thể gây ra những khó khăn nghiêm trọng cho bất kỳ chế độ phi chính danh nào. Điều này đúng với mọi chế độ độc tài.

Trái với các phương tiện quân sự, các phương thức đấu tranh bất bạo động có thể nhắm trực tiếp vào những vấn đề cốt lõi đang được đặt ra. Chẳng hạn, vì bản chất của chế độ độc tài trước hết là vấn đề chính trị, nên các hình thức đấu tranh

bất bạo động mang tính chính trị sẽ giữ vai trò then chốt. Điều này bao gồm việc phủ nhận tính chính danh của chế độ và từ chối hợp tác với bộ máy cai trị. Sự bất hợp tác cũng có thể được triển khai đối với những chính sách cụ thể. Trong một số trường hợp, các hành động trì hoãn, kéo dài, làm chậm tiến trình có thể được thực hiện âm thầm, thậm chí kín đáo; trong khi ở những thời điểm khác, sự bất tuân công khai, các cuộc biểu tình thách thức và những cuộc đình công quy mô lớn sẽ diễn ra công khai trước toàn xã hội.

Ngược lại, nếu chế độ độc tài dễ bị tổn thương trước áp lực kinh tế, hoặc nếu phần lớn bất bình của người dân mang tính kinh tế, thì các biện pháp kinh tế như tẩy chay và đình công sẽ là những phương thức kháng cự đặc biệt phù hợp. Những nỗ lực của chế độ trong việc khai thác hệ thống kinh tế có thể bị đáp trả bằng các cuộc đình công tổng quát có kiểm soát, các hành động làm chậm tiến độ, hoặc sự từ chối hợp tác của các lực lượng chuyên môn thiết yếu — thậm chí là sự “biến mất” của họ khỏi guồng máy vận hành. Việc sử dụng có chọn lọc các hình thức đình công khác nhau cũng có thể được triển khai tại những mắt xích then chốt của nền kinh tế, như sản xuất, vận tải, cung ứng nguyên liệu và phân phối hàng hóa.

Một số phương thức đấu tranh bất bạo động đòi hỏi người tham gia phải thực hiện những hành động không thuộc đời sống thường ngày của họ, như phát truyền đơn, vận hành báo chí bí mật, tuyệt thực, hoặc ngồi chặn trên đường phố. Những phương thức này có thể khó được nhiều người thực hiện, trừ khi tình hình đã trở nên hết sức nghiêm trọng.

Ngược lại, nhiều phương thức đấu tranh bất bạo động chỉ đòi hỏi người dân tiếp tục cuộc sống thường ngày của mình — nhưng theo những cách thức có điều chỉnh.

Chẳng hạn, thay vì đình công, người ta vẫn đi làm nhưng cố ý làm việc chậm hơn hoặc kém hiệu quả hơn bình thường. Những “sai sót” có thể được tạo ra một cách có chủ ý. Có người có thể “đổ bệnh” và “không thể làm việc” vào những thời điểm nhất định, hoặc đơn giản là từ chối làm việc.

Người ta cũng có thể tham gia các sinh hoạt tôn giáo khi hành động đó không chỉ mang ý nghĩa tín ngưỡng mà còn thể hiện lập trường chính trị. Cha mẹ có thể bảo vệ con cái khỏi sự tuyên truyền của chế độ bằng cách giáo dục tại nhà hoặc trong các lớp học không chính thức. Một số người có thể từ chối tham gia các tổ chức “được khuyến khích” hoặc bắt buộc, mà trong hoàn cảnh bình thường họ sẽ không bao giờ tự nguyện tham gia.

Chính vì những hình thức hành động này gần gũi với sinh hoạt thường ngày và chỉ đòi hỏi những điều chỉnh không quá lớn, nên chúng có thể giúp nhiều người dễ dàng tham gia hơn vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

Vì đấu tranh bất bạo động và bạo lực vận hành theo những logic hoàn toàn khác nhau, nên ngay cả việc sử dụng bạo lực ở mức hạn chế trong một chiến dịch bất tuân chính trị cũng sẽ phản tác dụng, vì nó sẽ đẩy cuộc đấu tranh sang một mặt trận mà ở đó chế độ độc tài sẽ nắm ưu thế áp đảo — đó là lĩnh vực chiến tranh quân sự.

Do đó, kỷ luật bất bạo động là yếu tố then chốt quyết định thành công, và cần được giữ vững một cách kiên định, ngay cả khi phải đối mặt với những khiêu khích và sự đàn áp tàn bạo từ phía chế độ và các lực lượng của họ.

Việc duy trì kỷ luật bất bạo động trước những đối thủ sử dụng bạo lực sẽ giúp thúc đẩy hiệu quả bốn cơ chế thay đổi trong đấu tranh bất bạo động (sẽ được trình bày ở phần sau). Kỷ luật này cũng đặc biệt quan trọng trong quá trình gọi là “nhu đạo chính trị” (political jiu-jitsu).

Trong quá trình này, sự tàn bạo lộ liễu của chế độ khi đàn áp những người đấu tranh rõ ràng bất bạo động sẽ phản tác dụng về mặt chính trị đối với chính chế độ: nó gây ra chia rẽ ngay trong nội bộ của họ, đồng thời làm gia tăng sự ủng hộ dành cho lực lượng kháng cự từ phía công chúng, từ những người vốn ủng hộ chế độ, và cả từ các bên thứ ba.

Trong một số trường hợp, bạo lực ở mức độ hạn chế chống lại chế độ độc tài có thể khó tránh khỏi. Sự dồn nén và căm phẫn đối với chế độ có thể bùng phát thành hành động bạo lực. Hoặc cũng có những nhóm không sẵn sàng từ bỏ con đường bạo lực, dù họ nhận thức được vai trò quan trọng của đấu tranh bất bạo động. Trong những tình huống như vậy, đấu tranh bất tuân chính trị không nhất thiết phải bị từ bỏ. Tuy nhiên, điều tối quan trọng là phải tách biệt tối đa giữa hành động bạo lực và bất bạo động. Sự tách biệt này cần được thực hiện về không gian, lực lượng tham gia, thời điểm và mục tiêu. Nếu không, bạo lực có thể làm suy yếu nghiêm trọng hiệu quả của đấu tranh bất tuân chính trị — một phương thức vốn có tiềm năng mạnh mẽ và hiệu quả vượt trội.

Kinh nghiệm lịch sử cho thấy rằng, dù trong đấu tranh bất tuân chính trị vẫn phải chấp nhận tổn thất về người chết và bị thương, nhưng con số này thường thấp hơn nhiều so với chiến tranh vũ trang. Hơn nữa, hình thức đấu tranh này không nuôi dưỡng vòng xoáy bạo lực và tàn sát bất tận.

Đấu tranh bất bạo động vừa đòi hỏi, vừa góp phần tạo ra sự suy giảm (hoặc góp phần làm tăng khả năng kiểm soát) nỗi sợ hãi trước chính quyền và sự đàn áp bạo lực của nó. Việc vượt qua hoặc làm chủ được nỗi sợ hãi này chính là một yếu tố then chốt để làm suy yếu và cuối cùng phá vỡ quyền lực của chế độ độc tài đối với toàn thể dân chúng.

### **Công khai, bí mật và tiêu chuẩn cao**

Tính bí mật, sự đánh lừa và các hoạt động ngầm đặt ra những thách thức rất lớn đối với một phong trào sử dụng đấu tranh bất bạo động. Trên thực tế, việc ngăn chặn cảnh sát chính trị và các cơ quan tình báo nắm được ý định và kế hoạch của phong trào thường là điều không khả thi. Từ góc nhìn của phong trào, sự bí mật không chỉ bắt nguồn từ nỗi sợ hãi, mà còn nuôi dưỡng và khuếch đại chính nỗi sợ đó, làm suy giảm tinh thần kháng cự và thu hẹp số người có thể tham gia. Nó cũng dễ dẫn đến sự nghi kỵ và những cáo buộc lẫn nhau — thường không có cơ sở — về việc ai là chỉ điểm hay tay sai của đối phương. Hơn nữa, tính bí mật còn có thể làm suy yếu khả năng duy trì kỷ luật bất bạo động của phong trào.

Ngược lại, sự công khai về mục tiêu và kế hoạch không chỉ tạo ra những tác động tích cực đối lập, mà còn góp phần xây dựng hình ảnh rằng phong trào kháng cự mạnh mẽ, tự tin và chính danh. Tuy nhiên, vấn đề không đơn giản như vậy. Vẫn có những khía cạnh của hoạt động kháng cự đòi hỏi mức độ bí mật nhất định. Vì vậy, cần có một sự đánh giá thận trọng và hiểu biết sâu sắc, dựa trên cả động lực của đấu tranh bất bạo động lẫn khả năng giám sát của chế độ trong từng bối cảnh cụ thể.

Việc biên tập, in ấn và phân phối các ấn phẩm ngầm, sử dụng các đài phát thanh bất hợp pháp từ trong nước, cũng như thu thập thông tin về hoạt động của chế độ độc tài là những loại hoạt động đặc thù, đòi hỏi mức độ bí mật cao.

Việc duy trì những tiêu chuẩn hành vi cao trong đấu tranh bất bạo động là cần thiết ở mọi giai đoạn của cuộc xung đột. Những yếu tố như sự can đảm không sợ hãi và kỷ luật bất bạo động luôn phải được giữ vững. Cũng cần nhớ rằng, để tạo ra những thay đổi đáng kể, thường cần đến sự tham gia của số đông. Tuy nhiên, chỉ khi duy trì được các tiêu chuẩn cao của phong trào, thì mới có thể thu hút và giữ được những người tham gia một cách đáng tin cậy và bền vững.

### **Chuyển dịch tương quan quyền lực**

Những người làm chiến lược cần ghi nhớ rằng cuộc xung đột, nơi đấu tranh bất tuân chính trị được triển khai, là một đấu trường luôn biến động, với sự tương tác liên tục giữa các hành động và phản ứng. Không có gì là cố định. Tương quan quyền lực — cả về mặt tuyệt đối lẫn tương đối — luôn có thể thay đổi, thậm chí thay đổi nhanh chóng. Điều này trở nên khả thi nhờ việc lực lượng kháng cự kiên trì duy trì đấu tranh bất bạo động, ngay cả khi phải đối mặt với sự đàn áp.

Trong loại xung đột này, sự biến động về tương quan sức mạnh giữa các bên thường mạnh mẽ và sâu sắc hơn so với xung đột bạo lực, nó cũng diễn ra nhanh hơn, đồng thời kéo theo những hệ quả đa dạng và có ý nghĩa chính trị sâu rộng hơn. Chính vì vậy, những hành động cụ thể của lực lượng kháng cự có thể tạo ra những tác động vượt xa thời điểm và địa điểm trực tiếp của chúng. Các tác động

này sẽ lan tỏa và dội ngược trở lại, góp phần làm mạnh lên hoặc làm suy yếu từng bên trong cuộc đấu tranh.

Hơn nữa, thông qua các hành động của mình, lực lượng đấu tranh bất bạo động có thể tác động sâu sắc đến việc gia tăng hoặc suy giảm sức mạnh tương đối của đối phương. Chẳng hạn, sự kháng cự bất bạo động với tính kỷ luật và can đảm trước những hành vi đàn áp tàn bạo có thể tạo ra tâm lý bất an, sự bất mãn và giảm sút lòng trung thành, thậm chí trong những trường hợp cực đoan còn dẫn đến sự bất tuân hoặc nổi loạn ngay trong hàng ngũ của chế độ. Đồng thời, điều đó cũng có thể làm gia tăng sự lên án từ cộng đồng quốc tế đối với chế độ độc tài. Bên cạnh đó, việc triển khai đấu tranh bất tuân chính trị một cách khéo léo, kỷ luật và bền bỉ còn có thể thu hút ngày càng nhiều người tham gia vào phong trào — bao gồm cả những người trước đây ngầm ủng hộ chế độ hoặc giữ thái độ trung lập trong cuộc xung đột.

### **Bốn cơ chế tạo ra thay đổi**

Đấu tranh bất bạo động tạo ra thay đổi thông qua bốn cơ chế. Cơ chế thứ nhất ít có khả năng xảy ra nhất, dù đôi khi vẫn xuất hiện. Khi các thành viên của chính quyền bị lay động về mặt cảm xúc trước sự chịu đựng của những người đấu tranh bất bạo động can đảm, hoặc bị thuyết phục bằng lý lẽ rằng mục tiêu của những người đấu tranh là chính đáng, thì họ có thể chuyển sang chấp nhận những mục tiêu đó. **Cơ chế này được gọi là chuyển hóa (conversion)**. Mặc dù những trường hợp chuyển hóa như vậy đôi khi có xảy ra trong đấu tranh bất bạo động, nhưng chúng rất hiếm, và trong phần lớn các xung đột, điều này không xảy ra, hoặc ít nhất không diễn ra ở quy mô đáng kể.

Phổ biến hơn nhiều, đấu tranh bất bạo động vận hành bằng cách làm thay đổi chính cục diện xung đột và cấu trúc xã hội, khiến phía đối lập không còn có thể hành động tùy ý như trước. Chính sự thay đổi này tạo ra ba cơ chế còn lại: thích nghi (accommodation), cưỡng chế bất bạo động (nonviolent coercion) và tan rã (disintegration). Cơ chế nào sẽ xảy ra phụ thuộc vào mức độ mà tương quan

quyền lực — cả tuyệt đối lẫn tương đối — được chuyển dịch theo hướng có lợi cho lực lượng dân chủ.

Khi những vấn đề đặt ra không mang tính nền tảng, các yêu cầu của phe đối lập trong một chiến dịch giới hạn không bị xem là đe dọa nghiêm trọng, và tương quan lực lượng đã dịch chuyển phần nào theo hướng có lợi, thì xung đột trước mắt có thể được giải quyết bằng một thỏa thuận — tức là sự nhượng bộ và chia sẻ lợi ích giữa hai bên. Cơ chế này được gọi là thích nghi (**accommodation**). Nhiều cuộc đình công được giải quyết theo cách này: mỗi bên đều đạt được một phần mục tiêu, nhưng không bên nào đạt được toàn bộ mong muốn của mình. Đối với chính quyền, một thỏa thuận như vậy có thể mang lại những lợi ích nhất định, như giảm căng thẳng, tạo ấn tượng về “sự công bằng”, hoặc cải thiện hình ảnh quốc tế. Vì vậy, cần hết sức thận trọng khi lựa chọn những vấn đề mà ở đó việc thỏa hiệp là chấp nhận được. Một cuộc đấu tranh nhằm lật đổ chế độ độc tài không phải là trường hợp như vậy.

Đấu tranh bất bạo động có thể mạnh mẽ hơn nhiều so với những gì được thể hiện qua hai cơ chế chuyển hóa hoặc thích nghi. Sự bất hợp tác và bất tuân ở quy mô lớn có thể làm thay đổi sâu sắc tình hình xã hội và chính trị — đặc biệt là tương quan quyền lực — đến mức khả năng kiểm soát các quá trình kinh tế, xã hội và chính trị của chế độ độc tài bị tước bỏ trên thực tế.

Lực lượng quân sự của đối phương có thể trở nên thiếu tin cậy, đến mức không còn đơn thuần tuân lệnh để đàn áp lực lượng kháng cự. Dù các lãnh đạo của chế độ vẫn còn tại vị và vẫn bám giữ mục tiêu ban đầu, nhưng khả năng hành động hiệu quả của họ đã bị vô hiệu hóa. **Cơ chế này được gọi là cưỡng chế bất bạo động (nonviolent coercion).**

Trong những tình huống cực đoan, các điều kiện dẫn đến cưỡng chế bất bạo động còn được đẩy đi xa hơn nữa. Khi đó, ban lãnh đạo chính quyền thực sự mất hoàn toàn khả năng hành động, và chính cấu trúc quyền lực của họ bắt đầu sụp đổ. Mức độ tự chủ, bất hợp tác và phản kháng của lực lượng đấu tranh trở nên mạnh mẽ đến mức đối phương không còn có khả năng kiểm soát được

chính họ — dù chỉ là trên hình thức. Bộ máy quan liêu từ chối tuân lệnh, quân đội và cảnh sát bất tuân hoặc nổi loạn, còn những lực lượng từng ủng hộ — cũng như một bộ phận dân chúng — quay lưng lại với lãnh đạo, phủ nhận hoàn toàn tính chính danh của họ. Khi đó, mọi sự hỗ trợ và phục tùng trước đây dần tan rã. **Cơ chế thứ tư — sự tan rã (disintegration) của hệ thống chính quyền** — diễn ra triệt để đến mức họ không còn đủ sức để đầu hàng. Chế độ khi đó tự sụp đổ hoàn toàn từ bên trong.

Khi xây dựng chiến lược giải phóng, cần luôn ghi nhớ bốn cơ chế thay đổi này. Trong thực tế, chúng đôi khi xuất hiện gần như một cách tự phát, không có chủ đích rõ ràng.

Tuy nhiên, nếu chủ động lựa chọn một hoặc nhiều cơ chế làm trọng tâm tác động, thì có thể xây dựng được những chiến lược cụ thể, gắn kết và bổ trợ lẫn nhau một cách hiệu quả hơn. Việc lựa chọn cơ chế nào sẽ phụ thuộc vào nhiều yếu tố, đặc biệt là tương quan sức mạnh giữa các bên, cũng như nhận thức và mục tiêu của lực lượng đấu tranh bất bạo động.

### **Tác động dân chủ hóa của đấu tranh bất tuân chính trị**

Trái với xu hướng tập trung quyền lực do các biện pháp bạo lực tạo ra, việc sử dụng đấu tranh bất bạo động lại góp phần thúc đẩy quá trình dân chủ hóa đời sống chính trị theo nhiều cách khác nhau.

Một khía cạnh của tác động dân chủ hóa này mang tính phủ định. Nghĩa là, khác với các phương tiện quân sự, phương thức này không tạo ra một công cụ đàn áp nằm trong tay một tầng lớp cầm quyền, để rồi nó có thể quay ngược lại áp chế chính người dân nhằm thiết lập hoặc duy trì chế độ độc tài. Những người lãnh đạo trong một phong trào đấu tranh bất tuân chính trị có thể gây ảnh hưởng và tạo sức ép đối với người tham gia, nhưng họ không thể cưỡng bức, bỏ tù hay trừng phạt những người tham gia một cách bạo lực chỉ vì bất đồng quan điểm hoặc chỉ vì họ, những người tham gia, chọn theo những lãnh đạo khác.

Một khía cạnh khác của tác động dân chủ hóa mang tính tích cực. Nói cách khác, đấu tranh bất bạo động trao cho người dân những công cụ kháng cự hiệu quả, giúp họ giành lấy và bảo vệ các quyền tự do trước các chế độ độc tài hiện hữu hoặc những mối đe dọa độc tài trong tương lai. Dưới đây là một số tác động dân chủ hóa tích cực mà đấu tranh bất bạo động có thể mang lại:

- Kinh nghiệm tham gia đấu tranh bất bạo động giúp người dân trở nên tự tin hơn trong việc đối mặt và thách thức các đe dọa cũng như khả năng đàn áp bạo lực của chế độ.
- Đấu tranh bất bạo động cung cấp những phương thức bất hợp tác và bất tuân, giúp người dân chống lại các hình thức kiểm soát phi dân chủ do bất kỳ nhóm độc tài nào áp đặt.
- Đấu tranh bất bạo động cũng có thể được sử dụng để khẳng định và thực hành các quyền tự do dân chủ, như tự do ngôn luận, tự do báo chí, quyền lập hội độc lập và quyền tự hợp, ngay cả khi phải đối mặt với sự kiểm soát và đàn áp.
- Đấu tranh bất bạo động góp phần mạnh mẽ vào việc duy trì, tái sinh và củng cố các nhóm và thiết chế độc lập trong xã hội, như đã trình bày trước đó. Đây là nền tảng thiết yếu của dân chủ, bởi chúng có khả năng huy động sức mạnh của người dân và đặt ra giới hạn đối với quyền lực của bất kỳ thế lực độc tài nào.
- Đấu tranh bất bạo động mang lại những phương thức để người dân chủ động phát huy sức mạnh của mình, qua đó đối phó và làm suy yếu các hành động đàn áp từ lực lượng cảnh sát và quân đội của chế độ.
- Đồng thời, nó cung cấp những công cụ để người dân và các thiết chế độc lập, vì lợi ích của dân chủ, từng bước hạn chế hoặc cắt đứt các nguồn quyền lực của tầng lớp cầm quyền, từ đó đe dọa và làm suy yếu khả năng duy trì sự thống trị của họ.

### **Tính phức tạp của đấu tranh bất bạo động**

Như đã trình bày, đấu tranh bất bạo động là một phương thức hành động xã hội phức tạp và đa chiều, bao gồm nhiều hình thức khác nhau, vận hành thông qua nhiều cơ chế thay đổi, và đòi hỏi những tiêu chuẩn hành vi rõ ràng và nghiêm ngặt.

Để đạt hiệu quả — đặc biệt khi đối đầu với một chế độ độc tài — đấu tranh bất tuân chính trị cần được chuẩn bị kỹ lưỡng và hoạch định một cách cẩn trọng. Những người tham gia cần hiểu rõ vai trò và yêu cầu đặt ra đối với mình. Các nguồn lực phải được chuẩn bị đầy đủ và phù hợp. Đồng thời, những người làm chiến lược cần phân tích thấu đáo cách thức áp dụng đấu tranh bất bạo động sao cho đạt hiệu quả cao nhất.

Tiếp theo, chúng ta sẽ tập trung vào yếu tố then chốt này: sự cần thiết của hoạch định chiến lược.

## **Chương 6: Sự cần thiết của hoạch định chiến lược**

Các chiến dịch đấu tranh bất tuân chính trị chống lại chế độ độc tài có thể bắt đầu theo nhiều cách khác nhau. Trong quá khứ, những cuộc đấu tranh này hầu như không được chuẩn bị trước, mà mang tính tự phát và tình cờ.

Những nguyên nhân cụ thể khơi mào cho các hành động ban đầu rất đa dạng, nhưng thường bao gồm: những hành vi đàn áp mới, việc bắt giữ hoặc sát hại một nhân vật được kính trọng, một chính sách hay mệnh lệnh hà khắc mới, tình trạng thiếu lương thực, sự xúc phạm đối với tín ngưỡng tôn giáo, hoặc một dịp kỷ niệm quan trọng liên quan.

Đôi khi, một hành động cụ thể của chế độ độc tài có thể khiến công chúng phấn nộ đến mức họ lập tức đứng lên hành động, mà không hề biết trước là phong trào sẽ đi đến đâu. Trong những trường hợp khác, một cá nhân can đảm hoặc một nhóm nhỏ có thể khởi xướng hành động và từ đó thu hút sự ủng hộ rộng rãi.

Một bất công cụ thể có thể khiến nhiều người nhận ra rằng nó giống với những gì họ từng phải chịu đựng, và vì vậy họ cũng quyết định tham gia vào cuộc đấu tranh. Đôi khi, một lời kêu gọi kháng cự từ một cá nhân hoặc một nhóm nhỏ lại nhận được sự hưởng ứng mạnh mẽ hơn nhiều so với dự đoán.

Mặc dù tính tự phát có một số điểm tích cực, nhưng nó cũng thường kéo theo những hạn chế nghiêm trọng. Nhiều khi, lực lượng đấu tranh dân chủ không lường trước được mức độ đàn áp tàn bạo của chế độ, dẫn đến tổn thất nặng nề và phong trào bị sụp đổ.

Trong không ít trường hợp, việc thiếu kế hoạch đã khiến những quyết định quan trọng bị phó mặc cho ngẫu nhiên, và hậu quả có thể rất tai hại. Ngay cả khi chế độ áp bức bị lật đổ, việc không chuẩn bị cho giai đoạn chuyển tiếp sang một hệ thống dân chủ cũng có thể dẫn đến sự xuất hiện của một chế độ độc tài mới.

## Hoạch định thực tế

Trong tương lai, những hành động tự phát của quần chúng chắc chắn vẫn sẽ đóng vai trò quan trọng trong các cuộc nổi dậy chống lại chế độ độc tài. Tuy nhiên, ngày nay, chúng ta đã có thể xác định một cách có tính toán những phương thức hiệu quả nhất để lật đổ chế độ, đánh giá khi nào tình hình chính trị và tâm lý xã hội đã chín muồi, và lựa chọn cách thức khởi động một chiến dịch phù hợp. Để làm được điều đó, cần có sự suy nghĩ hết sức thận trọng, dựa trên đánh giá thực tế về bối cảnh và năng lực của người dân, nhằm lựa chọn những con đường hiệu quả nhất để đạt được tự do trong những điều kiện cụ thể.

Nếu muốn đạt được một mục tiêu, điều khôn ngoan là chuẩn bị và lập kế hoạch rõ ràng cho cách thực hiện. Mục tiêu càng quan trọng, hoặc hậu quả của thất bại càng nghiêm trọng, thì việc hoạch định càng trở nên thiết yếu. Hoạch định chiến lược giúp huy động và sử dụng tối đa hiệu quả mọi nguồn lực sẵn có. Điều này đặc biệt đúng đối với một phong trào dân chủ — vốn có nguồn lực vật chất hạn chế và những người tham gia luôn phải đối mặt với nguy hiểm — khi họ tìm cách lật đổ một chế độ độc tài hùng mạnh. Ngược lại, chế độ độc tài thường nắm trong tay nguồn lực dồi dào, bộ máy tổ chức chặt chẽ, cùng với khả năng sử dụng bạo lực một cách tàn nhẫn.

“Hoạch định chiến lược” ở đây có nghĩa là xây dựng một lộ trình hành động rõ ràng, nhằm tăng khả năng chuyển từ hiện tại sang trạng thái tương lai mong muốn. Trong bối cảnh này, đó là chuyển từ chế độ độc tài sang một hệ thống dân chủ. Một kế hoạch như vậy thường bao gồm chuỗi các chiến dịch và hoạt động có tổ chức, triển khai theo từng giai đoạn, với mục tiêu tăng cường sức mạnh của người dân và xã hội, đồng thời làm suy yếu dần chế độ độc tài.

Điều quan trọng cần nhấn mạnh là: mục tiêu không chỉ dừng lại ở việc lật đổ chế độ hiện tại, mà còn phải thiết lập một hệ thống dân chủ thay thế. Nếu chiến lược tổng thể chỉ nhắm đến việc loại bỏ chính quyền đương nhiệm, thì nguy cơ một chế độ độc tài khác xuất hiện thay thế là rất lớn.

## **Những trở ngại đối với việc hoạch định**

Ở nhiều nơi trên thế giới, không ít người đấu tranh cho tự do chưa thực sự phát huy hết năng lực của mình trong việc tìm kiếm con đường giải phóng. Rất hiếm khi họ nhận thức đủ tầm quan trọng đặc biệt của việc hoạch định chiến lược một cách cẩn trọng trước khi hành động. Vì thế, trong thực tế, việc hoạch định như vậy gần như không được tiến hành.

Tại sao những người mang trong mình khát vọng đem lại tự do chính trị cho dân tộc lại hiếm khi xây dựng được một kế hoạch chiến lược toàn diện để đạt được mục tiêu đó?

Đáng tiếc là, trong nhiều trường hợp, phần lớn những người trong các phong trào đối lập dân chủ không nhận thức đầy đủ nhu cầu phải hoạch định chiến lược, hoặc không quen và cũng không được đào tạo để tư duy một cách chiến lược.

Đây vốn là một nhiệm vụ khó khăn. Bị chế độ độc tài liên tục gây sức ép và đàn áp, đồng thời phải đối mặt với những vấn đề cấp bách trước mắt, các lãnh đạo phong trào thường không có đủ sự an toàn hoặc thời gian để phát triển năng lực tư duy chiến lược.

Thay vào đó, một tình trạng khá phổ biến là phe đối lập chỉ phản ứng theo từng bước đi của chế độ độc tài. Hệ quả là họ luôn ở trong thế bị động và phòng thủ, chỉ cố gắng giữ gìn những quyền tự do ít ỏi còn lại hoặc những không gian tự do hạn hẹp — và cao nhất là làm chậm quá trình siết chặt kiểm soát của chế độ, hoặc gây ra một số trở ngại nhất định cho các chính sách mới của họ.

Dĩ nhiên, một số cá nhân và nhóm người không nhận thấy sự cần thiết của việc hoạch định dài hạn và toàn diện cho một phong trào giải phóng. Thay vào đó, họ có thể ngây thơ tin rằng chỉ cần kiên trì khẳng định mục tiêu một cách mạnh mẽ và bền bỉ, thì mục tiêu ấy sẽ tự nhiên trở thành hiện thực.

Những người khác lại cho rằng chỉ cần sống đúng với các nguyên tắc và lý tưởng của mình, ngay cả khi đối mặt với khó khăn, là đã làm hết những gì có thể để thực hiện chúng.

Tuy việc theo đuổi những mục tiêu nhân văn và giữ vững lý tưởng là đáng trân trọng, nhưng như vậy vẫn hoàn toàn không đủ để chấm dứt một chế độ độc tài và giành được tự do.

Một số lực lượng chống độc tài khác lại nghĩ thơ cho rằng chỉ cần sử dụng đủ bạo lực thì tự do sẽ tự khắc đạt được. Tuy nhiên, như đã phân tích, bạo lực không hề bảo đảm thành công; trái lại, nó có thể dẫn đến thất bại, thảm kịch nghiêm trọng, hoặc cả hai. Trong đa số trường hợp, chế độ độc tài có ưu thế rõ rệt về sức mạnh bạo lực, nên khi đối đầu bằng quân sự, thực tế hầu như không đứng về phía lực lượng dân chủ.

Cũng có những nhà hoạt động hành động dựa trên cảm tính cá nhân — làm theo điều họ “cảm thấy” là đúng. Tuy nhiên, cách tiếp cận này không chỉ mang tính chủ quan, mà còn không cung cấp được định hướng cần thiết để xây dựng một chiến lược giải phóng toàn diện.

Những hành động xuất phát từ một “ý tưởng chợt lóe” cũng có những hạn chế đáng kể. Điều cần thiết là hành động dựa trên sự tính toán thận trọng về các “bước đi tiếp theo”, nhằm từng bước tiến tới việc làm suy yếu và lật đổ chế độ độc tài. Nếu thiếu phân tích chiến lược, các lãnh đạo phong trào thường không xác định được bước đi kế tiếp, bởi họ chưa suy nghĩ đầy đủ về chuỗi hành động cụ thể cần thiết để đạt tới thắng lợi. Sự sáng tạo và những ý tưởng mới mẻ là rất quan trọng, nhưng chúng chỉ thực sự phát huy giá trị khi được đặt trong một định hướng chiến lược rõ ràng, qua đó từng bước nâng cao vị thế của lực lượng dân chủ trong cuộc đấu tranh.

Nhận thức rõ có rất nhiều hành động có thể tiến hành chống lại chế độ độc tài nhưng không biết nên bắt đầu từ đâu, một số người đã khuyên rằng: “Hãy làm tất cả cùng lúc.” Nghe có vẻ hợp lý, nhưng thực tế điều đó là không khả thi, đặc biệt

đối với những phong trào còn yếu. Hơn nữa, cách tiếp cận này không đưa ra được định hướng cụ thể: không chỉ rõ nên bắt đầu ở đâu, nên tập trung nỗ lực vào điểm nào, và làm thế nào để sử dụng hiệu quả những nguồn lực vốn đã hạn chế.

Một số cá nhân và nhóm khác có thể nhận ra sự cần thiết của việc lập kế hoạch, nhưng lại chỉ suy nghĩ trong ngắn hạn hoặc ở mức chiến thuật. Họ không thấy rằng cần — và có thể — xây dựng kế hoạch dài hạn. Vì thiếu tư duy chiến lược, họ thường khó phân tích và định hướng tổng thể, dễ bị cuốn vào những vấn đề nhỏ nhặt, và chủ yếu chỉ phản ứng theo hành động của đối phương thay vì chủ động dẫn dắt cuộc đấu tranh. Khi dồn quá nhiều năng lượng vào các hoạt động trước mắt, những người lãnh đạo này thường không xem xét các phương án hành động khác nhau, vốn có thể giúp định hướng nỗ lực chung một cách rõ ràng hơn, để từng bước tiến gần hơn tới mục tiêu cuối cùng.

Cũng có thể một số phong trào dân chủ không xây dựng chiến lược tổng thể để lật đổ chế độ, mà chỉ tập trung vào những vấn đề trước mắt — vì một lý do sâu xa hơn. Bản thân họ không thực sự tin rằng chế độ độc tài có thể bị đánh bại bằng chính nỗ lực của mình. Vì vậy, việc lập kế hoạch để đạt được điều đó bị xem như một điều viển vông hoặc vô ích. Những người đấu tranh cho tự do trước các chế độ độc tài tàn bạo thường phải đối mặt với sức mạnh quân sự và cảnh sát quá lớn, đến mức chế độ dường như có thể làm bất cứ điều gì họ muốn. Trong hoàn cảnh đó, nhiều người vẫn đứng lên phản kháng — vì lương tâm và danh dự, hoặc vì trách nhiệm trước lịch sử. Tuy nhiên, dù không thừa nhận, thậm chí không ý thức rõ, hành động của họ đôi khi mang một cảm giác không có hy vọng. Và vì thế, đối với họ, việc xây dựng một chiến lược dài hạn và toàn diện dường như không có ý nghĩa.

Hệ quả của việc thiếu hoạch định chiến lược thường rất nghiêm trọng: sức mạnh bị phân tán, hành động kém hiệu quả, năng lượng bị lãng phí vào những vấn đề thứ yếu, các lợi thế không được tận dụng, và những hy sinh trở nên vô ích. Nếu lực lượng dân chủ không có chiến lược rõ ràng, họ rất dễ thất bại trong việc đạt được mục tiêu. Một tập hợp các hoạt động rời rạc, thiếu định hướng — dù có

niệt huyết — cũng không thể đưa phong trào tiến lên. Trái lại, điều đó nhiều khả năng sẽ tạo điều kiện để chế độ độc tài củng cố thêm quyền lực và siết chặt kiểm soát.

Đáng tiếc là, do các kế hoạch chiến lược toàn diện cho việc giải phóng hiềm khi — nếu không muốn nói là hầu như không bao giờ — được xây dựng, nên các chế độ độc tài thường tỏ ra bền vững hơn thực tế. Vì vậy, chúng có thể tồn tại lâu hơn nhiều so với mức cần thiết, kéo dài thêm nhiều năm, thậm chí nhiều thập kỷ.

### **Bốn khái niệm quan trọng trong hoạch định chiến lược**

Để có thể tư duy một cách chiến lược, điều quan trọng là phải hiểu rõ ý nghĩa của bốn khái niệm cơ bản.

Chiến lược tổng thể (grand strategy) là một cách tiếp cận nhằm điều phối và định hướng việc sử dụng toàn bộ các nguồn lực phù hợp và sẵn có — như kinh tế, con người, tinh thần, chính trị, tổ chức, v.v. — của một lực lượng đang theo đuổi mục tiêu trong một cuộc xung đột.

Chiến lược tổng thể là cách nhìn bao quát, trong đó lực lượng đấu tranh tập trung vào mục tiêu chính và các nguồn lực mình đang có, để từ đó lựa chọn phương thức hành động phù hợp nhất — chẳng hạn như đấu tranh bất bạo động thay vì đối đầu bằng quân sự. Khi xây dựng chiến lược này, những người lãnh đạo cần đánh giá kỹ nên gây áp lực lên đối phương bằng cách nào, và tác động vào đâu để đạt hiệu quả cao nhất. Đồng thời, họ cũng phải quyết định thời điểm thích hợp để bắt đầu, cũng như cách triển khai các chiến dịch theo từng giai đoạn, sao cho toàn bộ tiến trình luôn hướng tới mục tiêu cuối cùng.

Chiến lược tổng thể đặt ra khuôn khổ chung để từ đó lựa chọn các chiến lược cụ thể hơn cho quá trình đấu tranh. Nó cũng giúp xác định mỗi nhóm sẽ đảm nhận nhiệm vụ gì, và nguồn lực sẽ được phân bổ ra sao để phục vụ cho toàn bộ cuộc đấu tranh.

Chiến lược (strategy) là cách suy nghĩ về việc làm thế nào để đạt được những mục tiêu cụ thể trong một cuộc xung đột, dựa trên khuôn khổ của chiến lược tổng thể đã lựa chọn. Chiến lược trả lời cho các câu hỏi: có nên hành động hay không, khi nào hành động, và hành động bằng cách nào để đạt hiệu quả cao nhất trong việc theo đuổi mục tiêu. Có thể hình dung, chiến lược giống như ý tưởng của một người nghệ sĩ, còn kế hoạch chiến lược cụ thể giống như bản thiết kế chi tiết của một kiến trúc sư.<sup>[12]</sup>

Chiến lược cũng bao gồm việc tạo ra một thế trận đủ thuận lợi, đến mức đối phương nhận ra rằng nếu tiếp tục đối đầu thì gần như chắc chắn sẽ thất bại, từ đó buộc phải nhượng bộ mà không cần xảy ra xung đột trực diện. Trong trường hợp xung đột vẫn diễn ra, một thế trận như vậy sẽ giúp gia tăng đáng kể khả năng giành thắng lợi của lực lượng đấu tranh. Bên cạnh đó, chiến lược còn đòi hỏi phải biết tận dụng và phát huy những thành quả đã đạt được, để từng bước củng cố vị thế và tiến gần hơn tới mục tiêu cuối cùng.

Khi áp dụng vào quá trình đấu tranh, kế hoạch chiến lược là ý tưởng tổng thể về việc một chiến dịch sẽ diễn ra như thế nào, và các phần riêng lẻ của nó được kết hợp ra sao để cùng hướng tới mục tiêu một cách hiệu quả nhất. Điều này bao gồm việc triển khai khéo léo các nhóm hành động trong những hoạt động cụ thể ở quy mô nhỏ, sao cho tất cả đều góp phần vào mục tiêu chung. Việc xây dựng một chiến lược hợp lý cũng cần tính đến các điều kiện cần thiết để phương thức đấu tranh được lựa chọn có thể thành công. Mỗi phương thức sẽ có những yêu cầu khác nhau. Tuy nhiên, chỉ đáp ứng các “điều kiện cần” thôi thì chưa đủ để bảo đảm thành công — vẫn còn nhiều yếu tố khác cũng cần được xem xét.

Khi xây dựng chiến lược, lực lượng dân chủ cần xác định rõ mục tiêu của mình, đồng thời đặt ra cách thức để đánh giá mức độ hiệu quả của các nỗ lực nhằm đạt được những mục tiêu đó. Việc xác định và phân tích rõ ràng như vậy giúp người làm chiến lược nhận diện chính xác những điều kiện cần thiết để đạt được từng mục tiêu cụ thể. Yêu cầu về sự rõ ràng và cụ thể này cũng quan trọng không kém trong việc lập kế hoạch chiến thuật.

Chiến thuật và các phương thức hành động là những bước cụ thể để thực hiện chiến lược.

Chiến thuật là cách sử dụng lực lượng một cách khéo léo trong từng tình huống cụ thể, nhằm đạt được một mục tiêu nhỏ và rõ ràng. Nói đơn giản, đó là những hành động có giới hạn, phục vụ cho một phần của kế hoạch lớn. Việc chọn chiến thuật nào phụ thuộc vào từng giai đoạn cũng như các nguồn lực và phương tiện hiện có để tiến gần hơn tới mục tiêu chung. Để đạt hiệu quả cao nhất, các chiến thuật cần luôn gắn chặt với mục tiêu chiến lược. Nếu một hành động mang lại kết quả trước mắt nhưng không giúp tiến gần hơn tới mục tiêu lớn, thì cuối cùng nó có thể chỉ là sự lãng phí công sức và nguồn lực.

Chiến thuật là những bước hành động cụ thể, có phạm vi hạn chế, nằm trong một chiến lược rộng hơn — cũng giống như chiến lược lại nằm trong chiến lược tổng thể. Chiến thuật chủ yếu gắn với những hoạt động đấu tranh trực tiếp, trong khi chiến lược bao quát những vấn đề rộng hơn và mang tính dài hạn. Vì vậy, một chiến thuật chỉ thực sự có ý nghĩa khi được đặt trong tổng thể của chiến lược chung. Thông thường, chiến thuật được triển khai trong thời gian ngắn hơn, ở phạm vi hẹp hơn (về địa lý, tổ chức, v.v.), với lực lượng tham gia ít hơn, và nhằm đạt những mục tiêu cụ thể, giới hạn hơn. Trong đấu tranh bất bạo động, có thể phân biệt mục tiêu chiến thuật và mục tiêu chiến lược khá đơn giản: mục tiêu chiến thuật thường nhỏ và trước mắt, còn mục tiêu chiến lược mang tính lớn hơn và lâu dài hơn.

Các hoạt động chiến thuật mang tính tấn công được lựa chọn nhằm phục vụ trực tiếp cho mục tiêu chiến lược chung. Chúng là những công cụ giúp người làm chiến lược từng bước tạo ra thế thuận lợi, từ đó chuẩn bị cho những đòn mang tính quyết định đối với đối phương. Vì vậy, những người chịu trách nhiệm lập kế hoạch và triển khai chiến thuật cần có năng lực đánh giá tình hình một cách chính xác, đồng thời lựa chọn phương thức hành động phù hợp nhất với từng hoàn cảnh. Bên cạnh đó, những người tham gia cũng cần được đào tạo và chuẩn bị kỹ lưỡng, để có thể thực hiện hiệu quả các kỹ thuật và phương thức đã được lựa chọn.

Phương thức (method) là những công cụ hoặc cách thức hành động cụ thể được sử dụng trong đấu tranh. Trong khuôn khổ đấu tranh bất bạo động, các phương thức này bao gồm nhiều hình thức hành động khác nhau — như các loại đình công, tẩy chay, bất hợp tác chính trị, và nhiều cách thức khác đã được trình bày ở Chương Năm (xem thêm Phụ lục).

Để xây dựng một kế hoạch đấu tranh bất bạo động hiệu quả và vững chắc, cần phải xác định và lựa chọn một cách cẩn trọng từ chiến lược tổng thể, chiến lược cụ thể, cho đến chiến thuật và các phương thức hành động. Nói cách khác, muốn đạt được thành công, thì mọi cấp độ — từ định hướng lớn đến hành động cụ thể — đều phải được suy nghĩ kỹ lưỡng và phối hợp chặt chẽ với nhau.

Bài học chính ở đây là: để xây dựng một kế hoạch giải phóng hiệu quả, cần phải suy nghĩ một cách tinh táo và có tính toán. Nếu thiếu tư duy và chuẩn bị cẩn thận, việc lập kế hoạch có thể dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng. Ngược lại, khi biết sử dụng tốt khả năng phân tích và suy nghĩ của mình, ta có thể vạch ra một con đường chiến lược hợp lý, tận dụng hiệu quả các nguồn lực sẵn có, và từng bước đưa xã hội tiến tới tự do và dân chủ.

—

## Chương 7: Hoạch định chiến lược

Để tăng khả năng thành công, các lãnh đạo phong trào cần xây dựng một kế hoạch hành động toàn diện. Kế hoạch này phải giúp củng cố sức mạnh của người dân đang chịu áp bức, làm suy yếu rồi tiến tới chấm dứt chế độ độc tài, đồng thời đặt nền tảng cho một nền dân chủ bền vững.

Muốn làm được điều đó, cần đánh giá kỹ tình hình và các phương án hành động hiệu quả. Từ quá trình phân tích này, có thể xây dựng chiến lược tổng thể (grand strategy) và các chiến lược cho các chiến dịch cụ thể để giành tự do.

Hai loại chiến lược này có liên quan với nhau nhưng là hai bước khác nhau. Chỉ khi đã xác định rõ chiến lược tổng thể, chúng ta mới có thể phát triển đầy đủ các chiến lược cho các chiến dịch cụ thể. Các chiến lược cho các chiến dịch cần được thiết kế sao cho vừa đạt được, vừa củng cố các mục tiêu của chiến lược tổng thể.

Việc xây dựng chiến lược đấu tranh đòi hỏi phải xem xét nhiều câu hỏi và nhiệm vụ khác nhau. Ở đây, chúng ta sẽ nêu ra một số yếu tố quan trọng cần cân nhắc, cả ở cấp độ chiến lược tổng thể lẫn chiến lược chiến dịch. Tuy nhiên, mọi quá trình hoạch định chiến lược đều cần dựa trên sự hiểu biết sâu sắc về toàn bộ bối cảnh xung đột. Điều này bao gồm việc xem xét các yếu tố như: điều kiện thực tế, bối cảnh lịch sử, hệ thống chính quyền, quân sự, văn hóa, xã hội, chính trị, tâm lý, kinh tế và cả yếu tố quốc tế. Nói cách khác, chiến lược chỉ có thể được xây dựng hiệu quả khi đặt trong bối cảnh cụ thể của cuộc đấu tranh và những điều kiện nền tảng của nó.

Điều quan trọng hàng đầu là các lãnh đạo dân chủ và những người hoạch định chiến lược phải đánh giá rõ mục tiêu và ý nghĩa của cuộc đấu tranh. Mục tiêu đó có xứng đáng để tiến hành một cuộc đấu tranh lớn hay không, và vì sao? Cần xác định thật rõ mục tiêu thực sự của cuộc đấu tranh. Như đã lập luận, việc lật đổ chế độ độc tài hoặc loại bỏ những người cầm quyền hiện tại thôi là chưa đủ. Mục

tiêu cuối cùng phải là xây dựng một xã hội tự do, với một hệ thống chính quyền dân chủ. Sự rõ ràng về mục tiêu này sẽ định hình cách xây dựng chiến lược tổng thể, cũng như các chiến lược cụ thể tiếp theo.

Cụ thể, những người làm chiến lược cần trả lời nhiều câu hỏi nền tảng như sau:

- Những trở ngại chính đối với việc giành tự do là gì?
- Những yếu tố nào có thể giúp thúc đẩy việc đạt được tự do?
- Điểm mạnh chủ yếu của chế độ độc tài là gì?
- Những điểm yếu của chế độ độc tài nằm ở đâu?
- Các nguồn sức mạnh của chế độ độc tài dễ bị tổn thương đến mức nào?
- Lực lượng dân chủ và người dân nói chung có những điểm mạnh gì?
- Những điểm yếu của lực lượng dân chủ là gì, và có thể khắc phục ra sao?
- Vai trò của các bên thứ ba (không trực tiếp tham gia xung đột) hiện nay như thế nào? Họ đang hoặc có thể hỗ trợ bên nào — chế độ độc tài hay phong trào dân chủ — và bằng những cách nào?

Việc trả lời rõ ràng những câu hỏi này sẽ giúp xây dựng một chiến lược thực tế và hiệu quả hơn.

### **Lựa chọn phương thức đấu tranh**

Ở cấp độ chiến lược tổng thể, những người hoạch định cần quyết định phương thức đấu tranh chủ yếu sẽ được sử dụng trong giai đoạn tới. Để làm được điều đó, cần đánh giá kỹ ưu điểm và hạn chế của từng lựa chọn khác nhau, chẳng hạn như: chiến tranh quân sự truyền thống, chiến tranh du kích, đấu tranh chính trị bất hợp tác (bất tuân), và các hình thức khác. Việc lựa chọn đúng phương thức sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của toàn bộ chiến lược.

Khi đưa ra lựa chọn này, những người làm chiến lược cần cân nhắc các câu hỏi như:

- Phương thức đấu tranh được chọn có phù hợp với năng lực của lực lượng dân chủ hay không?
- Nó có tận dụng được những điểm mạnh của người dân đang bị áp bức không?
- Phương thức đó nhắm vào điểm yếu của chế độ độc tài, hay lại đụng vào những điểm mạnh nhất của nó?
- Nó giúp lực lượng dân chủ trở nên tự lực hơn, hay khiến họ phụ thuộc vào bên ngoài hoặc các nguồn hỗ trợ khác?
- Trong thực tế, phương thức này đã từng có hiệu quả trong việc lật đổ các chế độ độc tài hay chưa?
- Nó có làm gia tăng hay hạn chế thương vong và thiệt hại trong quá trình đấu tranh?
- Nếu thành công, phương thức này sẽ ảnh hưởng như thế nào đến kiểu chính quyền được hình thành sau đó?

Những hình thức đấu tranh bị đánh giá là phản tác dụng cần phải được loại bỏ khỏi chiến lược tổng thể.

Trong các phần trước, chúng ta đã lập luận rằng đấu tranh chính trị bất hợp tác (bất tuân) có nhiều lợi thế nổi bật so với các phương thức đấu tranh khác.

Tuy nhiên, những người làm chiến lược vẫn cần xem xét kỹ hoàn cảnh cụ thể của cuộc xung đột mà mình đang đối mặt, để đánh giá xem liệu phương thức này có thực sự đáp ứng tốt các tiêu chí đã nêu ở trên hay không.

### **Lập kế hoạch cho dân chủ**

Cần nhớ rằng, trong cuộc đấu tranh chống độc tài, mục tiêu của chiến lược tổng thể không chỉ là lật đổ chế độ hiện tại, mà còn phải xây dựng một hệ thống dân chủ và ngăn chặn khả năng xuất hiện một chế độ độc tài mới.

Để đạt được điều đó, các phương thức đấu tranh được lựa chọn phải góp phần thay đổi sự phân bổ quyền lực thực tế trong xã hội. Dưới chế độ độc tài, người

dân và các tổ chức dân sự thường rất yếu, trong khi chính quyền lại quá mạnh. Nếu không thay đổi sự mất cân bằng này, thì một nhóm cầm quyền mới hoàn toàn có thể trở nên độc tài như nhóm trước.

Vì vậy, những thay đổi kiểu “cách mạng cung đình” hay đảo chính đơn thuần không phải là giải pháp mong muốn.

Đấu tranh chính trị bất hợp tác (bất tuân) góp phần tái phân bổ quyền lực trong xã hội theo hướng cân bằng hơn, thông qua việc huy động người dân đứng lên chống lại chế độ độc tài, như đã phân tích ở Chương Năm. Quá trình này diễn ra trên nhiều phương diện.

Trước hết, khi năng lực đấu tranh bất bạo động được hình thành và phát triển, khả năng đàn áp bằng bạo lực của chính quyền sẽ không còn dễ dàng gây ra sự sợ hãi và phục tùng như trước. Người dân sẽ có trong tay những phương thức hiệu quả để đối phó, thậm chí có lúc có thể làm tê liệt việc thực thi quyền lực của chế độ.

Đồng thời, việc huy động sức mạnh của toàn xã hội thông qua đấu tranh bất hợp tác sẽ củng cố các thiết chế và tổ chức độc lập. Một khi người dân đã từng trực tiếp thực thi quyền lực của mình một cách hiệu quả, trải nghiệm đó sẽ khó bị xóa nhòa. Những kiến thức và kỹ năng tích lũy được trong quá trình đấu tranh sẽ khiến họ ít có khả năng bị khuất phục trước các thế lực độc tài trong tương lai. Sự chuyển dịch trong tương quan quyền lực như vậy sẽ tạo nền tảng vững chắc hơn cho việc hình thành và duy trì một nền dân chủ bền vững.

### **Hỗ trợ từ bên ngoài**

Trong quá trình xây dựng chiến lược tổng thể, cần đánh giá rõ vai trò tương đối giữa lực lượng đấu tranh trong nước và áp lực từ bên ngoài trong việc làm suy yếu và tan rã chế độ độc tài. Ở đây, chúng ta nhấn mạnh rằng lực lượng chính của cuộc đấu tranh phải xuất phát từ bên trong đất nước. Sự hỗ trợ từ quốc tế,

nếu có, thường chỉ đóng vai trò hỗ trợ và phần lớn được thúc đẩy bởi chính sức mạnh của phong trào trong nước.

Ở mức độ hỗ trợ bổ sung, có thể tiến hành vận động dư luận quốc tế chống lại chế độ độc tài, dựa trên các lý do nhân đạo, đạo đức và tôn giáo. Đồng thời, có thể thúc đẩy các chính phủ và tổ chức quốc tế áp đặt những biện pháp gây sức ép về ngoại giao, chính trị và kinh tế đối với chế độ này. Các biện pháp đó có thể bao gồm: cấm vận vũ khí và kinh tế, hạ thấp mức độ công nhận ngoại giao hoặc cắt đứt quan hệ, ngừng viện trợ và cấm đầu tư vào quốc gia dưới chế độ độc tài, cũng như loại bỏ chính quyền đó khỏi các tổ chức quốc tế và các cơ quan của Liên Hợp Quốc. Ngoài ra, cộng đồng quốc tế cũng có thể hỗ trợ trực tiếp cho lực lượng dân chủ, chẳng hạn như cung cấp tài chính hoặc hỗ trợ về truyền thông và liên lạc.

### **Xây dựng chiến lược tổng thể**

Sau khi đã đánh giá tình hình, lựa chọn phương thức đấu tranh và xác định vai trò của sự hỗ trợ từ bên ngoài, những người hoạch định cần phác thảo một bức tranh tổng thể về cách tiến hành cuộc đấu tranh một cách hiệu quả nhất.

Kế hoạch này phải bao quát toàn bộ tiến trình, từ hiện tại cho đến khi giành được tự do và thiết lập một hệ thống dân chủ.

Trong quá trình xây dựng chiến lược tổng thể, người lập chiến lược cần đặt ra và trả lời nhiều câu hỏi khác nhau. Những câu hỏi này (cụ thể hơn so với phần trước) sẽ giúp làm rõ các yếu tố cần cân nhắc khi thiết kế một chiến lược đấu tranh dựa trên bất hợp tác chính trị.

Cuộc đấu tranh lâu dài nên được khởi động như thế nào để đạt hiệu quả cao nhất? Làm sao để người dân đang bị áp bức có thể xây dựng đủ sự tự tin và sức mạnh để bắt đầu thách thức chế độ, dù ban đầu chỉ ở mức hạn chế? Bằng cách nào có thể từng bước nâng cao năng lực bất hợp tác và phản kháng của người dân, thông qua thời gian và kinh nghiệm tích lũy? Có thể xác định những mục

tiêu nào cho một chuỗi các chiến dịch từng bước, nhằm dần giành lại quyền kiểm soát dân chủ đối với xã hội và thu hẹp quyền lực của chế độ độc tài?

Có những thiết chế hay tổ chức độc lập nào vẫn còn tồn tại dưới chế độ độc tài mà có thể tận dụng cho cuộc đấu tranh giành tự do? Những tổ chức nào trong xã hội có thể được giành lại khỏi sự kiểm soát của chế độ, hoặc cần được lực lượng dân chủ xây dựng mới, để đáp ứng nhu cầu của mình và từng bước tạo ra các “không gian dân chủ” ngay cả khi chế độ độc tài vẫn còn tồn tại?

Làm thế nào để xây dựng và củng cố sức mạnh tổ chức của phong trào đấu tranh? Có thể đào tạo, huấn luyện những người tham gia bằng cách nào? Những nguồn lực nào (tài chính, trang thiết bị, v.v.) sẽ cần thiết trong suốt quá trình đấu tranh? Những hình thức biểu tượng nào có thể phát huy hiệu quả cao nhất trong việc huy động và khích lệ người dân tham gia?

Bằng những hình thức hành động nào, và theo những giai đoạn ra sao, có thể từng bước làm suy yếu rồi cắt đứt các nguồn sức mạnh của chế độ độc tài? Làm thế nào để lực lượng đấu tranh vừa duy trì sự phản kháng bền bỉ, vừa giữ được kỷ luật bất bạo động cần thiết? Trong suốt quá trình đấu tranh, xã hội có thể tiếp tục đáp ứng các nhu cầu thiết yếu của người dân bằng cách nào? Làm sao để duy trì trật tự xã hội trong bối cảnh xung đột? Khi tiến gần đến thắng lợi, phong trào dân chủ có thể tiếp tục xây dựng nền tảng thể chế cho giai đoạn hậu độc tài như thế nào, nhằm bảo đảm quá trình chuyển tiếp diễn ra suôn sẻ nhất?

Cần ghi nhớ rằng không có một “bản mẫu” chung nào có thể áp dụng cho mọi phong trào đấu tranh chống độc tài. Mỗi cuộc đấu tranh nhằm lật đổ một chế độ độc tài và xây dựng dân chủ đều có những đặc điểm riêng. Không có hai hoàn cảnh nào hoàn toàn giống nhau. Mỗi chế độ độc tài đều có những đặc trưng riêng, và năng lực của người dân khao khát tự do cũng khác nhau. Vì vậy, những người xây dựng chiến lược tổng thể cho một cuộc đấu tranh bất hợp tác chính trị cần có sự hiểu biết sâu sắc không chỉ về hoàn cảnh xung đột cụ thể của mình, mà còn về chính phương thức đấu tranh mà họ lựa chọn.<sup>[13]</sup>

Khi chiến lược tổng thể đã được xây dựng một cách cẩn trọng, có nhiều lý do hợp lý để công bố rộng rãi. Khi đông đảo người dân hiểu được định hướng chung cũng như những hướng dẫn cụ thể, họ sẽ sẵn sàng và có khả năng tham gia hành động hơn. Sự hiểu biết này có thể tác động tích cực đến tinh thần, mức độ tham gia và cách hành động đúng đắn của họ. Trên thực tế, những nét chính của chiến lược sớm muộn cũng sẽ đến tai phía chính quyền. Khi đó, việc họ nhận thức rõ đặc điểm của chiến lược có thể khiến họ dè dặt hơn trong việc đàn áp, vì lo ngại điều đó sẽ gây phản tác dụng về mặt chính trị. Ngoài ra, việc hiểu rõ bản chất của chiến lược cũng có thể làm nảy sinh bất đồng nội bộ và dẫn đến sự rạn nứt, thậm chí đào ngũ trong chính hàng ngũ của chế độ.

Khi một chiến lược tổng thể nhằm lật đổ chế độ độc tài và xây dựng dân chủ đã được thông qua, điều quan trọng là các lực lượng dân chủ phải kiên định và nhất quán trong việc triển khai. Chỉ trong những trường hợp thật sự đặc biệt, cuộc đấu tranh mới nên đi chệch khỏi định hướng ban đầu. Nếu có những bằng chứng rõ ràng cho thấy chiến lược đã lựa chọn là sai lầm, hoặc bối cảnh đã thay đổi một cách căn bản, khi đó mới cần cân nhắc điều chỉnh. Tuy vậy, mọi sự thay đổi chỉ nên được tiến hành sau khi đã có một quá trình đánh giá lại toàn diện, và trên cơ sở xây dựng, thông qua một chiến lược tổng thể mới phù hợp và vững chắc hơn.

### **Hoạch định chiến lược chiến dịch**

Dù chiến lược tổng thể có sáng suốt và đầy triển vọng đến đâu trong việc chấm dứt chế độ độc tài và xây dựng dân chủ, thì bản thân nó cũng không thể tự vận hành.

Cần phải xây dựng các chiến lược cho từng chiến dịch cụ thể để định hướng cho những đợt hành động lớn, nhằm từng bước làm suy yếu quyền lực của chế độ. Mỗi chiến lược cho từng chiến dịch, đến lượt mình, sẽ bao gồm và điều phối nhiều hoạt động chiến thuật khác nhau, với mục tiêu tạo ra những đòn đánh mang tính quyết định vào bộ máy cầm quyền.

Các chiến thuật và phương thức hành động cụ thể cần được lựa chọn một cách cẩn trọng, sao cho phục vụ trực tiếp cho mục tiêu của từng chiến lược chiến dịch. Phần trình bày này chỉ tập trung vào cấp độ chiến lược.

Những người xây dựng các chiến dịch lớn, cũng như những người hoạch định chiến lược tổng thể, cần có sự hiểu biết sâu sắc về bản chất và cách vận hành của phương thức đấu tranh mà họ lựa chọn.

Cũng giống như các sĩ quan quân sự phải nắm rõ cơ cấu lực lượng, chiến thuật, hậu cần, vũ khí và yếu tố địa lý để xây dựng chiến lược quân sự, thì những người lập kế hoạch đấu tranh bất hợp tác cũng cần hiểu rõ bản chất và các nguyên tắc chiến lược của đấu tranh bất bạo động.

Tuy nhiên, chỉ riêng kiến thức về đấu tranh bất bạo động, việc tham khảo các khuyến nghị trong tài liệu này hay trả lời các câu hỏi đã nêu vẫn chưa đủ để tạo ra chiến lược hiệu quả. Việc xây dựng chiến lược vẫn đòi hỏi một sự sáng tạo có cơ sở — tức là sáng tạo nhưng dựa trên hiểu biết vững chắc.

Trong quá trình xây dựng chiến lược cho các chiến dịch đấu tranh chọn lọc, cũng như cho sự phát triển lâu dài của phong trào giải phóng, những người làm chiến lược cần cân nhắc nhiều vấn đề quan trọng, trong đó có:

(i) Xác định rõ mục tiêu cụ thể của từng chiến dịch, đồng thời làm rõ cách những mục tiêu này đóng góp vào việc thực hiện chiến lược tổng thể.

(ii) Lựa chọn các phương thức phù hợp — hay “công cụ chính trị” — có khả năng triển khai hiệu quả chiến lược đã đề ra. Trong mỗi kế hoạch chiến dịch, cần thiết kế các bước đi chiến thuật cụ thể và các hình thức hành động phù hợp, nhằm từng bước tạo sức ép và làm suy yếu các nguồn sức mạnh của chế độ độc tài. Cần ghi nhớ rằng những mục tiêu lớn không đạt được trong một bước duy nhất, mà là kết quả của nhiều bước đi nhỏ, được tính toán kỹ lưỡng và thực hiện một cách nhất quán.

(iii) Xác định rõ liệu và bằng cách nào các vấn đề kinh tế nên được gắn với cuộc đấu tranh — vốn mang tính chính trị là chủ yếu. Nếu yếu tố kinh tế được đặt lên hàng đầu, cần bảo đảm rằng những bất mãn này có thể thực sự được giải quyết sau khi chế độ độc tài chấm dứt. Nếu không, sự thất vọng và mất niềm tin trong giai đoạn chuyển tiếp có thể tạo điều kiện cho các lực lượng độc tài quay trở lại, dưới danh nghĩa giải quyết khó khăn kinh tế.

(iv) Lựa chọn trước một cơ cấu lãnh đạo và hệ thống liên lạc phù hợp để khởi động và duy trì phong trào. Đồng thời, cần xác định rõ các cơ chế ra quyết định và truyền đạt thông tin trong suốt quá trình đấu tranh, nhằm bảo đảm sự chỉ đạo liên tục và hiệu quả.

(v) Truyền tải thông tin về phong trào tới người dân, lực lượng của chế độ và truyền thông quốc tế một cách chính xác và đáng tin cậy. Mọi thông tin, tuyên bố đều phải dựa trên sự thật; việc phóng đại hoặc đưa tin thiếu căn cứ sẽ làm suy giảm uy tín của phong trào.

(vi) Lập kế hoạch cho các hoạt động mang tính xây dựng và tự lực — trong các lĩnh vực xã hội, giáo dục, kinh tế và chính trị — nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người dân trong suốt quá trình xung đột. Những hoạt động này có thể do các cá nhân hoặc nhóm không trực tiếp tham gia đấu tranh đảm nhiệm.

(vii) Xác định rõ loại hình hỗ trợ từ bên ngoài cần thiết cho từng chiến dịch cụ thể cũng như cho toàn bộ cuộc đấu tranh. Đồng thời, cần tìm cách huy động và sử dụng nguồn hỗ trợ này một cách hiệu quả, nhưng không để phong trào trong nước phụ thuộc vào những yếu tố bên ngoài vốn không ổn định. Cũng cần cân nhắc kỹ những đối tác phù hợp nhất, như các tổ chức phi chính phủ (phong trào xã hội, tổ chức tôn giáo hoặc chính trị, công đoàn...), các chính phủ, hoặc Liên Hợp Quốc và các cơ quan trực thuộc.

Ngoài ra, những người lập kế hoạch đấu tranh cần chủ động chuẩn bị các biện pháp để duy trì trật tự và đáp ứng các nhu cầu xã hội bằng chính nguồn lực của mình trong quá trình phản kháng quy mô lớn chống lại sự kiểm soát của chế độ

độc tài. Điều này không chỉ giúp hình thành các thiết chế dân chủ độc lập thay thế và đáp ứng những nhu cầu thực tế của người dân, mà còn làm suy giảm tính thuyết phục của những lập luận từ phía chính quyền rằng cần phải đàn áp mạnh tay để ngăn chặn hỗn loạn và vô pháp.

### **Lan tỏa tư tưởng bất hợp tác**

Để đấu tranh bất hợp tác chính trị chống lại chế độ độc tài đạt hiệu quả, điều then chốt là người dân phải thấu hiểu và nắm vững tinh thần của bất hợp tác.

Như câu chuyện “Ông chủ bày khi” (Chương 3) đã minh họa, nguyên lý cốt lõi rất giản dị: khi đủ đông những người bị kiểm soát đồng loạt từ chối hợp tác trong một khoảng thời gian đủ dài — ngay cả khi phải đối mặt với đàn áp — thì hệ thống áp bức sẽ dần suy yếu và cuối cùng sụp đổ.

Người dân sống dưới chế độ độc tài có thể đã phần nào quen thuộc với ý tưởng này từ nhiều nguồn khác nhau. Tuy vậy, lực lượng dân chủ vẫn cần chủ động phổ biến và làm cho tư tưởng bất hợp tác trở nên dễ hiểu, gần gũi với đông đảo quần chúng. Những câu chuyện như “Ông chủ bày khi”, hoặc các câu chuyện tương tự, có thể được lan truyền rộng rãi trong xã hội, bởi chúng đơn giản và dễ tiếp nhận. Khi nắm được nguyên lý chung của bất hợp tác, người dân sẽ dễ dàng hiểu ý nghĩa của các lời kêu gọi hành động trong tương lai. Không chỉ vậy, họ còn có thể tự mình linh hoạt sáng tạo ra nhiều hình thức bất hợp tác cụ thể, phù hợp với từng hoàn cảnh mới.

Dù phải đối mặt với nhiều khó khăn và nguy hiểm trong việc truyền tải ý tưởng, thông tin và hướng dẫn đấu tranh dưới chế độ độc tài, các lực lượng dân chủ vẫn nhiều lần chứng minh rằng điều đó là khả thi. Ngay cả dưới các chế độ như Đức Quốc xã hay các chính quyền cộng sản, những người đấu tranh vẫn có thể liên lạc không chỉ với từng cá nhân mà còn với đông đảo công chúng. Họ làm được điều này thông qua việc sản xuất và phân phát các ấn phẩm bí mật như báo, tờ rơi, sách, và về sau là cả băng ghi âm, băng hình.

Nhờ có sự chuẩn bị chiến lược từ trước, chúng ta có thể xây dựng và phổ biến những hướng dẫn chung cho hoạt động đấu tranh. Những hướng dẫn này sẽ chỉ rõ trong những vấn đề và hoàn cảnh nào người dân nên lên tiếng phản đối và từ chối hợp tác, cũng như cách thức thực hiện. Nhờ đó, ngay cả khi kênh liên lạc với lãnh đạo phong trào bị cắt đứt, hoặc không có chỉ đạo cụ thể được gửi đi hay nhận được, người dân vẫn biết cách hành động trong những tình huống quan trọng. Đồng thời, các hướng dẫn này còn giúp nhận diện những “chỉ thị giả” do lực lượng an ninh tung ra nhằm kích động những hành động sai lệch, làm tổn hại uy tín của phong trào.

### **Đàn áp và biện pháp đối phó**

Những người làm chiến lược cần đánh giá trước phản ứng của chế độ độc tài đối với các hoạt động đấu tranh — đặc biệt là mức độ bạo lực mà họ có thể sử dụng để đàn áp. Trên cơ sở đó, cần xác định cách thức để chịu đựng, hóa giải hoặc né tránh sự đàn áp gia tăng mà không rơi vào khuất phục. Ở cấp độ chiến thuật, trong những thời điểm cụ thể, cần đưa ra cảnh báo phù hợp cho người dân và những người tham gia, để họ hiểu rõ các rủi ro khi hành động. Nếu khả năng đàn áp nghiêm trọng là cao, cần chuẩn bị sẵn các phương án hỗ trợ y tế cho những người bị thương trong quá trình đấu tranh.

Khi dự đoán trước khả năng bị đàn áp, những người làm chiến lược cần cân nhắc từ sớm việc lựa chọn các chiến thuật và phương thức hành động vừa giúp đạt được mục tiêu của chiến dịch hoặc của toàn bộ cuộc đấu tranh, vừa làm giảm khả năng xảy ra đàn áp tàn bạo. Chẳng hạn, các cuộc biểu tình hay diễu hành trên đường phố dưới những chế độ độc tài khắc nghiệt có thể gây ấn tượng mạnh, nhưng cũng có nguy cơ khiến hàng nghìn người thiệt mạng. Cái giá quá lớn này chưa chắc đã tạo ra áp lực hiệu quả hơn lên chính quyền so với những hình thức khác — như việc ở nhà hàng loạt, đình công, hoặc các hành động bất hợp tác quy mô lớn của đội ngũ công chức.

Nếu có đề xuất tiến hành những hành động mang tính khiêu khích, có nguy cơ gây thương vong lớn nhằm phục vụ mục tiêu chiến lược, thì cần cân nhắc hết

sức thận trọng giữa cái giá phải trả và lợi ích có thể đạt được.

Liệu người dân và những người tham gia có đủ khả năng duy trì kỷ luật bất bạo động trong suốt quá trình đấu tranh? Họ có thể kiềm chế trước những hành vi kích động bạo lực hay không?

Những người lập kế hoạch cần chuẩn bị các biện pháp cụ thể để giữ vững kỷ luật bất bạo động và duy trì phong trào ngay cả khi phải đối mặt với đàn áp khắc nghiệt. Chẳng hạn như: xây dựng cam kết chung, ban hành các tuyên bố nguyên tắc, phổ biến tài liệu hướng dẫn về kỷ luật, bố trí lực lượng điều phối trong các cuộc biểu tình, hoặc tẩy chay những cá nhân và nhóm cổ vũ bạo lực — tất cả đều cần được xem xét về tính khả thi và hiệu quả.

Đồng thời, lãnh đạo phong trào phải luôn cảnh giác với sự hiện diện của các tác nhân khiêu khích, những người được cài vào nhằm kích động người biểu tình chuyển sang bạo lực, qua đó làm suy yếu và gây tổn hại đến phong trào.

### **Kiên định với kế hoạch chiến lược**

Khi đã xây dựng được một kế hoạch chiến lược vững chắc, lực lượng dân chủ cần giữ sự tập trung và không bị cuốn theo những động thái nhỏ từ phía chế độ — dù có tính khiêu khích — khiến phong trào lệch khỏi chiến lược tổng thể hoặc chiến lược của từng chiến dịch, rồi sa vào những vấn đề thứ yếu.

Đồng thời, cũng không nên để cảm xúc nhất thời — đặc biệt khi đối mặt với các hành vi đàn áp mới — làm chệch hướng cuộc đấu tranh. Thực tế, những hành động đàn áp đó có thể được tính toán nhằm kích động lực lượng dân chủ từ bỏ kế hoạch đã chuẩn bị kỹ lưỡng, thậm chí bị đẩy vào con đường bạo lực, qua đó tạo điều kiện để chế độ dễ dàng đàn áp và đánh bại phong trào hơn.

Miễn là những phân tích nền tảng vẫn được đánh giá là đúng đắn, nhiệm vụ của lực lượng dân chủ là kiên trì tiến lên từng bước một.

Dĩ nhiên, các chiến thuật và mục tiêu trung gian có thể được điều chỉnh, và những người lãnh đạo tốt luôn biết tận dụng cơ hội khi xuất hiện. Tuy nhiên, những điều chỉnh này không nên bị nhầm lẫn với mục tiêu của chiến lược tổng thể hay mục tiêu của từng chiến dịch cụ thể.

Việc triển khai một cách nhất quán và cẩn trọng chiến lược tổng thể đã lựa chọn, cùng với các chiến lược cho từng chiến dịch, sẽ đóng vai trò quyết định trong việc dẫn đến thành công.

## **Chương 8: Áp dụng đấu tranh bất hợp tác chính trị**

Trong những hoàn cảnh mà người dân cảm thấy bất lực và sợ hãi, các hoạt động ban đầu nên là những hành động có rủi ro thấp, giúp xây dựng sự tự tin. Những hành động như vậy — chẳng hạn thay đổi cách ăn mặc theo một kiểu khác thường — có thể là cách công khai bày tỏ sự bất đồng, đồng thời tạo cơ hội để người dân tham gia vào các hành động phản kháng một cách thiết thực. Trong một số trường hợp, có thể chọn những vấn đề tưởng như nhỏ và không mang tính chính trị rõ rệt (ví dụ như đảm bảo nguồn nước sạch an toàn) làm trọng tâm cho hành động tập thể. Những vấn đề này nên là những điều mà đa số người dân đều thấy chính đáng và khó bị bác bỏ. Thành công trong những chiến dịch nhỏ như vậy không chỉ giúp giải quyết các bức xúc cụ thể, mà còn giúp người dân nhận ra rằng họ thực sự có sức mạnh và khả năng tạo ra thay đổi.

Phần lớn các chiến lược cho từng chiến dịch trong cuộc đấu tranh lâu dài không nên đặt mục tiêu lật đổ ngay lập tức toàn bộ chế độ độc tài, mà nên hướng tới việc đạt được những mục tiêu cụ thể, có giới hạn, theo từng bước. Đồng thời, không phải mọi chiến dịch đều đòi hỏi sự tham gia của tất cả các tầng lớp trong xã hội. Khi thiết kế một chuỗi các chiến dịch nhằm triển khai chiến lược tổng thể, những người làm chiến lược cần cân nhắc rõ sự khác biệt giữa các giai đoạn: giai đoạn khởi đầu, giai đoạn phát triển và giai đoạn tiến gần đến thắng lợi của cuộc đấu tranh.

### **Kháng cự có chọn lọc**

Trong giai đoạn đầu của cuộc đấu tranh, việc triển khai các chiến dịch riêng lẻ với những mục tiêu cụ thể khác nhau có thể rất hiệu quả. Những chiến dịch này có thể diễn ra nối tiếp nhau, và đôi khi có thể chồng lấn một phần về thời gian.

Khi xây dựng chiến lược “kháng cự có chọn lọc”, cần xác định những vấn đề hoặc bất mãn cụ thể, mang tính giới hạn nhưng có khả năng phản ánh tình trạng áp bức chung của chế độ độc tài. Những vấn đề này sẽ trở thành mục tiêu phù

hợp để triển khai các chiến dịch, nhằm đạt được các mục tiêu trung gian trong khuôn khổ chiến lược tổng thể.

Những mục tiêu chiến lược trung gian này cần tương xứng với năng lực hiện tại hoặc dự kiến của lực lượng dân chủ. Điều đó giúp tạo ra một chuỗi thắng lợi từng bước, vừa củng cố tinh thần, vừa góp phần làm dịch chuyển tương quan quyền lực theo hướng có lợi cho cuộc đấu tranh lâu dài.

Chiến lược kháng cự có chọn lọc nên tập trung vào những vấn đề cụ thể thuộc lĩnh vực xã hội, kinh tế hoặc chính trị. Các vấn đề này có thể được lựa chọn nhằm giữ một số lĩnh vực nằm ngoài sự kiểm soát của chế độ, giành lại những lĩnh vực đang bị chi phối, hoặc ngăn cản chế độ đạt được những mục tiêu nhất định. Nếu có thể, các chiến dịch cũng nên nhắm trực tiếp vào một hoặc nhiều điểm yếu của chế độ, như đã phân tích trước đó. Nhờ vậy, lực lượng dân chủ có thể tận dụng tối đa nguồn lực sẵn có để tạo ra tác động lớn nhất.

Ngay từ giai đoạn đầu, những người làm chiến lược cần chuẩn bị kế hoạch ít nhất cho chiến dịch đầu tiên: mục tiêu cụ thể là gì, và chiến dịch đó sẽ đóng góp ra sao vào việc thực hiện chiến lược tổng thể. Nếu điều kiện cho phép, cũng nên phác thảo định hướng cho chiến dịch thứ hai, thậm chí thứ ba. Tất cả các chiến lược này cần bám sát và phục vụ chiến lược tổng thể đã lựa chọn, đồng thời vận hành nhất quán trong khuôn khổ định hướng chung của nó.

### **Thách thức mang tính biểu tượng**

Ở giai đoạn khởi đầu của một chiến dịch nhằm làm suy yếu chế độ độc tài, những hành động mang tính chính trị đầu tiên nên được giới hạn về quy mô. Một phần, chúng nhằm thăm dò và tác động đến tâm lý của người dân, đồng thời chuẩn bị cho họ bước vào các hình thức đấu tranh tiếp theo thông qua bất hợp tác và phản kháng chính trị.

Những hành động ban đầu thường mang tính biểu tượng — có thể là một hình thức phản đối, hoặc một hành vi bất hợp tác tạm thời và có giới hạn. Nếu số

người sẵn sàng tham gia còn ít, hành động có thể đơn giản như đặt hoa tại một địa điểm mang ý nghĩa biểu tượng. Ngược lại, nếu có đông người tham gia, có thể tổ chức việc ngừng mọi hoạt động trong vài phút, hoặc dành một khoảng thời gian im lặng tập thể.

Trong những trường hợp khác, một số cá nhân có thể thực hiện tuyệt thực, canh thức tại địa điểm biểu tượng, tẩy chay lớp học trong thời gian ngắn, hoặc tổ chức ngồi lì tạm thời tại một cơ quan quan trọng. Tuy nhiên, dưới chế độ độc tài, ngay cả những hành động có vẻ hạn chế như vậy cũng có thể bị đáp trả bằng sự đàn áp nghiêm khắc.

Một số hành động mang tính biểu tượng — chẳng hạn như chiếm giữ khu vực trước dinh thự của nhà cầm quyền hoặc trụ sở lực lượng an ninh — tiềm ẩn rủi ro rất cao, vì vậy không phù hợp để khởi đầu một chiến dịch.

Thực tế cho thấy, những hành động biểu tượng ban đầu đôi khi có thể thu hút sự chú ý lớn trong nước và quốc tế — như các cuộc biểu tình quy mô lớn ở Myanmar năm 1988 hay cuộc chiếm giữ và tuyệt thực của sinh viên tại Quảng trường Thiên An Môn ở Bắc Kinh năm 1989. Tuy nhiên, những tổn thất nặng nề trong cả hai trường hợp này là lời cảnh báo rõ ràng về sự thận trọng cần có khi xây dựng chiến lược. Dù tạo ra tác động mạnh về mặt đạo đức và tâm lý, những hành động này tự thân thường không đủ để làm sụp đổ chế độ, bởi chúng vẫn mang tính biểu tượng và chưa làm thay đổi tương quan quyền lực thực tế.

Trong giai đoạn đầu của cuộc đấu tranh, việc nhanh chóng và hoàn toàn cắt đứt các nguồn sức mạnh của chế độ hầu như là không khả thi. Điều đó đòi hỏi gần như toàn bộ dân chúng và các thiết chế xã hội — vốn trước đó phần lớn còn phục tùng — phải đồng loạt từ chối hợp tác và công khai thách thức chính quyền một cách mạnh mẽ, điều rất khó đạt được trong thực tế.

Vì vậy, một chiến lược “đánh nhanh” với quy mô bất hợp tác và phản kháng toàn diện ngay từ đầu thường là không thực tế đối với giai đoạn khởi đầu của cuộc đấu tranh chống độc tài.

## **Phân bổ trách nhiệm đấu tranh**

Trong một chiến dịch kháng cự có chọn lọc, gánh nặng đấu tranh thường trong một thời gian sẽ do một hoặc một số nhóm trong xã hội đảm nhận. Ở các chiến dịch tiếp theo, với mục tiêu khác, trọng tâm này sẽ được chuyển dần sang những nhóm khác.

Chẳng hạn, sinh viên có thể tổ chức đình công xoay quanh các vấn đề giáo dục; các lãnh đạo tôn giáo và tín đồ có thể tập trung vào quyền tự do tín ngưỡng; công nhân đường sắt có thể tuân thủ nghiêm ngặt quy định an toàn để làm chậm hệ thống vận tải; nhà báo có thể thách thức kiểm duyệt bằng cách xuất bản những trang báo để trống ở phần bị cấm; hoặc lực lượng cảnh sát có thể nhiều lần “không tìm thấy” hay không bắt giữ các thành viên của phong trào dân chủ.

Việc triển khai các chiến dịch theo từng vấn đề và từng nhóm xã hội như vậy giúp phân bổ áp lực đấu tranh một cách hợp lý: một số bộ phận có thể tạm nghỉ để phục hồi, trong khi phong trào chung vẫn được duy trì liên tục.

Kháng cự có chọn lọc đặc biệt quan trọng trong việc bảo vệ sự tồn tại và tính tự chủ của các tổ chức xã hội, kinh tế và chính trị nằm ngoài sự kiểm soát của chế độ độc tài — những “trung tâm quyền lực” đã được đề cập trước đó. Chính các thiết chế này là nền tảng để người dân gây sức ép hoặc chống lại sự kiểm soát của chế độ, và vì vậy, chúng thường là những mục tiêu bị chính quyền nhắm tới từ rất sớm.

## **Nhắm vào nguồn sức mạnh của chế độ**

Khi cuộc đấu tranh lâu dài vượt qua giai đoạn khởi đầu và tiến vào những giai đoạn cao hơn, tham vọng hơn, những người làm chiến lược cần tính toán cách tiếp tục thu hẹp và làm suy yếu các nguồn sức mạnh của chế độ độc tài.

Mục tiêu là tận dụng sức mạnh bất hợp tác của quần chúng để tạo ra một thế trận mới, ngày càng có lợi cho lực lượng dân chủ.

Khi phong trào dần lớn mạnh, các nhà chiến lược có thể triển khai những hình thức bất hợp tác và phản kháng ở mức độ cao hơn, nhằm từng bước cắt đứt các nguồn sức mạnh của chế độ. Quá trình này hướng tới việc làm tê liệt hệ thống chính trị ngày càng sâu rộng, và cuối cùng dẫn đến sự tan rã của chính chế độ độc tài.

Cần tính toán kỹ lưỡng các cách thức mà lực lượng dân chủ có thể thực hiện để làm suy giảm sự ủng hộ mà các cá nhân và nhóm trước đây dành cho chế độ độc tài. Sự ủng hộ đó có thể bị lung lay khi những hành vi tàn bạo của chế độ bị phơi bày, khi hậu quả kinh tế từ các chính sách sai lầm được làm rõ, hoặc khi ngày càng nhiều người nhận ra rằng chế độ độc tài hoàn toàn có thể bị chấm dứt.

Trước hết, cần hướng tới việc khiến những người đang ủng hộ chế độ trở nên trung lập — không còn tích cực tiếp tay. Xa hơn, có thể từng bước vận động để họ chuyển sang ủng hộ phong trào dân chủ.

Trong quá trình xây dựng và triển khai đấu tranh bất hợp tác, cần đặc biệt chú ý đến các trụ cột của chế độ: nhóm lãnh đạo cốt lõi, đảng cầm quyền, lực lượng công an, bộ máy hành chính — và nhất là quân đội.

Mức độ trung thành của quân đội, từ binh sĩ đến sĩ quan, cần được đánh giá một cách thận trọng. Đồng thời, cần xem xét khả năng họ có thể bị tác động hay không. Có thể nhiều binh sĩ chỉ là những người bị ép buộc nhập ngũ, mang tâm lý lo lắng hoặc bất mãn. Một số khác — kể cả sĩ quan — có thể đã xa rời chế độ vì những lý do cá nhân, gia đình hoặc chính trị.

Việc nhận diện những yếu tố khiến binh sĩ và sĩ quan trở nên dễ bị tác động sẽ giúp lực lượng dân chủ tìm ra cách tiếp cận phù hợp, qua đó từng bước làm suy yếu một trong những trụ cột quan trọng nhất của chế độ.

Ngay từ giai đoạn đầu của cuộc đấu tranh giải phóng, cần xây dựng một chiến lược riêng nhằm tiếp cận và giao tiếp với binh lính cùng đội ngũ nhân sự trong bộ

máy của chế độ.

Thông qua lời nói, biểu tượng và hành động, lực lượng dân chủ có thể truyền đi thông điệp rằng cuộc đấu tranh này sẽ kiên định, bền bỉ và quyết liệt. Đồng thời, cần giúp họ hiểu rõ rằng đây là một hình thức đấu tranh đặc thù — nhằm làm suy yếu chế độ, chứ không nhằm đe dọa tính mạng của họ.

Những nỗ lực này hướng tới việc từng bước làm suy giảm tinh thần của lực lượng này, và cuối cùng làm lung lay lòng trung thành và sự tuân phục của họ đối với chế độ, qua đó chuyển dịch sự ủng hộ về phía phong trào dân chủ. Các chiến lược tương tự cũng có thể được áp dụng đối với lực lượng công an và đội ngũ công chức.

Việc tìm cách tạo thiện cảm và từng bước khuyến khích sự bất tuân trong lực lượng của chế độ không nên bị hiểu nhầm là kêu gọi quân đội nhanh chóng chấm dứt chế độ độc tài bằng hành động quân sự. Một kịch bản như vậy khó có thể dẫn đến một nền dân chủ vận hành thực chất, bởi (như đã phân tích) đảo chính không giải quyết được sự mất cân bằng quyền lực giữa người dân và giới cầm quyền. Vì vậy, cần giúp những sĩ quan có thiện cảm hiểu rằng cả đảo chính quân sự lẫn nội chiến đều không phải là con đường cần thiết hay mong muốn.

Những sĩ quan có thiện cảm có thể đóng vai trò quan trọng trong cuộc đấu tranh dân chủ, chẳng hạn như lan tỏa tâm lý bất mãn và tinh thần bất hợp tác trong quân đội, khuyến khích sự trì hoãn có chủ ý hoặc âm thầm không tuân lệnh, và ủng hộ việc từ chối tham gia đàn áp. Ngoài ra, lực lượng quân đội cũng có thể hỗ trợ phong trào dân chủ bằng các hình thức bất bạo động tích cực như tạo điều kiện đi lại an toàn, cung cấp thông tin, lương thực, vật tư y tế, v.v.

Quân đội là một trong những nguồn sức mạnh then chốt của chế độ độc tài, bởi họ có khả năng sử dụng lực lượng vũ trang có tổ chức để trấn áp và trừng phạt người dân. **Vi vậy, cần nhận thức rõ rằng sẽ vô cùng khó khăn — thậm chí là không thể — làm tan rã chế độ nếu công an, bộ máy hành chính và quân đội vẫn hoàn toàn trung thành và tuân lệnh.** Do đó, các chiến lược nhằm làm

lung lay lòng trung thành của những lực lượng này cần được đặt ở vị trí ưu tiên hàng đầu trong hoạch định của phong trào dân chủ.

Lực lượng dân chủ cần ghi nhớ rằng sự bất mãn và bất tuân trong hàng ngũ quân đội và công an có thể rất nguy hiểm đối với chính những người trong các lực lượng này. Họ có thể phải đối mặt với các hình phạt nghiêm khắc nếu không tuân lệnh, thậm chí bị xử tử nếu bị coi là nổi loạn. Vì vậy, không nên kêu gọi binh sĩ hay sĩ quan lập tức nổi dậy. Thay vào đó, khi có thể giao tiếp, cần làm rõ rằng có nhiều hình thức “bất tuân ngầm” tương đối an toàn mà họ có thể thực hiện trong giai đoạn đầu.

Chẳng hạn, công an và binh lính có thể thực hiện mệnh lệnh đàn áp một cách kém hiệu quả, không tìm ra người bị truy bắt, cảnh báo trước cho người đấu tranh về các đợt đàn áp, bắt giữ hoặc trục xuất, hoặc không báo cáo đầy đủ thông tin quan trọng lên cấp trên. Các sĩ quan có thiện cảm cũng có thể không truyền đạt đầy đủ các mệnh lệnh đàn áp xuống cấp dưới. Binh lính có thể bán chỉ thiên thay vì nhắm trực tiếp vào người biểu tình.

Tương tự, đội ngũ công chức cũng có thể trì hoãn công việc, “làm thất lạc” hồ sơ, làm việc kém hiệu quả, hoặc xin nghỉ ốm để tạm thời không tham gia vào các hoạt động phục vụ chế độ.

### **Điều chỉnh chiến lược**

Những người làm chiến lược đấu tranh bất tuân chính trị cần thường xuyên theo dõi và đánh giá việc triển khai chiến lược tổng thể cũng như các chiến lược cho từng chiến dịch cụ thể. Trong thực tế, diễn biến của cuộc đấu tranh có thể không đúng như dự liệu ban đầu. Khi đó, cần chủ động xác định những điều chỉnh cần thiết.

Trước hết, phải nhận diện rõ vấn đề, tiến hành đánh giá lại một cách toàn diện, từ đó có thể điều chỉnh hướng đi: chuyển trọng tâm sang nhóm xã hội khác, huy

động thêm các nguồn lực, hoặc xây dựng các phương án hành động thay thế. Khi kế hoạch mới đã được xác định, cần triển khai kịp thời và dứt khoát.

Ngược lại, nếu cuộc đấu tranh diễn biến thuận lợi hơn dự kiến và chế độ bắt đầu suy yếu nhanh chóng, lực lượng dân chủ cần biết tận dụng thời cơ để gia tăng áp lực, từng bước làm tê liệt bộ máy cầm quyền. Cách thức xử lý tình huống này sẽ được phân tích cụ thể hơn ở chương tiếp theo.

## Chương 9: Làm tan rã chế độ độc tài

Tác động tích lũy của các chiến dịch bất tuân chính trị khi được triển khai hiệu quả sẽ từng bước củng cố phong trào, đồng thời hình thành và mở rộng những “không gian” trong xã hội nơi chế độ độc tài không còn kiểm soát một cách trọn vẹn.

Những chiến dịch này cũng mang lại kinh nghiệm thực tiễn quý giá về cách từ chối hợp tác và thực hiện phản kháng chính trị. Chính những kinh nghiệm đó sẽ trở nên đặc biệt quan trọng khi phong trào chuyển sang giai đoạn bất hợp tác và phản kháng trên quy mô lớn.

Như đã phân tích ở Chương 3, sự tuân phục, hợp tác và phục tùng là nền tảng duy trì quyền lực của chế độ độc tài. Khi bị tước đi khả năng tiếp cận các nguồn sức mạnh chính trị, quyền lực đó sẽ suy yếu và cuối cùng tan rã. Vì vậy, việc rút lại sự ủng hộ chính là yếu tố then chốt để làm tan rã một chế độ độc tài.

Do đó, cần xem xét một cách hệ thống cách thức mà đấu tranh bất hợp tác có thể tác động và làm suy yếu các nguồn sức mạnh của chế độ.

Những hành động mang tính biểu tượng nhằm bác bỏ và thách thức chế độ là một trong những phương tiện quan trọng để làm suy yếu uy tín đạo đức và chính trị của nó — tức là tính chính danh. Khi tính chính danh càng cao, chế độ càng dễ nhận được sự tuân phục và hợp tác một cách ổn định.

Vì vậy, sự phản đối về mặt đạo đức cần được chuyển hóa thành hành động cụ thể nếu muốn thực sự đe dọa sự tồn tại của chế độ độc tài. Việc rút lại sự hợp tác và tuân phục chính là bước then chốt để cắt đứt các nguồn sức mạnh khác của chế độ.

Một nguồn sức mạnh quan trọng khác là nguồn lực con người — tức số lượng và vai trò của những cá nhân và nhóm người sẵn sàng tuân lệnh, hợp tác hoặc hỗ

trợ chính quyền. Khi tình trạng bất hợp tác lan rộng trong nhiều tầng lớp dân cư, chế độ sẽ rơi vào khủng hoảng nghiêm trọng. Chẳng hạn, nếu đội ngũ công chức không còn vận hành bộ máy với hiệu quả như trước, hoặc thậm chí ngừng làm việc, thì toàn bộ hệ thống hành chính sẽ bị tê liệt đáng kể.

Tương tự, nếu những cá nhân và nhóm từ chối hợp tác bao gồm cả những người từng cung cấp kỹ năng chuyên môn và tri thức, thì năng lực vận hành của chế độ sẽ bị suy giảm nghiêm trọng. Ngay cả khả năng đưa ra quyết định sáng suốt và xây dựng chính sách hiệu quả cũng có thể bị ảnh hưởng đáng kể.

Bên cạnh đó, khi các yếu tố tâm lý và tư tưởng — những yếu tố “vô hình” vốn khiến người dân tuân phục và hỗ trợ chính quyền — bị suy yếu hoặc đảo chiều, thì xu hướng không tuân lệnh và tham gia bất hợp tác trong xã hội sẽ ngày càng gia tăng.

Khả năng kiểm soát và tiếp cận các nguồn lực vật chất có tác động trực tiếp đến sức mạnh của chế độ độc tài. Khi các nguồn tài chính, hệ thống kinh tế, tài sản, tài nguyên thiên nhiên, giao thông vận tải và phương tiện truyền thông nằm trong tay — hoặc có nguy cơ rơi vào tay — các lực lượng đối lập, thì một trụ cột quan trọng của chế độ sẽ bị lung lay, thậm chí bị vô hiệu hóa. Các hình thức như đình công, tẩy chay, cùng với việc gia tăng tính tự chủ trong các lĩnh vực kinh tế, truyền thông và giao thông sẽ góp phần làm suy yếu đáng kể khả năng kiểm soát của chế độ.

Như đã phân tích, khả năng đe dọa và áp đặt các biện pháp trừng phạt — đối với những bộ phận dân cư chống đối, bất tuân hoặc không hợp tác — là một nguồn sức mạnh cốt lõi của chế độ độc tài. Tuy nhiên, nguồn sức mạnh này có thể bị làm suy yếu theo hai hướng.

Thứ nhất, nếu người dân sẵn sàng chấp nhận những hậu quả nghiêm trọng như cái giá cho sự phản kháng, thì hiệu quả của các biện pháp trừng phạt sẽ giảm mạnh — tức là đàn áp không còn đủ sức buộc người dân phải khuất phục.

Thứ hai, nếu chính lực lượng công an và quân đội rơi vào trạng thái bất mãn, họ có thể — ở cấp độ cá nhân hoặc tập thể — né tránh, làm chậm, hoặc thậm chí công khai từ chối thực hiện các mệnh lệnh đàn áp như bắt giữ, đánh đập hay nổ súng vào người đấu tranh. Khi chế độ không còn có thể dựa vào các lực lượng này để thực thi đàn áp, thì nền tảng tồn tại của nó sẽ bị đe dọa nghiêm trọng.

Tóm lại, để có thể giành thắng lợi trước một chế độ độc tài đã ăn sâu bám rễ, các hành động bất hợp tác và phản kháng cần hướng tới việc làm suy yếu và từng bước cắt đứt các nguồn sức mạnh của chế độ.

Khi không còn được bổ sung thêm những nguồn lực thiết yếu này, quyền lực của chế độ sẽ dần suy giảm và cuối cùng tan rã.

Vì vậy, việc hoạch định chiến lược đấu tranh bất hợp tác một cách bài bản và hiệu quả phải tập trung trực tiếp vào những nguồn sức mạnh then chốt của chế độ độc tài.

### **Mở rộng tự do từng bước**

Khi kết hợp đấu tranh bất hợp tác với việc xây dựng các tổ chức tự chủ trong xã hội — như về kinh tế, văn hóa, xã hội và chính trị — “không gian dân chủ” sẽ dần được mở rộng, trong khi sự kiểm soát của chế độ độc tài bị thu hẹp lại.

Khi các tổ chức dân sự ngày càng mạnh lên, người dân cũng từng bước hình thành một đời sống độc lập, nằm ngoài sự kiểm soát của chính quyền — bất kể chế độ có mong muốn điều gì.

Nếu chế độ tìm cách can thiệp để ngăn chặn quá trình mở rộng tự do này, thì người dân có thể sử dụng đấu tranh bất bạo động để bảo vệ những gì đã đạt được. Khi đó, chế độ sẽ phải đối mặt thêm một “mặt trận” mới trong cuộc đối đầu với xã hội.

Về lâu dài, sự kết hợp giữa phản kháng và xây dựng các thiết chế độc lập có thể tạo ra một trạng thái tự do trên thực tế. Khi tương quan quyền lực trong xã hội đã thay đổi căn bản, thì sự sụp đổ của chế độ độc tài và việc thiết lập một hệ thống dân chủ chỉ còn là vấn đề thời gian.

Ba Lan trong thập niên 1970–1980 cung cấp một ví dụ rõ ràng về việc xã hội từng bước giành lại các chức năng và thiết chế từ tay chế độ. Giáo hội Công giáo dù bị đàn áp nhưng chưa bao giờ bị đặt hoàn toàn dưới sự kiểm soát của chính quyền cộng sản. Năm 1976, một số trí thức và công nhân đã thành lập các nhóm nhỏ như KOR (Ủy ban Bảo vệ Công nhân) để thúc đẩy các ý tưởng chính trị của mình. Đến năm 1980, Công đoàn Đoàn Kết (Solidarity), với khả năng tổ chức các cuộc đình công hiệu quả, đã buộc chính quyền phải công nhận tính hợp pháp của mình. Sau đó, nông dân, sinh viên và nhiều nhóm xã hội khác cũng thành lập các tổ chức độc lập riêng. Khi chính quyền cộng sản nhận ra rằng những tổ chức này đã làm thay đổi tương quan quyền lực trong xã hội, họ đã cấm lại Đoàn Kết và quay sang áp đặt chế độ quân quản.

Ngay cả dưới tình trạng thiết quân luật, với nhiều vụ bắt bớ và đàn áp khắc nghiệt, các thiết chế độc lập mới của xã hội vẫn tiếp tục hoạt động. Chẳng hạn, hàng chục tờ báo và tạp chí “chui” vẫn được xuất bản. Các nhà xuất bản bí mật mỗi năm phát hành hàng trăm đầu sách, trong khi nhiều nhà văn nổi tiếng tẩy chay các ấn phẩm và nhà xuất bản của chính quyền cộng sản. Những hoạt động tương tự cũng diễn ra ở nhiều lĩnh vực khác trong xã hội.

Dưới chế độ quân sự của Jaruzelski, chính quyền cộng sản từng được mô tả như chỉ còn “lơ lửng” bên trên xã hội. Họ vẫn nắm giữ các cơ quan và trụ sở nhà nước, vẫn có thể trấn áp bằng các biện pháp như bắt giữ, giam cầm, tịch thu máy in... Tuy nhiên, họ không còn kiểm soát được xã hội như trước. Từ thời điểm đó, việc xã hội có thể hoàn toàn đánh bại chế độ chỉ còn là vấn đề thời gian.

Ngay cả khi chế độ độc tài vẫn còn nắm giữ các vị trí trong bộ máy nhà nước, đôi khi vẫn có thể tổ chức một “chính quyền song song” mang tính dân chủ. Chính quyền này sẽ dần hoạt động như một đối trọng, nhận được sự ủng hộ, tuân thủ

và hợp tác từ người dân cũng như các thiết chế xã hội. Khi đó, chế độ độc tài sẽ từng bước mất đi những yếu tố cốt lõi làm nên quyền lực của một chính quyền — đó là sự công nhận, sự tuân phục và sự hợp tác. Về lâu dài, chính quyền dân chủ song song này có thể thay thế hoàn toàn chế độ độc tài, trở thành một phần của quá trình chuyển tiếp sang dân chủ. Sau đó, một bản hiến pháp mới sẽ được thông qua và các cuộc bầu cử sẽ được tổ chức để hoàn tất quá trình chuyển đổi.

### **Làm tan rã chế độ độc tài**

Trong khi quá trình chuyển đổi về thể chế trong xã hội đang diễn ra, phong trào bất hợp tác và phản kháng cũng có thể từng bước được nâng lên về quy mô và cường độ.

Ngay từ sớm, những người làm chiến lược cần xác định rằng sẽ có thời điểm lực lượng dân chủ có thể vượt qua giai đoạn kháng cự có chọn lọc để chuyển sang phản kháng trên quy mô toàn xã hội. Tuy nhiên, điều này thường đòi hỏi thời gian để xây dựng và củng cố năng lực đấu tranh, nên giai đoạn phản kháng đại chúng có thể chỉ hình thành sau một quá trình chuẩn bị kéo dài.

Trong thời gian đó, các chiến dịch kháng cự có chọn lọc cần tiếp tục được triển khai, với những mục tiêu chính trị ngày càng quan trọng hơn, đồng thời thu hút ngày càng nhiều tầng lớp trong xã hội tham gia.

Khi các hoạt động được mở rộng một cách kiên định và có kỷ luật, những điểm yếu nội tại của chế độ độc tài sẽ dần bộc lộ rõ ràng hơn.

Sự kết hợp giữa đấu tranh bất hợp tác mạnh mẽ và việc xây dựng các thiết chế độc lập có thể, theo thời gian, thu hút sự chú ý rộng rãi của quốc tế theo hướng có lợi cho lực lượng dân chủ. Điều này cũng có thể dẫn đến các phản ứng từ bên ngoài như lên án về mặt ngoại giao, tẩy chay hoặc cấm vận nhằm gây sức ép lên chế độ — như đã từng xảy ra trong trường hợp Ba Lan.

Tuy nhiên, những người làm chiến lược cũng cần nhận thức rằng trong một số trường hợp, chế độ độc tài có thể sụp đổ rất nhanh, như ở Đông Đức năm 1989. Điều này xảy ra khi các nguồn sức mạnh của chế độ bị cắt đứt trên diện rộng, do toàn xã hội đồng loạt quay lưng lại với nó.

Dù vậy, kịch bản này không phải là phổ biến. Vì thế, cách tiếp cận thận trọng là chuẩn bị cho một cuộc đấu tranh lâu dài — nhưng luôn sẵn sàng nắm bắt cơ hội nếu tình hình chuyển biến nhanh chóng.

Trong suốt quá trình đấu tranh giành tự do, những thắng lợi — dù chỉ ở những vấn đề nhỏ — đều cần được ghi nhận và tôn vinh. Những người góp phần tạo nên thành công cũng nên được công nhận xứng đáng. Việc ăn mừng, đi kèm với sự cảnh giác cần thiết, sẽ giúp duy trì tinh thần và động lực cho các giai đoạn tiếp theo của cuộc đấu tranh.

### **Xử lý thành công một cách có trách nhiệm**

Những người hoạch định chiến lược tổng thể cần tính toán trước các kịch bản kết thúc cuộc đấu tranh, nhằm ngăn chặn nguy cơ xuất hiện một chế độ độc tài mới và bảo đảm việc hình thành dần một nền dân chủ bền vững.

Lực lượng dân chủ cần chuẩn bị kỹ cách thức chuyển tiếp từ chế độ độc tài sang một chính quyền lâm thời khi cuộc đấu tranh kết thúc. Việc nhanh chóng thiết lập một chính quyền mới có khả năng vận hành là rất quan trọng. Tuy nhiên, đó không thể chỉ là bộ máy cũ với những con người mới.

Cần xác định rõ những bộ phận nào của hệ thống cũ — như lực lượng an ninh chính trị — phải bị giải thể hoàn toàn vì bản chất phản dân chủ, và những bộ phận nào có thể được giữ lại để từng bước cải cách theo hướng dân chủ.

Nếu để xảy ra khoảng trống quyền lực hoàn toàn, xã hội có thể rơi vào hỗn loạn hoặc tạo điều kiện cho một chế độ độc tài mới xuất hiện.

Cần suy tính từ trước về cách xử lý đối với các quan chức cấp cao của chế độ khi quyền lực của nó bắt đầu tan rã. Chẳng hạn, liệu họ có bị đưa ra xét xử trước tòa hay không? Có nên cho phép họ rời khỏi đất nước vĩnh viễn? Còn những lựa chọn nào khác phù hợp với tinh thần đấu tranh bất tuân chính trị, đồng thời đáp ứng nhu cầu tái thiết đất nước và xây dựng dân chủ sau khi giành được thắng lợi?

Điều đặc biệt quan trọng là phải tránh một cuộc trả thù đẫm máu, bởi điều đó có thể gây hậu quả nghiêm trọng cho khả năng xây dựng một nền dân chủ trong tương lai.

Các kế hoạch cụ thể cho quá trình chuyển tiếp sang dân chủ cần được chuẩn bị sẵn để có thể triển khai ngay khi chế độ suy yếu hoặc sụp đổ. Những kế hoạch này sẽ giúp ngăn chặn nguy cơ một nhóm khác lợi dụng tình hình để chiếm quyền lực thông qua đảo chính.

Đồng thời, cũng cần chuẩn bị kế hoạch thiết lập một hệ thống chính quyền dân chủ dựa trên hiến pháp, bảo đảm đầy đủ các quyền tự do chính trị và cá nhân. Những thành quả đạt được với cái giá rất lớn không được phép để bị đánh mất chỉ vì thiếu chuẩn bị.

Khi phải đối mặt với một xã hội ngày càng được trao quyền, cùng với sự lớn mạnh của các nhóm và thiết chế dân chủ độc lập — những lực lượng mà chế độ không còn kiểm soát được — các nhà cầm quyền sẽ dần nhận ra rằng toàn bộ hệ thống của họ đang bắt đầu rạn nứt từ bên trong.

Những hình thức như đình trệ trên diện rộng, tổng đình công, ở nhà hàng loạt, các cuộc tuần hành phản kháng và nhiều hành động tương tự sẽ ngày càng làm suy yếu bộ máy và các thiết chế của chế độ. Khi các hoạt động bất hợp tác và phản kháng này được triển khai một cách khôn ngoan, có tổ chức và với sự tham gia rộng rãi theo thời gian, quyền lực của chế độ sẽ dần bị bào mòn. Cuối cùng, nó có thể tan rã trước một xã hội kiên quyết phản kháng — và lực lượng dân chủ có thể giành thắng lợi mà không cần đến bạo lực.

Tuy nhiên, không phải mọi nỗ lực đều dẫn đến thành công, và càng hiếm khi thành công nhanh chóng. Cũng như trong chiến tranh, có những cuộc chiến giành được thắng lợi và những cuộc chiến bị thất bại.

Dẫu vậy, đấu tranh bất hợp tác về chính trị vẫn mở ra một khả năng chiến thắng thực sự. Như đã nhấn mạnh, khả năng đó sẽ được nâng cao đáng kể nếu có một chiến lược tổng thể đúng đắn, kế hoạch được chuẩn bị kỹ lưỡng, sự kiên trì bền bỉ, cùng với một tinh thần đấu tranh kỷ luật và dũng cảm.

## **Chương 10: Nền tảng cho một nền dân chủ bền vững**

Sự tan rã của chế độ độc tài chắc chắn là một cột mốc đáng để ăn mừng. Những người đã chịu đựng trong thời gian dài và đấu tranh với nhiều hy sinh xứng đáng có những giây phút vui mừng, nghỉ ngơi và được ghi nhận. Họ có quyền tự hào về bản thân và về tất cả những ai đã cùng họ góp sức giành lại tự do. Không phải ai cũng còn sống để chứng kiến ngày này; những người đã khuất sẽ được tưởng nhớ như những người đã góp phần làm nên lịch sử tự do của đất nước.

Tuy nhiên, đây không phải là thời điểm để lơ là cảnh giác. Ngay cả khi chế độ độc tài đã sụp đổ nhờ đấu tranh bất hợp tác, vẫn cần hết sức thận trọng để ngăn chặn nguy cơ xuất hiện một chế độ áp bức mới trong giai đoạn chuyển tiếp đầy biến động.

Vì vậy, các lãnh đạo của lực lượng dân chủ cần chuẩn bị từ trước cho một quá trình chuyển tiếp có trật tự sang dân chủ. Các cấu trúc độc tài phải được tháo dỡ một cách dứt khoát, đồng thời cần xây dựng nền tảng hiến pháp, pháp lý và các chuẩn mực vận hành vững chắc cho một nền dân chủ lâu dài.

Không nên ảo tưởng rằng ngay khi chế độ độc tài sụp đổ, một xã hội lý tưởng sẽ lập tức hình thành. Sự tan rã của chế độ chỉ đánh dấu điểm khởi đầu — trong điều kiện tự do được mở rộng — cho một quá trình lâu dài nhằm cải thiện xã hội và đáp ứng tốt hơn các nhu cầu của con người.

Những vấn đề phức tạp về chính trị, kinh tế và xã hội vẫn sẽ tồn tại trong nhiều năm, và chỉ có thể được giải quyết thông qua sự hợp tác của nhiều cá nhân và nhóm khác nhau.

Một hệ thống chính trị mới cần tạo ra không gian cho các quan điểm đa dạng và những cách tiếp cận khác nhau, để mọi người có thể tiếp tục đóng góp vào việc xây dựng chính sách và tìm kiếm giải pháp cho những thách thức trong tương lai.

## **Nguy cơ của một chế độ độc tài mới**

Từ rất sớm, Aristotle đã cảnh báo rằng: “bạo chúa cũng có thể biến thành một dạng bạo chúa khác”<sup>[14]</sup>. Lịch sử đã nhiều lần chứng minh điều này — từ Cách mạng Pháp (với phe Jacobin và Napoleon Bonaparte), Cách mạng Nga 1917 (với phe Bolshevik), Cách mạng Iran 1979 (dẫn tới Ruhollah Khomeini), hay tại Myanmar dưới chính quyền quân sự — điều này cho thấy rằng sự sụp đổ của một chế độ áp bức thường được một số cá nhân hoặc nhóm xem như cơ hội để họ lên nắm quyền.

Dù động cơ có thể khác nhau, kết quả thường khá giống nhau: một chế độ độc tài mới được hình thành. Thậm chí, chế độ mới có thể còn hà khắc và kiểm soát toàn diện hơn chế độ cũ.

Ngay cả trước khi chế độ cũ sụp đổ, những thành phần trong bộ máy cầm quyền cũng có thể tìm cách chặn đứng cuộc đấu tranh dân chủ bằng một cuộc đảo chính. Họ có thể tuyên bố lật đổ chế độ độc tài, nhưng thực chất chỉ nhằm thay thế bằng một phiên bản “cải tiến” của chính hệ thống cũ.

## **Ngăn chặn đảo chính**

Có nhiều cách để ngăn chặn và làm thất bại các cuộc đảo chính nhằm vào những xã hội vừa giành được tự do. Trong không ít trường hợp, chỉ riêng việc xã hội có sự chuẩn bị và khả năng tự vệ rõ ràng cũng đủ để khiến những toan tính đảo chính bị răn đe từ sớm. Nói cách khác, chuẩn bị tốt chính là phòng ngừa hiệu quả.

Ngay khi một cuộc đảo chính bắt đầu, lực lượng tiến hành đảo chính cần nhanh chóng thiết lập tính chính danh — tức là sự thừa nhận về mặt đạo đức và chính trị đối với quyền cai trị của họ. Vì vậy, nguyên tắc cơ bản đầu tiên để chống đảo chính là kiên quyết từ chối công nhận tính chính danh đó.

Đồng thời, những kẻ đảo chính cũng cần sự ủng hộ, sự lúng túng, hoặc ít nhất là sự thụ động từ phía lãnh đạo dân sự và người dân. Họ cần sự hợp tác của các chuyên gia, cố vấn, công chức, nhà quản lý và thẩm phán để từng bước củng cố quyền kiểm soát.

Hơn nữa, họ còn phụ thuộc vào việc số đông những người đang vận hành hệ thống chính trị, các thiết chế xã hội, nền kinh tế, cũng như lực lượng công an và quân đội tiếp tục tuân theo mệnh lệnh mới và duy trì hoạt động như thường lệ dưới sự chỉ đạo của họ.

Nguyên tắc cơ bản thứ hai để chống đảo chính là kháng cự bằng bất hợp tác và phản kháng. Mọi hình thức hợp tác và hỗ trợ mà lực lượng đảo chính cần phải bị từ chối một cách có ý thức và có tổ chức.

Về thực chất, chính những phương thức đấu tranh đã từng được sử dụng để chống lại chế độ độc tài trước đó có thể được áp dụng trở lại để đối phó với mối đe dọa mới — nhưng nó cần được triển khai nhanh chóng và dứt khoát.

Khi cả **tính chính danh lẫn sự hợp tác đều bị tước bỏ**, cuộc đảo chính sẽ dần rơi vào trạng thái kiệt quệ về mặt chính trị. Khi đó, cơ hội xây dựng và củng cố một nền dân chủ sẽ được phục hồi.

### **Soạn thảo hiến pháp**

Một hệ thống dân chủ mới cần được đặt nền tảng bằng một bản hiến pháp, nhằm xác lập khuôn khổ vận hành của nhà nước. Hiến pháp cần quy định rõ mục tiêu của chính quyền, giới hạn quyền lực của bộ máy nhà nước, cơ chế và thời điểm tổ chức bầu cử để lựa chọn các đại diện, các quyền cơ bản của người dân, cũng như mối quan hệ giữa chính quyền trung ương và các cấp địa phương.

Để bảo đảm tính dân chủ, trong bộ máy trung ương cần thiết lập sự phân quyền minh bạch giữa ba nhánh: lập pháp, hành pháp và tư pháp. Đồng thời, phải có những ràng buộc chặt chẽ đối với hoạt động của lực lượng công an, cơ quan tình

báo và quân đội, nhằm ngăn chặn mọi hình thức can thiệp vào đời sống chính trị hợp pháp.

Vì mục tiêu bảo vệ hệ thống dân chủ và ngăn chặn nguy cơ tái xuất của chế độ độc tài, hiến pháp nên — nếu có thể — thiết lập một cơ chế phân quyền, trong đó các cấp chính quyền khu vực, bang hoặc địa phương được trao những thẩm quyền thực chất. Trong một số trường hợp, mô hình như hệ thống bang của Thụy Sĩ — nơi các đơn vị nhỏ vẫn giữ quyền tự chủ cao nhưng vẫn nằm trong một quốc gia thống nhất — có thể là một gợi ý đáng tham khảo.

Nếu quốc gia vừa được giải phóng trước đây đã từng có một bản hiến pháp với nhiều đặc điểm phù hợp, thì việc khôi phục và điều chỉnh nó có thể là một lựa chọn hợp lý. Trong trường hợp không có nền tảng như vậy, có thể cần áp dụng một hiến pháp tạm thời cho giai đoạn chuyển tiếp. Về lâu dài, một bản hiến pháp mới sẽ cần được xây dựng — và quá trình này đòi hỏi thời gian, sự cân nhắc thấu đáo, cũng như sự tham gia rộng rãi của người dân để bảo đảm tính chính danh.

Khi soạn thảo, cần tránh đưa vào hiến pháp những cam kết vượt quá khả năng thực hiện, cũng như những quy định đòi hỏi mức độ tập trung quyền lực cao, bởi cả hai đều có thể vô tình tạo điều kiện cho sự tái lập của độc tài.

Ngôn ngữ của hiến pháp cần rõ ràng, minh bạch và dễ hiểu đối với đa số người dân. Một bản hiến pháp không nên quá phức tạp hay mơ hồ đến mức chỉ một nhóm chuyên gia hoặc tầng lớp tinh hoa mới có thể hiểu và diễn giải.

### **Chính sách quốc phòng trong một nền dân chủ**

Một quốc gia vừa giành được tự do vẫn có thể phải đối mặt với các mối đe dọa từ bên ngoài, do đó nó cần có năng lực phòng vệ phù hợp. Những mối đe dọa này có thể xuất phát từ các nỗ lực áp đặt sự chi phối về kinh tế, chính trị hoặc quân sự từ các thế lực bên ngoài.

Để bảo vệ nền dân chủ từ bên trong, cần cần nhắc nghiêm túc việc vận dụng các nguyên tắc của đấu tranh bất hợp tác vào lĩnh vực quốc phòng.<sup>[15]</sup> Khi năng lực kháng cự được trao trực tiếp cho người dân, quốc gia có thể tránh phải xây dựng một bộ máy quân sự quá mạnh — vốn có thể trở thành mối đe dọa đối với chính nền dân chủ hoặc tiêu tốn nguồn lực kinh tế lớn mà đáng lẽ cần dành cho các ưu tiên khác.

Đồng thời, cần nhận thức rằng sẽ luôn có những nhóm sẵn sàng phớt lờ các quy định hiến pháp để tìm cách thiết lập một chế độ độc tài mới. Vì vậy, người dân cần duy trì vai trò chủ động và thường trực trong việc thực hành bất hợp tác và phản kháng chính trị, nhằm ngăn chặn các xu hướng này và bảo vệ các thiết chế, quyền lợi và quy trình dân chủ.

### **Một trách nhiệm cao quý**

Đấu tranh bất bạo động không chỉ có tác dụng làm suy yếu và loại bỏ chế độ độc tài, mà còn góp phần trao quyền cho những người từng bị áp bức. Phương thức này giúp những người trước đây chỉ cảm thấy mình là nạn nhân hay “con cò” có thể trực tiếp sử dụng sức mạnh của chính mình để giành lấy tự do và công lý.

Trải nghiệm đấu tranh ấy mang lại những chuyển biến sâu sắc về mặt tâm lý, giúp củng cố lòng tự trọng và sự tự tin của những người từng cảm thấy bất lực.

Về lâu dài, một lợi ích quan trọng của đấu tranh bất tuân chính trị trong việc xây dựng dân chủ là xã hội sẽ trở nên vững vàng hơn trước những thách thức tiếp theo. Đó có thể là lạm quyền và tham nhũng của chính quyền, sự đối xử bất công với các nhóm trong xã hội, bất bình đẳng kinh tế, hay những hạn chế trong chất lượng vận hành của hệ thống dân chủ.

Một xã hội đã có kinh nghiệm trong đấu tranh bất tuân chính trị sẽ ít có khả năng bị cuốn vào vòng xoáy của các chế độ độc tài mới trong tương lai.

Sau khi giành được tự do, việc quen thuộc với đấu tranh bất bạo động sẽ cung cấp những công cụ hiệu quả để bảo vệ nền dân chủ, các quyền tự do dân sự, quyền của các nhóm thiểu số, cũng như thẩm quyền của các cấp chính quyền địa phương và các tổ chức xã hội độc lập.

Những phương thức này cũng mở ra con đường để các cá nhân và nhóm thể hiện sự bất đồng sâu sắc một cách hòa bình đối với những vấn đề hệ trọng — thay vì phải tìm đến các hình thức bạo lực như khủng bố hay chiến tranh du kích.

Những phân tích về đấu tranh bất hợp tác và phản kháng chính trị trong tài liệu này nhằm hỗ trợ tất cả những ai mong muốn chấm dứt sự áp bức của độc tài, đồng thời xây dựng một nền dân chủ bền vững — nơi các quyền tự do của con người được tôn trọng và người dân có thể chủ động tham gia vào việc cải thiện xã hội.

Từ những phân tích trên, có thể rút ra ba kết luận cốt lõi:

- Việc thoát khỏi chế độ độc tài là hoàn toàn có thể;
- Nhưng để đạt được điều đó, cần có sự suy nghĩ thấu đáo và hoạch định chiến lược hết sức cẩn trọng;
- Và quá trình ấy đòi hỏi sự cảnh giác liên tục, nỗ lực bền bỉ cùng một tinh thần đấu tranh kỷ luật — thường đi kèm với những hy sinh không nhỏ.

Câu nói quen thuộc “Tự do không tự nhiên mà có” hoàn toàn đúng. Sẽ không có lực lượng bên ngoài nào đến trao tự do cho những người đang bị áp bức. Người dân phải tự học cách giành lấy tự do cho chính mình — và đó chưa bao giờ là con đường dễ dàng.

Tuy vậy, nếu hiểu rõ những điều kiện và yêu cầu của sự giải phóng, người dân có thể vạch ra những hướng đi phù hợp. Dù phải trải qua nhiều gian nan, con đường ấy vẫn có thể dẫn tới tự do.

Và khi tự do đã đạt được, với sự kiên trì và ý thức trách nhiệm, họ có thể xây dựng một trật tự dân chủ mới, đồng thời chuẩn bị để bảo vệ nó. Một nền tự do được giành bằng chính sự đấu tranh như vậy sẽ có khả năng bền vững — được duy trì bởi một cộng đồng kiên định trong việc gìn giữ và không ngừng vun đắp nó.

## **Phụ lục 1: Các phương thức hành động bất bạo động<sup>[16]</sup>:**

### **I. CÁC PHƯƠNG THỨC PHẢN KHÁNG VÀ THUYẾT PHỤC BẤT BẠO ĐỘNG**

#### **A. Tuyên bố chính thức**

- 1- Tụ họp – diễn thuyết
- 2- Thư phản đối hoặc ủng hộ
- 3- Tuyên bố của tổ chức và định chế
- 4- Tuyên bố công khai có chữ ký
- 5- Tuyên bố truy tố và ý định
- 6- Kiến nghị tập thể/đại chúng

#### **B. Truyền thông tới công chúng rộng rãi**

- 7- Khẩu hiệu, biếm họa, biểu tượng
- 8- Băng rôn, áp phích, thông điệp trưng bày
- 9- Tờ rơi, tập sách, sách
- 10- Báo chí và tạp chí
- 11- Ghi âm, phát thanh, truyền hình
- 12- Viết chữ trên trời và trên mặt đất

#### **C. Đại diện nhóm**

- 13- Phái đoàn
- 14- Trao giải giả định
- 15- Vận động hành lang theo nhóm
- 16- Gác trực (picketing)
- 17- Bầu cử giả định

#### **D. Hành vi công cộng mang tính biểu tượng**

- 18- Trưng bày cờ và màu sắc biểu tượng
- 19- Mang biểu tượng
- 20- Cầu nguyện và nghi lễ
- 21- Trao vật phẩm biểu tượng
- 22- Cởi bỏ y phục phản kháng
- 23- Phá hủy tài sản của chính mình
- 24- Ánh sáng biểu tượng
- 25- Trưng bày chân dung

- 26- Dùng sơn như phản kháng
- 27- Biển hiệu và tên gọi mới
- 28- Âm thanh biểu tượng
- 29- Tái chiếm mang tính biểu tượng
- 30- Cử chỉ thô lỗ

### **E. Gây áp lực lên cá nhân**

- 31- “Đeo bám” quan chức
- 32- Chế giễu quan chức
- 33- Giao lưu thân thiện
- 34- Thức canh

### **F. Kịch và âm nhạc**

- 35- Tiểu phẩm hài và trò đùa
- 36- Biểu diễn kịch và âm nhạc
- 37- Hát

### **G. Diễu hành**

- 38- Tuần hành
- 39- Diễu hành đường phố
- 40- Diễu hành tôn giáo
- 41- Hành hương
- 42- Đoàn xe

### **H. Tưởng niệm người đã khuất**

- 43- Tang lễ chính trị
- 44- Tang lễ giả định
- 45- Tang lễ biểu dương
- 46- Tưởng niệm tại nơi an táng

### **I. Tụ họp công cộng**

- 47- Tụ họp phản đối/ủng hộ
- 48- Hội họp phản kháng
- 49- Hội họp phản kháng trá hình
- 50- Lớp học chuyên đề (teach-in)

### **J. Rút lui và khước từ**

- 51- Bỏ họp
- 52- Im lặng

53- Khước từ danh dự

54- Quay lưng

## **II. CÁC PHƯƠNG THỨC BẤT HỢP TÁC**

### **A. Bất hợp tác xã hội**

#### **Tẩy chay cá nhân**

055- Tẩy chay xã hội

056- Tẩy chay xã hội có chọn lọc

057- Bất hành động kiểu Lysistrata

058- Khai trừ

059- Cấm vận giáo hội

#### **Không hợp tác với sự kiện, tập tục, định chế xã hội**

060- Đình chỉ hoạt động xã hội và thể thao

061- Tẩy chay sinh hoạt xã hội

062- Bãi khóa sinh viên

063- Bất tuân xã hội

064- Rút khỏi các định chế xã hội

#### **Rút khỏi hệ thống xã hội**

065- Ở nhà

066- Bất hợp tác cá nhân toàn diện

067- “Di tản” của người lao động

068- Nơi trú ẩn

069- Biến mất tập thể

070- Di cư phản kháng (hijrat)

### **B. Bất hợp tác kinh tế: Tẩy chay**

#### **Hành động của người tiêu dùng**

071- Tẩy chay tiêu dùng

072- Không tiêu thụ hàng bị tẩy chay

073- Chính sách thắt lưng buộc bụng

074- Giữ tiền thuê nhà

075- Từ chối cho thuê

076- Tẩy chay tiêu dùng cấp quốc gia

077- Tẩy chay tiêu dùng quốc tế

#### **Hành động của người lao động và nhà sản xuất**

078- Tẩy chay của công nhân

079- Tẩy chay của nhà sản xuất

### **Hành động của trung gian**

080- Tẩy chay của nhà cung ứng và khâu xử lý

### **Hành động của chủ sở hữu và quản lý**

081- Tẩy chay của thương nhân

082- Từ chối cho thuê/bán tài sản

083- Đóng cửa (lockout)

084- Từ chối hỗ trợ công nghiệp

085- “Tổng đình công” của thương nhân

### **Hành động của người nắm giữ nguồn lực tài chính**

086- Rút tiền gửi ngân hàng

087- Từ chối nộp phí, lệ phí

088- Từ chối trả nợ/lãi

089- Cắt đứt vốn và tín dụng

090- Từ chối nộp ngân sách

091- Từ chối tiền của chính phủ

### **Hành động của chính phủ**

092- Cấm vận trong nước

093- Đưa thương nhân vào danh sách đen

094- Cấm vận người bán quốc tế

095- Cấm vận người mua quốc tế

096- Cấm vận thương mại quốc tế

## **C. Bất hợp tác kinh tế: Đình công**

### **Đình công biểu tượng**

097- Đình công phản kháng

098- Bỏ việc chớp nhoáng

### **Đình công nông nghiệp**

099- Đình công nông dân

100- Đình công lao động nông trại

### **Đình công theo nhóm đặc thù**

101- Từ chối lao động cưỡng bức

102- Đình công tù nhân

103- Đình công theo ngành nghề

104- Đình công chuyên nghiệp

**Đình công công nghiệp thông thường**

105- Đình công cơ sở

106- Đình công ngành

107- Đình công cảm thông

**Đình công hạn chế**

108- Đình công chi tiết

109- Đình công “đệm”

110- Đình công giảm tốc

111- Làm việc đúng quy định

112- Báo ốm tập thể

113- Đình công bằng từ chức

114- Đình công hạn chế

115- Đình công có chọn lọc

**Đình công đa ngành**

116- Đình công tổng quát

117- Tổng đình công

**Kết hợp đình công và đóng cửa kinh tế**

118- Bãi thị (hartal)

119- Đóng băng kinh tế

**D. Bất hợp tác chính trị**

**Khước từ thẩm quyền**

120- Ngừng/thu hồi sự trung thành

121- Từ chối ủng hộ công khai

122- Tuyên truyền kêu gọi kháng cự

**Bất hợp tác của công dân với chính phủ**

123- Tẩy chay cơ quan lập pháp

124- Tẩy chay bầu cử

125- Tẩy chay việc làm/chức vụ nhà nước

126- Tẩy chay cơ quan công quyền

127- Rút khỏi cơ sở giáo dục nhà nước

128- Tẩy chay định chế do nhà nước bảo trợ

- 129- Từ chối hỗ trợ lực lượng thực thi
- 130- Gỡ bỏ biển hiệu/dấu mốc của mình
- 131- Từ chối chấp nhận quan chức được bổ nhiệm
- 132- Từ chối giải thể định chế hiện hữu

#### **Phương án thay thế sự tuân phục**

- 133- Tuân thủ miễn cưỡng/chậm chạp
- 134- Bất tuân khi không có giám sát trực tiếp
- 135- Bất tuân đại chúng
- 136- Bất tuân trá hình
- 137- Từ chối giải tán tụ họp
- 138- Ngồi chiếm chỗ
- 139- Bất hợp tác với nghĩa vụ quân sự và trục xuất
- 140- Ẩn náu, trốn thoát, danh tính giả
- 141- Bất tuân dân sự đối với luật “bất chính danh”

#### **Hành động của nhân sự chính phủ**

- 142- Từ chối hỗ trợ có chọn lọc
- 143- Phong tỏa tuyến mệnh lệnh và thông tin
- 144- Trì hoãn và cản trở
- 145- Bất hợp tác hành chính tổng quát
- 146- Bất hợp tác tư pháp
- 147- Kém hiệu quả có chủ ý/bất hợp tác có chọn lọc của lực lượng thực thi
- 148- Bình biến

#### **Hành động của chính quyền trong nước**

- 149- Lách luật bán hợp pháp và trì hoãn
- 150- Bất hợp tác của đơn vị chính quyền cấu thành

#### **Hành động của chính phủ quốc tế**

- 151- Thay đổi đại diện ngoại giao
- 152- Trì hoãn/hủy sự kiện ngoại giao
- 153- Từ chối công nhận ngoại giao
- 154- Cắt đứt quan hệ ngoại giao
- 155- Rút khỏi tổ chức quốc tế
- 156- Từ chối tư cách thành viên
- 157- Khai trừ khỏi tổ chức quốc tế

### **III. CÁC PHƯƠNG THỨC CAN THIỆP BẤT BẠO ĐỘNG**

#### **A. Can thiệp tâm lý**

158- Tự phơi nhiễm với thời tiết

159- Nhịn ăn (áp lực đạo đức, tuyệt thực, nhịn ăn kiểu satyagraha)

160- Phiên tòa đảo ngược

161- Quấy nhiễu bất bạo động

#### **B. Can thiệp vật lý**

162- Ngồi chiếm chỗ (sit-in)

163- Đứng chiếm chỗ

164- Đi xe chiếm chỗ

165- Lợi chiếm chỗ

166- Tự tập dòng chảy

167- Cầu nguyện chiếm chỗ

168- Đột kích bất bạo động

169- Không kích bất bạo động

170- Xâm nhập bất bạo động

171- Can thiệp xen ngang bất bạo động

172- Cản trở bất bạo động

173- Chiếm đóng bất bạo động

#### **C. Can thiệp xã hội**

174- Thiết lập khuôn mẫu xã hội mới

175- Quá tải cơ sở vật chất

176- Dừng xe chiếm chỗ

177- Phát biểu chiếm chỗ

178- Sân khấu du kích

179- Định chế xã hội thay thế

180- Hệ thống truyền thông thay thế

#### **D. Can thiệp kinh tế**

181- Đình công đảo chiều

182- Đình công ở lại

183- Chiếm đất bất bạo động

184- Thách thức phong tỏa

185- Làm giả có động cơ chính trị

186- Mua trước để ngăn chặn

187- Tịch thu tài sản

188- Xả bỏ

189- Bảo trợ có chọn lọc

190- Thị trường thay thế

191- Hệ thống vận tải thay thế

192- Định chế kinh tế thay thế

### **E. Can thiệp chính trị**

193- Quá tải hệ thống hành chính

194- Công khai danh tính điệp viên mật

195- Tự tìm cách bị giam giữ

196- Bất tuân dân sự đối với luật “trung lập”

197- Tiếp tục làm việc không hợp tác

198- Chủ quyền kép và chính quyền song song

## **Phụ lục 2: Lời cảm ơn và ghi chú về lịch sử hình thành của cuốn sách Từ Độc tài đến Dân chủ (From Dictatorship to Democracy)**

Trong quá trình viết phiên bản gốc của bài luận này, tôi đã nhận được nhiều sự hỗ trợ quý báu.

Bruce Jenkins, trợ lý đặc biệt của tôi vào năm 1993, đã có những đóng góp vô cùng quan trọng khi chỉ ra các vấn đề về nội dung và cách trình bày. Ông cũng đưa ra nhiều đề xuất sắc bén nhằm giúp diễn đạt các ý tưởng khó — đặc biệt là về chiến lược — một cách rõ ràng, chặt chẽ hơn, đồng thời góp phần cải thiện cấu trúc và biên tập văn bản.

Tôi cũng biết ơn sự hỗ trợ biên tập của Stephen Coady. Tiến sĩ Christopher Kruegler và Robert Helvey đã đưa ra những nhận xét và góp ý rất giá trị. Tiến sĩ Hazel McFerson và Tiến sĩ Patricia Parkman đã cung cấp thông tin về các phong trào đấu tranh ở châu Phi và Mỹ Latinh. Tuy nhiên, mọi phân tích và kết luận trong tài liệu này hoàn toàn là trách nhiệm của riêng tôi.

Trong những năm gần đây, các hướng dẫn đặc biệt cho việc dịch thuật đã được xây dựng, chủ yếu nhờ sự hướng dẫn của Jamila Raqib và những bài học rút ra từ các bản dịch trước đó. Điều này là cần thiết để bảo đảm tính chính xác trong những ngôn ngữ mà trước đây chưa có hệ thuật ngữ rõ ràng cho lĩnh vực này.

Cuốn sách “Từ Độc tài đến Dân chủ” (From Dictatorship to Democracy) được viết theo đề nghị của ông U Tin Maung Win (nay đã qua đời), một nhà dân chủ Myanmar lưu vong, khi đó là tổng biên tập tạp chí *Khit Pyaing* (Thời Đại Mới).

Việc soạn thảo văn bản này dựa trên hơn bốn mươi năm nghiên cứu và viết về đấu tranh bất bạo động, chế độ độc tài, hệ thống toàn trị, các phong trào kháng cự, lý thuyết chính trị, phân tích xã hội học và nhiều lĩnh vực liên quan khác.

Do không hiểu biết đủ sâu về Myanmar, tôi không thể viết một phân tích chỉ tập trung riêng vào quốc gia này. Vì vậy, tôi buộc phải xây dựng một phân tích mang tính khái quát, có thể áp dụng rộng hơn.

Bài luận ban đầu được đăng theo từng kỳ trên tạp chí *Khit Pyaing* bằng tiếng Myanmar và tiếng Anh tại Bangkok, Thái Lan vào năm 1993. Sau đó, nó được xuất bản thành sách nhỏ bằng cả hai ngôn ngữ (1994), rồi tái bản bằng tiếng Myanmar vào các năm 1996 và 1997. Những ấn bản đầu tiên tại Bangkok được phát hành với sự hỗ trợ của Ủy ban Phục hồi Dân chủ tại Myanmar.

Tài liệu này được lưu hành bí mật trong nước Myanmar, đồng thời lan truyền trong cộng đồng người lưu vong và những người ủng hộ ở nước ngoài. Ban đầu, nó chỉ nhằm phục vụ các nhà dân chủ Myanmar và các nhóm sắc tộc trong nước muốn giành quyền tự chủ khỏi chính quyền trung ương do người Bamar kiểm soát tại Yangon.

Tôi không dự đoán rằng tính khái quát của tài liệu lại khiến nó trở nên phù hợp với nhiều quốc gia khác có chế độ độc tài. Tuy nhiên, trên thực tế, nhiều người đã tự tìm cách dịch và phổ biến tài liệu này sang ngôn ngữ của họ. Một số người thậm chí cho rằng nội dung dường như được viết riêng cho chính đất nước của họ.

Chính quyền quân sự SLORC tại Yangon đã nhanh chóng lên án tài liệu này. Trong các năm 1995 và 1996, họ tiến hành nhiều chiến dịch công kích mạnh mẽ trên báo chí, phát thanh và truyền hình, và các hoạt động này còn tiếp diễn trong những năm sau. Thậm chí đến năm 2005, có người bị kết án tới bảy năm tù chỉ vì sở hữu tài liệu bị cấm này.

Dù không có nỗ lực nào nhằm quảng bá tài liệu ra quốc tế, việc dịch thuật và phổ biến lại tự phát lan rộng. Một sinh viên Indonesia đã nhìn thấy bản tiếng Anh được trưng bày tại một hiệu sách ở Bangkok, mua về và mang về nước. Tại Indonesia, tài liệu được dịch sang tiếng Bahasa Indonesia và xuất bản năm 1997 bởi một nhà xuất bản lớn, với lời giới thiệu của Abdurrahman Wahid — khi đó là

lãnh đạo tổ chức Hồi giáo lớn nhất thế giới Nahdlatul Ulama (với khoảng 35 triệu thành viên), và sau này trở thành Tổng thống Indonesia.

Trong giai đoạn đó, tại văn phòng của tôi ở Albert Einstein Institution, chúng tôi chỉ có vài bản photocopy từ ấn bản tiếng Anh in tại Bangkok. Trong nhiều năm, mỗi khi có người quan tâm, chúng tôi phải tự sao chép lại để gửi đi.

Sau này, Marek Zelaskiewz ở California đã mang một bản sang Belgrade vào thời Milošević và đưa cho tổ chức Civic Initiatives. Họ đã dịch sang tiếng Serbia và xuất bản. Khi chúng tôi đến Serbia sau khi chế độ Milošević sụp đổ, nhiều người cho biết cuốn sách nhỏ này đã có ảnh hưởng đáng kể đối với phong trào đổi lập.

Một yếu tố quan trọng khác là khóa tập huấn về đấu tranh bất bạo động do Robert Helvey, một đại tá quân đội Mỹ đã nghỉ hưu, tổ chức tại Budapest (Hungary) cho khoảng 20 thanh niên Serbia. Ông giới thiệu về bản chất và tiềm năng của đấu tranh bất bạo động, đồng thời cung cấp cho họ bản đầy đủ của *The Politics of Nonviolent Action*. Chính những người này sau đó đã trở thành nòng cốt của tổ chức Otpor, lực lượng dẫn dắt phong trào bất bạo động lật đổ Milošević.

Chúng tôi thường không biết chính xác tài liệu này đã được lan truyền từ quốc gia này sang quốc gia khác như thế nào. Việc đăng tải trên trang web của chúng tôi trong những năm gần đây có vai trò quan trọng, nhưng rõ ràng không phải là yếu tố duy nhất. Việc truy vết các mối liên hệ này sẽ đòi hỏi một nghiên cứu riêng biệt.

“From Dictatorship to Democracy” là một phân tích khá nặng và không dễ đọc. Tuy vậy, nó vẫn được xem là đủ quan trọng để được dịch ra ít nhất 28 ngôn ngữ (tính đến tháng 1 năm 2008), dù việc này đòi hỏi nhiều công sức và chi phí.

Các bản dịch, dưới dạng in hoặc trực tuyến, bao gồm nhiều ngôn ngữ như: Amharic (Ethiopia), Ả Rập, Azeri (Azerbaijan), Bahasa Indonesia, Belarus,

Myanmar, Chin (Myanmar), Trung Quốc (giản thể và phồn thể), Dhivehi (Maldives), Farsi (Iran), Pháp, Gruzia, Đức, Jing Paw (Myanmar), Karen (Myanmar), Khmer (Campuchia), Kurd, Kyrgyz (Kyrgyzstan), Nepali, Pashto (Afghanistan và Pakistan), Nga, Serbia, Tây Ban Nha, Tây Tạng, Tigrinya (Eritrea), Ukraina, Uzbek (Uzbekistan) và Việt Nam. Một số bản dịch khác vẫn đang được chuẩn bị.

Trong giai đoạn 1993–2002 có sáu bản dịch; còn từ 2003–2008 đã có thêm hai mươi hai bản.

Sự đa dạng về xã hội và ngôn ngữ mà tài liệu này được chuyển ngữ cho thấy một điều: những người đầu tiên tiếp cận tài liệu đã nhận ra rằng các phân tích trong đó có ý nghĩa và phù hợp với hoàn cảnh của chính xã hội họ.

Gene Sharp

January 2008

Albert Einstein Institution

Boston, Massachusetts

### **Phụ lục 3: Ghi chú về việc dịch thuật và tái bản ấn phẩm này**

Để tạo điều kiện cho tài liệu này được phổ biến rộng rãi, nó đã được đưa vào phạm vi công cộng. Điều đó có nghĩa là bất kỳ ai cũng có thể tự do sao chép và phát hành.

Tuy vậy, tác giả có một số đề nghị — dù không mang tính bắt buộc:

- Khi tái bản, không nên thay đổi nội dung, dù là thêm hay bớt.
- Những người có ý định sao chép hoặc phát hành lại nên thông báo cho Albert Einstein Institution (thông tin liên hệ nằm ở phần đầu tài liệu).
- Nếu dịch tài liệu, cần đặc biệt cẩn trọng để giữ nguyên ý nghĩa ban đầu. Một số thuật ngữ — như “đấu tranh bất bạo động” — có thể không có tương đương trực tiếp trong ngôn ngữ khác, vì vậy cần cân nhắc kỹ cách diễn đạt để người đọc hiểu chính xác.

Đối với các cá nhân hoặc nhóm muốn dịch tài liệu này, Albert Einstein Institution đã đề xuất một quy trình chuẩn:

- Trước hết, lựa chọn người dịch phù hợp: cần thông thạo cả tiếng Anh và ngôn ngữ đích, đồng thời có hiểu biết về nội dung và các khái niệm trong tài liệu.
- Tiếp theo, chọn một người thẩm định để đọc và phản biện bản dịch. Để bảo đảm khách quan, tốt nhất hai bên không biết danh tính của nhau.
- Người dịch sẽ gửi bản dịch thử khoảng 2–3 trang, kèm theo danh sách các thuật ngữ quan trọng.
- Người thẩm định đánh giá bản dịch thử và đưa ra góp ý.
- Nếu có sai lệch lớn, có thể thay đổi người dịch hoặc người thẩm định. Nếu chỉ có vấn đề nhỏ, người dịch tiếp tục dịch toàn bộ, đồng thời điều chỉnh theo góp ý.
- Khi hoàn thành, toàn bộ bản dịch sẽ được thẩm định lại một lần nữa.

- Sau khi chỉnh sửa theo các góp ý cuối cùng, bản dịch hoàn chỉnh sẽ sẵn sàng để in ấn và phát hành.

### **Các tài liệu đọc thêm:**

1. *The Anti-Coup* by Gene Sharp and Bruce Jenkins. Boston: The Albert Einstein Institution, 2003.
2. *Dictionary of Civilian Struggle: Technical Terminology of Nonviolent Action and the Control of Political Power* by Gene Sharp. Publication forthcoming.
3. *On Strategic Nonviolent Conflict: Thinking About the Fundamentals* by Robert L. Helvey. Boston: The Albert Einstein Institution, 2002.
4. *The Politics of Nonviolent Action* (3 vols.) by Gene Sharp. Boston: Extending Horizons Books, Porter Sargent Publishers, 1973.
5. *Self-Liberation* by Gene Sharp with the assistance of Jamila Raqib. Boston: The Albert Einstein Institution, 2010.
6. *Social Power and Political Freedom* by Gene Sharp. Boston: Extending Horizons Books, Porter Sargent Publishers, 1980.
7. *There Are Realistic Alternatives* by Gene Sharp. Boston: The Albert Einstein Institution, 2003.
8. *Waging Nonviolent Struggle: 20th Century Practice and 21st Century Potential* by Gene Sharp. Boston: Extending Horizons Books, Porter Sargent Publishers, 2005.

### **Để đặt mua sách bản gốc tiếng Anh, liên hệ:**

The Albert Einstein Institution  
P.O. Box 455  
East Boston, MA 02128, USA  
Tel: USA +1 617-247-4882  
Fax: USA +1 617-247-4035  
E-mail: [einstein@igc.org](mailto:einstein@igc.org)  
Website: [www.aeinstein.org](http://www.aeinstein.org)

1. Thuật ngữ “phản kháng chính trị” (political defiance) được Robert Helvey đưa ra và sử dụng trong ngữ cảnh này. ↩
2. Freedom House, *Freedom in the World*, <http://www.freedomhouse.org>. ↩
3. *Như trên*. ↩
4. Patrick Sarsfield O’Hegarty, *A History of Ireland Under the Union, 1880-1922* (London: Methuen, 1952), tr. 490-491. ↩
5. Krishnalal Shridharani, *War Without Violence: A Study of Gandhi’s Method and Its Accomplishments* (New York: Harcourt, Brace, 1939, và được in lại ở New York và London: Garland Publishing, 1972), tr. 260. ↩
6. Aristotle. *The Politics*. Dịch bởi T. A. Sinclair. (Harmondsworth, Middlesex, Anh; Baltimore, Maryland: Penguin Books, 1976 [1962]), Quyển V, Chương 12, tr. 231–232. ↩
7. Câu chuyện này, nguyên bản có nhan đề là “*Rule by Tricks*” (Cai trị bằng mưu mẹo), trích từ *Yu-li-zi* của Liu Ji (1311–1375), do Sidney Tai dịch, bản quyền thuộc về tác giả. *Yu-li-zi* cũng là bút danh của Liu Ji. Bản dịch lần đầu được đăng trong *Nonviolent Sanctions: News from the Albert Einstein Institution* (Cambridge, Massachusetts), Tập IV, số 3 (Mùa đông 1992–1993), tr. 3. ↩
8. Karl W. Deutsch. “Cracks in the Monolith,” trong Carl J. Friedrich (chủ biên), *Totalitarianism* (Cambridge, Massachusetts: Harvard University Press, 1954), tr. 313–314. ↩
9. John Austin. *Lectures on Jurisprudence or the Philosophy of Positive Law* (tái bản lần thứ năm, do Robert Campbell hiệu đính, 2 tập, London: John Murray, 1911 [1861]), tập I, tr. 296. ↩
10. Niccolò Machiavelli. “The Discourses on the First Ten Books of Livy,” trong *The Discourses of Niccolò Machiavelli* (London: Routledge and Kegan Paul, 1950), tập I, tr. 254. ↩
11. Xem Gene Sharp. *The Politics of Nonviolent Action* (Boston: Porter Sargent, 1973), tr. 75 và các phần liên quan, để tham khảo thêm nhiều ví dụ lịch sử khác. ↩
12. Robert Helvey, trao đổi cá nhân, ngày 15 tháng 8 năm 1993. ↩
13. Các nghiên cứu chuyên sâu (đầy đủ) được đề xuất gồm: Gene Sharp, *The Politics of Nonviolent Action* (Boston, Massachusetts: Porter Sargent, 1973); Peter Ackerman và Christopher Kruegler, *Strategic Nonviolent Conflict* (Westport, Connecticut: Praeger, 1994). Ngoài ra, xem thêm Gene Sharp, *Waging Nonviolent Struggle: Twentieth Century Practice and Twenty-First Century Potential* (Boston: Porter Sargent, 2005). Những tài liệu này cung cấp nền tảng lý luận và thực tiễn quan trọng cho việc nghiên cứu và áp dụng đấu tranh bất bạo động. ↩

14. Aristotle, *The Politics*, Cuốn 5, Chương 12, tr. 233. ↩
15. Xem Gene Sharp, *Civilian-Based Defense: A Post-Military Weapons System* (Princeton, New Jersey: Princeton University Press, 1990). ↩
16. Danh sách này — kèm theo định nghĩa và các ví dụ lịch sử — được trích từ tác phẩm *The Politics of Nonviolent Action*, Phần Hai: *The Methods of Nonviolent Action* (Các phương thức đấu tranh bất bạo động), của Gene Sharp. ↩